

Theravāda  
Phật Giáo Nam Tông Việt Nam



PHẬT PHÁP

CĂN BẢN

TƯỜNG NHÂN SƯ

biên soạn

NHÀ XUẤT BẢN THUẬN HÓA

PL. 2562 – DL. 2018

PHẬT PHÁP

CĂN BẢN

*Xính dâng:*

- Cố Tăng thống: Đại Trưởng lão Hộ Tông
- Cố Tăng thống: Đại Trưởng lão Giới Nghiêm
- Cố Tăng trưởng: Đại Trưởng lão Hộ Nhân



THERAVĀDA  
PHẬT GIÁO NAM TÔNG VIỆT NAM

PHẬT PHÁP  
CĂN BẢN

TƯỜNG NHÂN SƯ  
biên soạn



NHÀ XUẤT BẢN THUẬN HÓA  
PL. 2562 – DL. 2018

## LỜI NÓI ĐẦU

Phật pháp là diệu pháp, là giáo pháp thâm sâu vi diệu mà Đức Thế Tôn đã chứng ngộ và truyền dạy rành rã suốt 45 năm không hề mệt mỏi. Hơn 2600 năm trôi qua, các đệ tử của Ngài đã tiếp nối nhau không ngừng nghỉ để giảng dạy và thực hành theo những gì tinh thâm, cao quý mà Ngài đã để lại. Kho tàng Pháp bảo đó đáng được nâng niu, tôn trọng và đồng thời cần đem ra để học lẫn hành nhằm đưa bản thân mình và đại chúng gột rửa cấu uế của nội tâm, đoạn tận lậu hoặc, và tối hậu là thoát khỏi khổ ách của tử sinh luân hồi, giác ngộ giải thoát.

Trong gần 6 năm giảng dạy môn Vi Diệu Pháp tại thành phố Huế và Hà Nội, chúng tôi thấy rằng có nhiều học viên còn mơ hồ về các vấn đề căn bản nhất của giáo pháp. Chẳng hạn như: Luân hồi, Nhân quả nghiệp báo, Tứ Thánh đế, v.v... Ngay cả việc đánh lễ Tam Bảo cho trọn vẹn sự lễ lạy vẫn còn nhiều người chưa hiểu rõ và làm đúng việc lễ lạy đó, chưa biết mình đánh lễ với ý nghĩa gì và thực hành thân, tâm như thế nào thì mới gọi là đánh lễ Tam Bảo đúng cách và hợp lẽ đạo. Bên cạnh đó có những người mới đến với đạo, với giáo lý nhà Phật, hoàn toàn chưa biết gì nên còn nhiều bỡ ngỡ và lúng túng trước các thuật ngữ, ngôn từ của Phật pháp. Do những lý do trên, chúng tôi đã mở lớp dạy và học về những gì căn bản nhất của Phật pháp cho các Phật tử ở Huế và sau đó là ở Hà Nội.

Nhận thấy rằng, trong lúc dạy và học cần phải có sách vở, tài liệu cho các học viên tham khảo và lấy làm căn cứ, bởi vì đây là một phần không thể thiếu được, nên chúng tôi cố gắng biên soạn cuốn “Phật Pháp Căn Bản” này để lưu dùng. Ngoài ra, theo thỉnh cầu của các Phật tử lớp Vi Diệu Pháp và lớp Phật Pháp Căn Bản tại Hà Nội là xin được ấn tống cuốn sách này, cho nên cuốn sách được ra đời trong thời gian sớm nhất có thể.

Trong quá trình biên soạn tất nhiên không tránh khỏi những sơ suất, lầm lỗi trên tất cả mọi mặt, cầu mong các bậc thức giả lượng tình chỉ dạy cho.

Phần phước thiện này chúng con xin hồi hướng đến cho tất cả chúng sinh, nhất là thầy tổ, ông bà, cha mẹ, bà con quyến thuộc, bạn bè, cùng tất cả chư thiên và nhân loại. Cầu mong tất cả quý vị nhận lãnh phần thiện phước thanh cao này rồi được thoát khỏi khổ ách, an lạc lâu dài, ...

*Huế, mùa xuân 2018*

*Tường Nhân Sư*

## MỤC LỤC

	Trang
Lời nói đầu	
Mục lục	
Bài một:       Đánh lễ Tam Bảo tóm tắt	1
Bài hai:        Đại cương về Phật giáo	4
Bài ba:         Vũ trụ quan Phật giáo	21
Bài bốn:        Giáo pháp nền tảng	30
Bài năm:        Tâm	34
Bài sáu:        Tâm sở	40
Bài bảy:        Sắc	50
Bài tám:        Niết bàn	63
Bài chín:       Luân hồi	68
Bài mười:       Nghiệp và quả của nghiệp	76
Bài mười một:  Tứ Thánh đế	89
Bài mười hai:  Pháp thực hành	93
Tài liệu tham khảo	109

BÀI MỘT

# ĐẢNH LỄ TAM BẢO TÓM TẮT

1. *Arahaṃ Sammāsambuddho Bhagavā, Buddhaṃ Bhagavantaṃ abhivādemī.*  
Đức Thế Tôn, bậc Arahán, Chánh Đẳng Giác, con kính thành đảnh lễ Đức Phật, Đức Thế Tôn.
2. *Svākkhāto Bhagavatā Dhammo, Dhammaṃ namassāmi.*  
Pháp mà Đức Thế Tôn đã khéo thuyết, con xin kính lễ Đức Pháp.
3. *Supaṭipanno Bhagavato Sāvakaṣaṅgho, Saṅghaṃ namāmi.*  
Chúng đệ tử của Đức Thế Tôn là bậc thiện hạnh, con xin kính lễ Đức Tăng.

Từ ngữ: Sách “Thanh Tịnh Đạo” có ghi nghĩa của các từ như sau:

\* *Arahaṃ*: Arahán, bậc hoàn tất.

- bậc rời xa (āraṃ) những cấu uế,
- bậc diệt tận (hata) kẻ thù (āri),
- bậc phá hủy (hata) những cãm xe (ara),
- bậc xứng đáng (araha) với bốn món cúng dường,
- bậc không có các ác hạnh khuất lấp (rahābhāva).

\* *Sammāsambuddho*: Chánh Đẳng Giác, là bậc đã biết, đã tự mình giác ngộ các sự vật một cách chân chánh. Ngài chứng ngộ 4 chân lý cao cả (Tứ đế), liễu tri các pháp cần liễu tri (Khổ đế), đoạn tận các pháp cần đoạn tận (Tập đế), chứng đắc các pháp cần chứng đắc (Diệt đế) và tu tập các pháp cần tu tập (Đạo đế).

\* *Bhagavā*: Thế Tôn, là bậc cao cả nhất trong các hàng chúng sanh.

- tên chỉ một giai đoạn cuộc đời,

- danh xưng dựa trên sự chứng đạt,
- người may mắn (bhāgyavā) đạt đến sự hoàn thiện về Thí và Giới,
- có sự từ bỏ (bhaggavā) tất cả các phiền não, cấu uế,
- liên hệ đến các hạnh phúc (bhago hi yuttattā),
- sở hữu các pháp đã được phân tích (vibhattāva),
- từ bỏ đi vào các loại hữu (bhava),
- bậc đã lui tới (bhattavā), thường xuyên thân cận, thực hành các pháp thế gian và xuất thế gian, siêu nhân.

\* *Buddha*: biết, Phật, bậc giác ngộ. Ngài tự mình khám phá (bujjhi) bốn chân lý và giác tỉnh cho người khác chân lý ấy.

\* *abhipūjayāmi*: con xin kính thành đánh lễ.

\* *Svākkhāto*: khéo thuyết giảng.

\* *Bhagavatā*: mà Đức Thế Tôn.

\* *Dhammo*: Pháp.

\* *namassāmi*: con xin đánh lễ.

Giáo Pháp mà Đức Thế Tôn giảng dạy ra một cách khéo léo vì tốt đẹp ở chặng đầu, chặng giữa và chặng cuối và nó tuyên bố đời sống phạm hạnh hoàn toàn viên mãn, trong sạch với đầy đủ ý nghĩa và chi tiết. Một bài kệ, bài kinh trong giáo lý của Đức Phật tốt đẹp ở chặng đầu với lời dẫn nhập, cho biết nơi chốn và duyên khởi thuyết kinh; tốt đẹp ở chặng giữa vì thích hợp với những người đáng được giáo hóa, vì ý nghĩa không mơ hồ, được lập luận có nhân và dụ; sau hết, tốt đẹp ở chặng cuối với kết luận làm khởi tín tâm người nghe.

Bên cạnh đó, “khéo thuyết giảng” vì pháp được tuyên bố một cách thích đáng, không trái ngược. Pháp nào Thế Tôn tuyên bố là chướng ngại thì thực sự là chướng ngại, những pháp nào Ngài gọi là giải thoát thì giải thoát thực sự.

\* *Supaṭipanno*: thực hành tốt đẹp, thiện hạnh.

\* *Sāvakaṅgho*: chúng đệ tử.

\* *Bhagavato*: của Đức Thế Tôn.

\* *Saṅghaṃ*: Tăng chúng.

\* *namāmi*: con xin đánh lễ.



Chúng đệ tử Thánh Tăng của Đức Thế Tôn là những bậc thiện hạnh, đã đi vào thiện đạo, đã thực hành tốt những lời dạy của Ngài, đã chứng đắc các quả Thánh. Đây là những vị xứng đáng lễ lạy, cúng dường, là ruộng phước cho thế gian gieo mầm thiện pháp.



BÀI HAI

# ĐẠI CƯƠNG VỀ PHẬT GIÁO

## I. PHẬT GIÁO LÀ GÌ?

Trong tiếng Pāli, từ *Buddhasāsana* dịch là Phật giáo, chiết tự như sau:

- Buddha: bậc giác ngộ, giác giả, Đức Phật.
- Sāsana: lời dạy, lời giáo huấn, giáo pháp làm nền tảng để dạy dỗ loài người, chư thiên và phạm thiên.

Tóm lại, từ *Phật giáo* nghĩa là lời dạy của Đức Phật dành cho nhân loại, chư thiên và phạm thiên cả thảy.

Nếu hiểu Phật giáo chỉ trong một định nghĩa như trên thì chưa thể hiểu rõ, chưa hiểu được gì nhiều về Phật giáo, cho nên cần phải tìm hiểu thêm thông qua các vấn đề đại để như sau:

### 1, *Phật giáo ở nơi đâu?*

Phật giáo ở tại chùa? Tại “Tam Tạng kinh điển”? Hay ở nơi các nhà sư, các vị tỳ khưu, sa di?

### 2, *Phật giáo đang phát triển là phát triển cái gì?*

Đó là sự phát triển của chùa chiền về số lượng, về quy mô đồ sộ? Có nhiều ngôi chánh điện nguy nga, sơn son thếp vàng, tượng Phật dát bằng vàng ròng? Có nhiều bảo tháp to lớn, cao ngất? Tàng Kinh Các với nhiều bộ “Tam Tạng” đủ các ngôn ngữ? Sách vở giáo pháp in ấn đầy rẫy, phát hành nhiều băng đĩa Pháp thoại của nhiều bậc danh tăng Pháp sư? Có nhiều lớp dạy và học Phật pháp khắp nơi? Nhiều khóa thiền với những thiền sư lỗi lạc được mở ra khắp các tỉnh thành? v.v... Những điều này nói lên rằng Phật giáo đang phát triển?

### 3, *Xây dựng Phật giáo là xây dựng cái gì?*

Có phải chăng là xây dựng chùa chiền, xây ngôi chánh điện, xây tăng xá, xây nhà trụ, xây trường Phật học cho nhiều, cho đẹp đẽ? Cho nhiều người xuất gia thành tỳ khưu, sa di là xây dựng Phật giáo sao?

### 4, *Hộ trì Phật giáo là hộ trì cái gì?*

Việc trùng tu điện Phật, sửa sang tăng xá, cốc liêu của chư sư, tường rào quanh chùa? Hay chí đến lập quỹ, cấp học bổng cho tăng ni sinh đang theo học tại các trường Phật học trong và ngoài nước, đó gọi là?

### 5, *Phật giáo suy đồi thì cái gì suy đồi?*

Khi các ngôi chùa, bảo tháp, điện Phật hư hoại, xuống cấp khiến cho các vị sư sãi lữ lượt hoàn tục hoặc bỏ đi, điều này chứng tỏ Phật giáo đang bị suy đồi?

### 6, *Phá hoại Phật giáo là phá hoại cái gì?*

Việc đập phá chùa chiền, bảo tháp, tịnh thất? Việc bắt các vị sư sãi hoàn tục? Hay việc cắt đầu tượng Phật, chặt tay chân tượng Phật, tượng La Hán? Việc thiêu đốt kinh sách, dẹp bỏ các Học viện Phật giáo? Hoặc là việc trộm cắp vật dụng của chư Tăng,...? Tất cả những việc này gọi là phá hoại Phật giáo?

### 7, *Phật giáo là kẻ thù của phiền não*

Bởi vì tất cả các lời dạy của Đức Phật đều là lời dạy để biết được sự thật, khi đã biết được sự thật của các pháp thì *phiền não* (kilesa) là sự hiểu biết sai lạc (tà kiến), là sự không thấy rõ (vô minh) sẽ không thể sinh khởi được.

### 8, *Ai là người đoạn trừ phiền não?*

Người đoạn trừ phiền não, là nhân tố để thoát khỏi khổ đau, chính là sự thấy biết đúng đắn hay còn gọi là *sammādiṭṭhi – chánh kiến*. Nói theo thực tính pháp, đó là *paññācetasika – tuệ tâm sở* còn gọi là tuệ minh sát (vipassanāpaññā) ở trong các Đạo tâm (maggacitta).

Tóm lại, chúng ta có thể hiểu “Phật giáo” dưới các dạng như sau:

\* Về nội dung: là lời dạy của Đức Phật.

\* Về thực tính pháp: là trí tuệ (paññā) chứng ngộ Tứ Diệu đế, hay trí tuệ thấu rõ Niết bàn.

\* Về căn cứ: là “Tam Tạng kinh điển”, bao gồm: Tạng Luật (Vinayapiṭaka), Tạng Kinh (Suttantapiṭaka) và Tạng Vi Diệu Pháp (Abhidhammapiṭaka).

\* Về phạm sự: hàng tứ chúng có hai bốn phạm, đó là: phạm sự học (ganthadhura) và phạm sự hành (vipassanadhura).

\* Về sự thấu đạt: việc hiểu biết, thấu đạt Phật giáo bằng trí tuệ theo 3 pháp là:

– Pháp học (Pariyatti): thấu đạt bằng việc học hiểu Tam Tạng kinh điển.

– Pháp hành (Paṭipatti): thấu đạt bằng việc thực hành Giới, Định, Tuệ.

– Pháp thành (Paṭivedha): thấu đạt bằng việc chứng đắc Đạo, Quả, Niết bàn.

## II. NỀN TẢNG CHẾ ĐỊNH PHẬT GIÁO

Từ các hiện tượng, sự việc của vạn pháp, Đức Phật đã thấu rõ, chứng ngộ sự thật của tự nhiên và nêu ra những lời dạy của mình, đó là một sự thật rất ráo: “Các pháp sinh khởi do nhân và cũng diệt đi do nhân đó”. Có nghĩa là vạn pháp do nhân duyên mà sinh ra và khi hết nhân hết duyên đó thì các pháp cũng tự diệt mất.

Các pháp do nhân và duyên tạo tác ấy, gọi là: *saṅkhatadhamma – pháp hữu vi*. Như trong “Tăng Chi Bộ Kinh”, chương Ba pháp, Đức Phật thuyết bài kinh Xuất hiện (Uppādasutta):

“Này chư tỳ khưu, cho dù Như Lai có xuất hiện hay không xuất hiện thì *giới (dhātu)* ấy là sự trụ tánh theo lẽ thường, sự diễn biến theo lẽ thường, vẫn tự nó là như thế. Như Lai chứng ngộ *giới tánh* ấy rằng: ‘Các pháp hữu vi là vô thường, các pháp hữu vi là khổ, vạn pháp là vô ngã’. Sau khi chứng ngộ, liễu đạt *giới tánh* ấy, Như Lai tuyên bố, thuyết giảng, tuyên thuyết, xác nhận, khai thị, phân biệt, hiển thị: “Các pháp hữu vi là vô thường, các pháp hữu vi là khổ, vạn pháp là vô ngã”.

Do vậy, lời dạy của Đức Phật mà Ngài có được do từ sự chứng ngộ các pháp của thế gian, của tự nhiên, đúng như sự thật, như chân như thật; không phải có được từ sự suy tư nghĩ ngợi, từ tư duy trí não, từ suy luận phỏng đoán, cũng không do một vị thần linh tối cao nào ban phát cho cả,...

## III. PHẬT GIÁO LÀ GIÁO PHÁP CHUNG

Đức Phật chỉ cho chúng ta biết sự thật của tự nhiên, của các pháp cùng với nhân và duyên làm cho các pháp sinh khởi cũng như suy hoại, cho nên đây là lời dạy mà người có trí nên học hỏi, tầm cầu.

Loài người, không phân biệt chủng tộc, ngôn ngữ đều có thể học tập, chứng nghiệm lời dạy đúng theo sự thật của Ngài. Giáo pháp này không ngăn cấm một ai và không bắt buộc ai phải tuân theo hay phải học theo cả. Chẳng hạn, Đức Thế Tôn dạy rằng:

– Địa đại (chất đất): có tính cứng hoặc mềm, có thể chứng minh được bằng xúc chạm.

– Hỏa đại (chất lửa): có tính nóng hoặc lạnh, có thể chứng minh được bằng xúc chạm.

– Tâm thức: là pháp nhận biết đối tượng thông qua: thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm và suy nghĩ.

– Tham lam: là sự hài lòng, dính mắc nơi đối tượng.

– Sân hận: là sự không vừa lòng, chối đẩy đối tượng.

– Tâm từ: là mong muốn cho mọi chúng sinh an vui, hạnh phúc

– Tâm bi: là tâm muốn giúp đỡ chúng sinh thoát khỏi khổ cảnh, hoạn nạn.

Qua đó, chúng ta thấy rằng lời dạy của Đức Thế Tôn chỉ dạy cho biết sự thật của các pháp, của tự nhiên mà ai ai cũng có thể tự mình chứng minh được, chiêm nghiệm được, nên đây là giáo pháp chung cho tất cả mọi người không phân biệt chủng tộc, ngôn ngữ. Và đây cũng không chỉ là lời dạy dành riêng cho loài người thôi mà cho cả chư thiên, phạm thiên cả thảy, ai có trí tuệ đều có thể học tập được. Do vậy, Ngài còn có danh gọi là: “*Satthādevamanussānaṃ*” (Thiên Nhân Sư), nghĩa là thầy dạy của cả trời lẫn người vậy.

#### IV. PHẬT GIÁO KHỞI SINH NHƯ THẾ NÀO?

Phật giáo được khởi sinh trên thế gian này do nhờ 3 ân đức của Ngài, đó là:

– Ân đức Trí tuệ

– Ân đức Đại bi

– Ân đức Thanh tịnh.

##### 1, Ân đức Trí tuệ – *Paññādhiguṇa*:

Trí tuệ của bậc Chánh Đẳng Giác (*Sammāsambuddho*), gồm có 3 loại:

a, *Nhất thiết chủng trí – Sabbaññuttañāṇa*: Trí tuệ toàn giác, thấu biết tất cả vạn pháp, không có gì ngăn ngại.

b, *Khuynh hướng tùy miên trí – Āsayānussayañāṇa*: Trí tuệ thấu rõ phiền não ngủ ngầm và tính khí (khuynh hướng) của mỗi một chúng sinh đã huân tập, tích

lũy từ trong quá khứ.

c, *Căn thượng hạ trí – Indriyaparopariyattiñāṇa*: Trí tuệ thấu biết căn cơ cao thấp của chúng sinh trong việc thực hành thiền, chứng đắc Đạo, Quả.

Các loại trí tuệ siêu việt nêu trên chỉ có ở nơi bậc Chánh Đẳng Giác mà thôi. Do khả năng trí tuệ cao thượng như vậy nên Ngài mới có thể đứng lên tuyên thuyết giáo pháp, tiếp độ sinh linh thoát khỏi khổ não của tử sinh luân hồi. Tất cả hàng con Phật chúng ta đều mang ơn trước trí tuệ cao cả của đấng Từ phụ và khó lòng mà đền đáp được ân đức ấy.

### 2, *Ân đức Đại bi – Mahākaruṇādhiguṇa*:

Đức Thế Tôn có tấm lòng bi mẫn không giới hạn, vô lượng vô biên, không phân biệt con người, không giới hạn không gian, thời gian. Nếu cần tiếp độ để chúng sinh ấy đắc Đạo, Quả, Niết bàn thì Ngài sẽ tiếp độ ngay, cho dù là phải vượt qua gian khó thế nào đi nữa. Kể từ buổi đầu tiên, sau khi chứng quả Vô thượng Bồ đề, Ngài đã thuyết kinh “Chuyển Pháp Luân” tại Vườn Nai, gần thành Bārāṇasī để độ cho nhóm 5 anh em Koṇḍañña (Kiều Trần Như). Trong suốt 45 năm hoàng truyền giáo pháp, Ngài luôn tinh tấn, nỗ lực không ngừng nghỉ chỉ vì lòng thương tưởng chúng sinh; cho đến lúc gần tịch diệt Niết bàn, Ngài vẫn còn độ cho du sĩ Subhadda trở thành bậc thánh Arahán cuối cùng. Đây chính là ân đức *Đại bi* mà Ngài đã hướng đến để đưa chúng sinh thoát khỏi họa tai của luân hồi vô định, bởi vì Ngài thấy rõ tất cả chúng sinh bị kiềm tỏa, bị trói buộc trong vòng tử sinh luân hồi triền miên lâu dài rồi, không thể nào tính niên hạn được.

### 3, *Ân đức Thanh tịnh – Parisuddhiguṇa*:

Phật giáo phát sinh trên thế gian này còn do ân đức *Thanh tịnh* của Đức Phật Chánh Đẳng Giác nữa. Ngài tuyên thuyết giáo pháp đã chứng ngộ mà không mong mỏi được lợi lộc gì, không lựa chọn tầng lớp, giai cấp, cho dù là người nghèo khó hay kẻ giàu sang, dù có quyền lực địa vị hay không, khi thấy tiếp độ được thì Ngài vẫn tiếp độ. Bên cạnh đó Ngài tế độ chúng sinh không phải vì lợi lộc, vì danh tiếng, vì niềm vui gì cả mà vì Ngài là bậc hoàn toàn thanh tịnh rồi. Do bởi Ngài đã đoạn tận hết mọi phiền não, cấu uế, nội tâm thanh tịnh, trong sáng nên lời dạy của Ngài chỉ có một vị duy nhất, đó là *vị giải thoát* (vimuttirasa).

Hàng tứ chúng đệ tử của Đức Thế Tôn học và thực hành theo lời dạy của Ngài cũng sẽ đạt đến sự thanh tịnh, trong sáng, thoát khỏi phiền não cấu uế nội tâm như Ngài vậy.

Về nguyên nhân xa khiến cho Phật giáo khởi sinh thì có thể nói rằng là do *phiền não cấu uế* (kilesa) là nhân làm cho sinh khởi Phật giáo, trong đó *vô minh* (avijjā) và *ái dục* (taṇhā) là hai yếu tố quan trọng.

Do năng lực của vô minh là sự không sáng suốt, không thấu rõ sự tử sinh luân hồi của chúng sinh và đây cũng là mối nghi của Đức Thế Tôn trước khi Ngài giác ngộ thành Phật rằng tại sao chúng sinh phải sinh-lão-bệnh-tử, rồi khi chết đi thì sẽ sinh lại hay không. Ngài đã tìm kiếm sự thật của các vấn đề này suốt thời gian huân tu thập độ Ba-la-mật là 4 A-tăng-kỳ và một trăm nghìn đại kiếp, như trong Phật ngôn đầu tiên:

<i>“Anekajātisaṃsaram,</i>	<i>sandhāviṣaṃ anibbisaṃ.</i>
<i>Gahakāraṃ gavesanto,</i>	<i>dukkhājāti punappunaṃ.</i>
<i>Gahakāraka diṭṭho’si,</i>	<i>puna gehaṃ na kāhasi.</i>
<i>Sabbā te phāsukā bhaggā,</i>	<i>gahakūtaṃ viṣaṅkhataṃ.</i>
<i>Viṣaṅkhāraṃ gataṃ cittaṃ,</i>	<i>taṇhānaṃ hayamajjhagā”.</i>

Dhammapadagāthā 153, 154.

Này người thợ “tham ái” xây nhà “thân”,  
Như Lai cố tìm người mà chưa gặp,  
Nên tử sinh luân hồi vô số kiếp,  
Tái sinh mãi trong tam giới là khổ.

Này tham ái, người thợ xây nhà “thân”  
Bây giờ Như Lai đã gặp người rồi!  
Tất cả sườn nhà “phiền não” của người,  
Như Lai đã hủy hoại sạch cả rồi.  
Nóc nhà “vô minh” cũng bị tiêu diệt,  
Người không còn xây nhà Như Lai nữa.

Kệ thi Pháp Cú số 153,154.

(Bản dịch của Trưởng lão Hộ Pháp)

## V. PHẬT GIÁO HIỆN TỒN DO NHÂN GÌ?

Đức Phật truyền trao đạo Phật của Ngài cho hàng tứ chúng là những người có khả năng thấu biết, hiểu rõ, đạt đáo lời dạy của Ngài. Ngài không truyền trao cho một vị quân vương, một người có quyền lực hay có địa vị, tài sản gì mà chỉ truyền trao cho những người có trí tuệ, có khả năng hiểu đúng và hành đúng theo Phật giáo.

Cho nên, việc bảo trì Phật giáo cần phải có trí tuệ nhằm thấu tình đạt lý đúng với lời dạy của Đức Phật. Nếu chỉ hộ trì Phật giáo theo đức tin không thôi; như việc lễ lạy, cúng dường, tụng kinh hay làm các Phật sự xã hội chung chung thì chẳng đi đến đâu cả. Bởi lẽ Phật giáo khởi sinh do trí tuệ, do năng lực của Đức Thế Tôn và Ngài tuyên thuyết giáo pháp để hàng đệ tử học tập và thực hành theo. Cho nên, nhiệm vụ của chúng ta – những người con Phật là phải học tập, trau dồi và đem ra hành theo những lời giáo huấn của Ngài.

Như vậy, Phật giáo tồn tại được là do hàng tứ chúng cùng nhau thực hiện nhiệm vụ, phận sự của mình trong giáo pháp, đó là:

\* Phận sự học – Ganthadhura: học tập và thấu hiểu chánh pháp,

\* Phận sự hành – Vipassanādhura: hành theo pháp đã được học đúng đắn và đạt đến chân lý đúng như chân, như thật.

Tóm lại, chỉ có trí tuệ của hàng tứ chúng mới có thể hộ trì và bảo tồn Phật giáo bằng cách thực hiện tốt hai phận sự đã nêu trên.

## VI. PHẬT GIÁO SUY THOÁI DO NHÂN GÌ?

Chân pháp của Đức Phật cho dù là cao thượng, siêu việt thế nào đi nữa cũng không thể nào thoát ra khỏi các quy luật của tự nhiên. Như Ngài đã dạy:

<i>“Sabbe saṅkhārā aniccāti,</i>	Các pháp hữu vi là vô thường,
<i>Sabbe saṅkhārā dukkhāti,</i>	Các pháp hữu vi là khổ,
<i>Sabbe dhammā anattāti”.</i>	Vạn pháp là vô ngã”.

Dẫu biết vậy, nhưng cũng có những người Phật tử đang còn thiên vị vì yêu, nên vẫn còn suy nghĩ và tranh luận rằng Phật giáo không có ngày suy hoại mà tâm ý của những người theo Phật giáo là đấng khác sẽ suy thoái đi, còn Phật giáo thì nào có suy hoại theo tâm ý của con người được.

Thật ra, người phát ngôn như trên đã bỏ qua ba loại trí tuệ đạt đấng lời dạy của Đức Phật, đó là:

- Trí tuệ Pháp học,
- Trí tuệ Pháp hành và
- Trí tuệ Pháp thành.

Sự viên mãn trong việc đạt đấng lời dạy của Đấng Từ Phụ ấy cần phải kết hợp đầy đủ ba loại trí tuệ đã nêu, nếu thiếu một loại nào đó thì không thể được, bởi vì



chúng có mối quan hệ hỗ tương và làm nhân, làm duyên lẫn nhau.

Nếu thiếu Pháp học, là sự học hỏi giáo pháp và thiếu đi Pháp hành, là sự thực hành giáo pháp đã được học ấy thì Pháp thành, là quả đạt được từ việc thực hành đúng đắn cũng sẽ không khởi sinh được. Hoặc là chỉ có Pháp hành mà không có Pháp học thì Pháp thành cũng không thể thành tựu được.

Chính việc thiếu sót Pháp học và Pháp hành sẽ dẫn đến sự suy hoại của Phật giáo. Một khi chúng đệ tử của Đức Phật bỏ rơi hai nhiệm vụ đã nêu trên thì việc đạo Phật suy đồi là chuyện đương nhiên xảy ra.

Phật giáo được duy trì và bảo tồn là nhờ sự thấu hiểu đúng đắn chân lý mà Đức Thế Tôn đã phát hiện và chỉ dạy. Bởi vậy, sự suy đồi làm hư hoại Phật giáo nằm ở sự không hiểu biết đúng đắn lời dạy của Đức Phật, không thấy rõ chân lý như chân như thật đã được Ngài chỉ ra.

Nếu như đã không hiểu rõ lời dạy của Đấng Từ Phụ thì có nghĩa là đã không thấy biết đúng đắn, như thật và làm cho ta không thấy đúng theo tự nhiên, cái này gọi là thấy biết sai. Thấy biết sai trái ở đây là không đúng với tự nhiên, chứ không phải là không đúng với quan kiến, suy nghĩ hay cái thấy của một ai, một đấng sáng tạo chủ nào cả. Nó chỉ là thấy biết không hợp, không đúng với sự thật, với quy luật của tự nhiên.

Sự thấy biết sai trái nêu trên là một pháp tự nhiên, là một tâm sở – cetasika được gọi tên là *micchādiṭṭhi* – tà kiến; nếu sinh khởi nơi tâm tại một thời điểm nào đó, thì lúc ấy sẽ làm cho phát sinh sự thấy biết sai trái với sự thật của tự nhiên. Cho nên, tà kiến này chính là kẻ thù đối nghịch của Phật giáo. Đức Phật cũng từng nói đến tà kiến này, về bản chất của nó như sau:

- Tính chất: chấp thủ vào trạng thái không đúng với sự thật,
- Phạm sự: làm sai lạc với sự thật,
- Quả biểu hiện: là chấp vào sự sai trái,
- Nhân gần: không muốn thân cận, gần gũi các bậc Thánh nhân.

Tà kiến khởi sinh với người theo đạo Phật nhiều chừng nào thì sẽ làm cho Phật giáo suy hoại, hư hao nhiều chừng ấy. Nhất là trong thời đại ngày nay, những người tu Phật chẳng quan tâm học tập Pháp học, thực hành Pháp hành nhiều hơn thì tà kiến sẽ xâm lấn tâm can của vị ấy không buông. Khi mà tà kiến sinh khởi trong nội tâm của một người thì chánh kiến (*sammādiṭṭhi*) sẽ bị diệt tận khỏi tâm của

người ấy, bởi lẽ theo quy luật tự nhiên chánh kiến với tà kiến không thể đồng sinh với nhau được; giống như phước và tội không thể sinh cùng lúc với nhau vậy.

Như vậy, Phật giáo sẽ suy hoại là do sự hiểu biết sai lạc của hàng tứ chúng xuất gia cũng như tại gia. Và về bản chất, sự thấy biết sai lạc đó chính là *tà kiến – micchādiṭṭhi*.

Ngoài nhân tố tà kiến này ra, thì việc bỏ rơi hay lơ là phận sự của người con Phật cũng là một nguyên nhân dẫn đến sự suy hoại của Phật giáo. Đó chính là sự không làm tròn hai phận sự: *pháp học – gāthadhura* và *pháp hành – vipassanādhura* của các hàng Phật tử, do bởi chìm đắm trong lợi lộc, địa vị, danh vọng và lạc thú dưới sự bức bách của ái dục và phiền não cấu uế của nội tâm, khiến cho chánh kiến bị mất đi và Phật giáo cũng bị suy hoại theo. Nếu như có nguyện vọng hộ trì Phật giáo thì cần phải hỗ trợ lẫn nhau làm tròn hai phận sự như đã nêu trên.

Tóm lại, Phật giáo có bị suy thoái cũng do *micchādiṭṭhi – tà kiến* và *taṇhā – ái dục* của các hàng con Phật, xuất gia cũng như tại gia đã lơ là hay bỏ rơi hai phận sự trong Phật giáo để chạy theo danh và lợi vậy.

## VII. PHẬT GIÁO TIÊU VONG NHƯ THẾ NÀO?

Sự diệt vong của Phật giáo sẽ diễn ra qua 5 giai đoạn như lời chỉ dạy của Đức Phật theo tuần tự sau:

1, *Pháp thành tiêu vong – Paṭivedhaantaradhāna*: Đạo, Quả, Niết bàn là kết quả của việc thực hành phạm hạnh sẽ bị tiêu vong trước, tức là không còn bậc Thánh nhân chứng ngộ 4 Đạo, 4 Quả và Niết bàn nữa.

2, *Pháp hành tiêu vong – Paṭipattiantaradhāna*: Việc tu tập Tứ niệm xứ (Satipatṭhāna) và Thiền minh sát (Vipassanā) không còn nữa bởi vì không còn một ai hành theo hay là tuy còn việc thực hành theo các pháp này nhưng thực hành yếu kém, chậm lụt, không đạt đến quả là Pháp thành. Chẳng hạn như thời hiện tại, đa phần thực hành thiền định (samatha), ngay cả thiền định này cũng còn yếu kém, không đạt đến định an chỉ (appanājhāna), hoặc còn khó khăn nhiều thì nói gì đến thiền tuệ (vipassanā). Do vậy, sự diệt vong của Pháp hành sẽ biểu hiện tiếp theo sự diệt vong của Pháp thành.

3, *Pháp học tiêu vong – Pariyattiantaradhāna*: Việc học hỏi “Tam Tạng kinh điển” (Tipiṭaka) sẽ từ từ suy yếu dần theo thời gian. Đầu tiên là suy hoại từ việc học

Tạng Vi Diệu Pháp (Abhidhammapiṭaka) và trong đó là suy hoại từ “Bộ Duyên Hệ” (Paṭṭhāna) theo trình tự cho đến cuối cùng là “Bộ Pháp Tụ” (Dhammasaṅgani).

Tiếp theo là Tạng Kinh (Suttantapiṭaka) sẽ suy dần từ “Tiểu Bộ Kinh” (Khuddakaniāya) rồi đến “Tăng Chi Bộ Kinh” (Aṅguttaranikāya) và cuối cùng là “Trường Bộ Kinh” (Dīghanikāya).

Theo đó, Tạng Luật (Vinayapiṭaka) cũng suy hoại theo, đầu tiên là “Bộ Tập Yếu” (Parivāra) và đến cuối là “Bộ Đại Phân Tích” (Mahāvibhaṅga).

4, *Tăng chúng tiêu vong – Liṅgaantaradhāna*: Kế đến là hình ảnh vị tỳ khưu đắp y ca-sa, mang bát sẽ biến mất trên thế gian. Một khi Pháp học suy hoại đến phần Tạng Luật thì chư Tăng không còn y ca-sa nữa mà chỉ còn tí vải vàng quấn ở cổ tay làm dấu hiệu mà thôi. Đây chính là sự tiêu vong của Tăng chúng.

5, *Xá Lợi tiêu vong – Dhātuantaradhāna*: Vào thời giáo pháp của Đức Phật được 5.000 năm diệt vong, khi ấy Xá-Lợi của Đức Thế Tôn trên toàn vũ trụ sẽ quy về cõi Đại Bồ Đề, kết thành một pho tượng Phật có đầy đủ 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp, phát ra hào quang 6 màu tỏa sáng đến cõi trời sắc giới phạm thiên.

Lúc bấy giờ, chư thiên và phạm thiên cả mười ngàn thế giới cùng nhau tụ hội về cõi Đại Bồ Đề để lễ bái, cúng dường Đức Phật; nhưng nhân loại thì không có một người nào, vì lúc ấy Phật giáo đã hoàn toàn tiêu hoại rồi. Khi đó, pho tượng Xá Lợi tự phát lửa thiêu cháy toàn bộ, Xá Lợi của Đức Phật đã tịch diệt Niết bàn, không còn dư sót trên thế gian.

### VIII. TÍN NGƯỠNG PHẬT GIÁO TRONG THỜI HIỆN TẠI

Trải qua hơn 2600 lịch sử với bao cuộc thăng trầm bể dâu, Phật giáo vẫn còn tồn tại trên một số đất nước, xứ sở với 3 dòng truyền thừa chính, đó là:

\* *Phật giáo Nguyên thủy*: theo truyền thống Theravāda, chư Tăng đắp y ca-sa, mang bát, giữ gìn và lưu truyền theo hệ Tam Tạng Pāli, giống thời Đức Phật tại thế. Có mặt trên các quốc độ như: Ấn Độ, Nepal, Bangladesh, Myanmar, Thái Lan, Srilanka, Lào, Cam Pu Chia, Việt Nam và bắt đầu du nhập vào một số nước châu Âu, Hoa Kỳ và châu Úc.

\* *Phật giáo Phát triển*: theo truyền thống Mahāyāna, chư Tăng sử dụng y phục tùy theo mỗi đất nước sở tại chế ra, lưu truyền theo hệ Sanskrit và Hán tạng, có nhiều lễ nghi pha lẫn với các tôn giáo địa phương,... thường thấy tại một số quốc độ

như: Trung Hoa, Nhật Bản, Triều Tiên, Đài Loan, Việt Nam và cũng đã du nhập vào một số nước ở châu Âu, Hoa Kỳ và châu Úc.

\* *Phật giáo Kim Cương thừa*: theo truyền thống Vacirayāna, chư Tăng là các Lạt-ma, chủ yếu xuất xứ từ Tây Tạng. Kim Cương thừa có mặt tại các quốc độ: Tây Tạng, Mông Cổ, Nepal, Bhutan, Buryat (thuộc Nga Á), Nội Mông (thuộc Trung Hoa), v.v...

Nói chung, người theo Phật giáo cũng còn nhiều, nhưng đa phần chưa có đức tin chân chánh nơi Tam Bảo. Lòng tin của các tín đồ Phật giáo có thể quy kết dưới 3 dạng, ấy là:

- tin ở cá nhân (vị có chức sắc, vị nổi danh, hay vị có khả năng đặc biệt,...)
- tin vào ngôi chùa, tự viện hoặc các tượng Phật linh hiển,...
- tin nơi các nghi lễ cúng tế các loại,...

Sở dĩ Phật giáo đồ đang còn tin vào các điểm nêu trên vì họ đang còn thiếu nhiều kiến thức Phật học căn bản; chưa hiểu, chưa thấu rõ thực tính pháp đúng như chân, như thật của pháp tự nhiên vốn có.

Ngoài ra, tín đồ Phật giáo cũng chẳng mấy quan tâm đến việc học tập giáo pháp hay việc thực hành Pháp hành theo như lời dạy của Đức Thế Tôn. Điều này cũng giống như làm cho tà kiến sinh sôi nảy nở và chánh kiến bị suy hoại dần đi, như thế thì Phật giáo làm sao mà phát triển được đối với những người không hiểu rõ bản chất thực sự của thực tính pháp.

Thế nên, ngày nay Phật giáo đang suy dần bởi sự không hiểu biết đúng đắn của những người đang tín ngưỡng Phật giáo, âu cũng là do thiếu trí tuệ để hiểu đúng và hành đúng những lời dạy của Đức Phật.

Nếu như mỗi một chúng ta có ước nguyện giúp cho tuổi thọ của đạo Phật được dài lâu thì phải cùng nhau hỗ trợ việc làm tròn hai phận sự quan trọng trong Phật giáo, đó là phận sự học và phận sự hành như đã nêu, như thế mới gọi là người làm cho Phật giáo phát triển.

## IX. TAM TẠNG KINH ĐIỂN PHẬT GIÁO

Những lời dạy của Đức Phật được biểu hiện cụ thể qua toàn bộ Tam Tạng (Tipitaka). Đó chính là sự kết tập những lời giáo huấn của Ngài suốt 45 năm rông rã truyền bá giáo pháp trên thế gian này. Với vai trò lãnh đạo của Đức Mahākassapa

(Đại Ca Diếp) và sự trùng tuyên của Đức Ananda (A Nan) và Đức Upāli trong kỳ kết tập lần thứ nhất, Tam Tạng (Tipiṭaka) được kết tập thành 3 tạng (kho chứa, cái giỏ) chính là:

1, *Tạng Luật – Vinayapiṭaka*: Nói về những giới điều mà Đức Phật cấm chế dành cho hàng tứ chúng, xuất gia cũng như tại gia, để thu thúc lục căn, điều phục thân và khẩu. Đức Phật thuyết Tạng Luật bằng pháp lệnh (āṇādesanā), giáo huấn tùy theo lỗi phạm phải (yathāparādhāsana) và răn dạy đệ tử cần thu thúc thân và khẩu (saṃvarāsaṃvarakathā). Về nhóm pháp thì Tạng Luật có tất cả 21.000 pháp uẩn (dhammakhandha) và chia thành 5 bộ. Tạng Luật là đối tượng của *giới – sīla*.

2, *Tạng Kinh – Suttantapiṭaka*: Bao gồm những bài kinh mà Ngài đã thuyết giảng, đặt trên nền tảng con người, chúng sinh, phù hợp với tâm tính của những chúng sinh có căn cơ trình độ để tiến đến giác ngộ giải thoát. Đức Phật thuyết Tạng Kinh với ngôn ngữ thích hợp (vohāradesanā), giáo huấn chúng sinh tùy căn duyên của họ (yathānulomasāsana) và dạy cho chúng sinh diệt tà kiến (ditṭhiviviveṭhanakathā). Tạng này được chia thành 5 bộ và gồm có 21.000 pháp uẩn. Tạng Kinh là đối tượng của *định – samādhi*.

3, *Tạng Vi Diệu Pháp – Abhidhammapiṭaka*: Đức Phật thuyết dựa trên nền tảng chân đế, đúng theo chân nghĩa pháp (paramatthadhamma), thực tính pháp (sabhāva), không đề cập đến con người, chúng sinh, cuộc đời, v.v... Trong tạng này, Ngài chỉ nói về pháp chân đế, giáo huấn chúng sinh tùy căn duyên để diệt tà kiến chấp ngã (yathādhammasāsana) và thuyết giảng phân tích danh pháp, sắc pháp (nāmarūpaparicchedakathā). Tạng Vi Diệu Pháp có tất cả 42.000 pháp uẩn và chia thành 7 bộ. Tạng này là đối tượng của *tuệ – paññā*.

“Tam Tạng kinh điển” Phật giáo đã được kết tập bằng tiếng Pāli và đến hiện giờ đã trải qua 6 lần kết tập. Lần đầu tiên đến lần thứ ba được kết tập bằng cách tụng đọc, thuộc lòng (*mukkhapāṭha – khẩu truyền*). Lần thứ tư trở đi cũng được trùng tuyên tụng đọc nhưng có ghi chép bằng văn bản, kết thành bộ, thành tập trên lá buông, trên phiến đá và trên giấy bằng ngôn ngữ Pāli tùy theo mỗi kỳ.

Vào thời Phật tại thế, việc học hỏi “Tam Tạng kinh điển” được học bằng chính từ lời dạy truyền miệng của Ngài, chư Tăng nghe xong là học thuộc, tụng đọc và truyền cho nhau. Cho nên, những lời dạy của Đức Thế Tôn còn được gọi là *Phật ngôn – Buddhavacana*.

PHẬT NGÔN GỒM 6 LOẠI:

- 1, Phật ngôn có 1 phần: Appamādadhamma – Pháp không dễ duôi.
- 2, Phật ngôn có 2 phần: Dhamma – Pháp và Vinaya – Luật.
- 3, Phật ngôn có 3 phần: Tipiṭaka – Tam Tạng.
- 4, Phật ngôn có 5 phần: 5 Nikāya – 5 bộ Kinh, đó là:

- \* Dīghanikāya – Trường Bộ Kinh
- \* Majjhimanikāya – Trung Bộ Kinh
- \* Samyuttanikāya – Tương Ưng Bộ Kinh
- \* Aṅguttaranikāya – Tăng Chi Bộ Kinh
- \* Khuddakanikāya – Tiểu Bộ Kinh

- 5, Phật ngôn có 9 phần: Navaṅga – Cửu phần, đó là:

- i, *Sutta – Kinh văn*: gồm những bài văn xuôi lẫn kệ thi.
- ii, *Geyya – Phúng tụng*: gồm những bài hoàn toàn bằng kệ thi.
- iii, *Veyyākaraṇa – Ký thuyết*: gồm những bài kinh chỉ toàn văn xuôi.
- iv, *Gāthā – Kệ thi*: gồm những bài kệ thi không có tên.
- v, *Udāna – Tự thuyết*: gồm 82 bài Đức Phật tự tán thán do tâm hoan hỷ
- vi, *Itivuttaka – Như thị thuyết*: gồm 110 bài kinh, thường bắt đầu bởi câu: “*Vuttaṃ hetamaṃ Bhagavā,...*” (Điều này đúng như lời Đức Thế Tôn thuyết,...)
- vii, *Jātaka – Bốn sanh*: những câu kệ liên quan đến tiền kiếp của Đức Phật Gotama.
- viii, *Abbhūtaḍḍhamma – Vị tăng hữu*: gồm những bài kinh có pháp phi thường, chưa từng có trước đây.
- ix, *Vedalla – Phương quảng*: gồm những bài kinh vấn đáp bằng trí tuệ hợp với thọ hỷ.

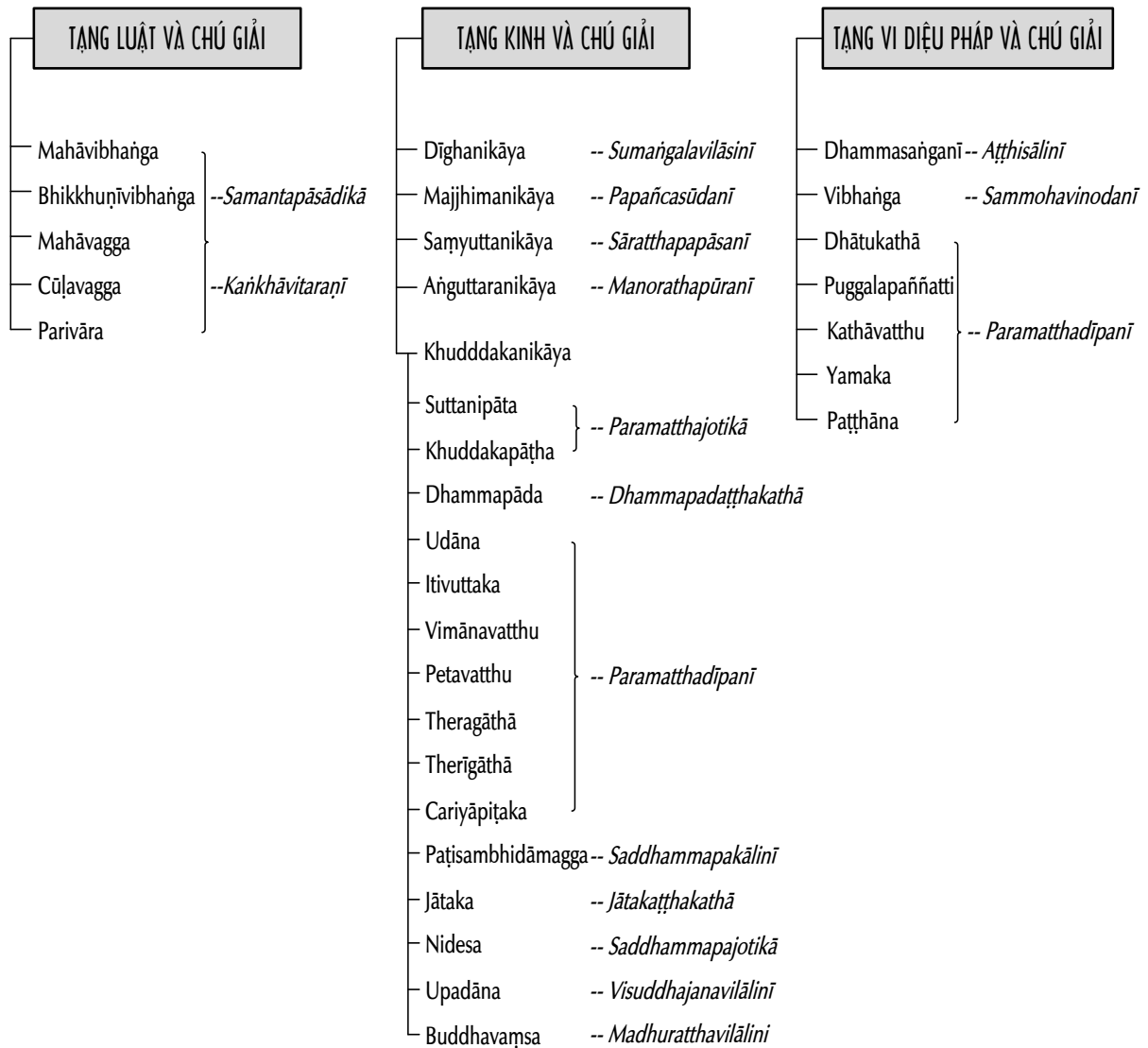
- 6, Phật ngôn có 84.000 phần: 84.000 Dhammakhandha – Pháp uẩn:

- |                            |                  |
|----------------------------|------------------|
| i, Tạng Luật có:           | 21.000 pháp uẩn. |
| ii, Tạng Kinh có:          | 21.000 pháp uẩn. |
| iii, Tạng Vi Diệu Pháp có: | 42.000 pháp uẩn. |

*Tam Tạng kinh điển ở trong ta*: Đức Phật thuyết giảng thực tính pháp đang hiển hiện nơi chúng sinh, con người có tâm, tâm sở và sắc pháp dưới các dạng khác nhau. Do vậy “Tam Tạng kinh điển” thật sự là ở nơi bản thân chúng ta. Thực vậy, Tạng Luật dạy con người ta trở thành người tốt, Tạng Kinh đề cập đến các câu chuyện về con người và Tạng Vi Diệu Pháp dạy cho chúng ta biết pháp tự nhiên có ở

trong mỗi một chúng ta. Nếu nói theo pháp chân đế thì “Tam Tạng” bao gồm: tâm, tâm sở, sắc và Niết bàn.

**BIỂU ĐỒ TAM TẠNG VÀ CHÚ GIẢI**



**X. HỌC TAM TẠNG KINH ĐIỂN**

Việc học tập “Tam Tạng kinh điển” còn được gọi là pháp học không nhất thiết phải học cả 84.000 pháp uẩn, chỉ cần học một nhóm pháp nào đó đến thấu hiểu thật tốt để đem ra thực hành được, như thế là xem như đã bảo trì Phật giáo rồi. Chẳng hạn như học cho hiểu rõ Tứ Diệu đế là: Khổ, Tập, Diệt, Đạo cả thực tính

pháp lẩn phạm sự của từng điều để, đồng thời nương tựa vào bậc thiện trí (paṇḍita) và thiện bằng hữu (kaḷyaṇamitta) thì mới đầy đủ nền tảng để bước vào pháp hành được.

*Việc học tập “Tam Tạng kinh điển” có 3 dạng là:*

a, *Alagadūpamapariyatti*: Học giống như bắt rắn đằng đuôi, tất sẽ bị rắn quay đầu lại cắn cho. Nghĩa là học kiểu này sẽ làm phát sinh phiền não, cấu uế.

b, *Nissaraṇatthapariyatti*: Học để đem ra thực hành nhằm thoát khổ.

c, *Bhaṇḍāgārikapariyatti*: Lối học của bậc Thánh Arahán với mục đích hộ trì Chánh Pháp.

Đối với hàng chúng sinh còn tử sinh luân hồi như chúng ta thì việc học tập “Tam Tạng kinh điển” tốt nhất là học để đem ra thực hành nhằm thoát khổ, được gọi là *nissaraṇatthapariyatti* vậy.

## XI. PHẬT GIÁO VỚI LỢI ÍCH CUỘC SỐNG

Những lời giáo huấn của Đức Thế Tôn là những lời dạy bảo khiến cho những người học và thực hành theo đều được hưởng ích lợi phù hợp với việc học tập của mình. Những lợi ích đó gồm có 3 loại:

- \* Lợi ích hiện tại,
- \* Lợi ích tương lai,
- \* Lợi ích tối thượng.

1, *Lợi ích hiện tại – Diṭṭhidhammikattha*: là những lợi ích mà người học và hành theo lời dạy của Đức Phật được nhận trong kiếp hiện tại này, chúng bao gồm: lợi lộc, danh tiếng, khen ngợi và an lạc, nên được gọi là *nhân sản* (tài sản ở nhân gian). Nhân sản này hỗ trợ đắc lực cho đời sống con người trong hiện tại.

*Nhân để được nhận lợi ích hiện tại*: có 4 nhân tố, đó là:

- a, *Uṭṭhānasampadā*: là người tận lực siêng năng trong việc tạo tài sản.
- b, *Ārakkhasampadā*: là người tận lực bảo vệ tài sản đã kiếm được.
- c, *Kāḷyaṇamitta*: là người có bạn tốt, hiền.
- d, *Samajivatā*: là người sống phù hợp với tài sản đã kiếm được.

2, *Lợi ích tương lai – Samparāyikattha*: là những lợi ích được nhận trong kiếp sau, bao gồm sự thọ hưởng hạnh phúc vi tế từ sắc, thanh, hương, vị, xúc và niềm vui



nội tâm dạng thiên giới. Những hạnh phúc đó luôn có đầy đủ ở thiên đàng, ở các cõi trời Dục giới mà hầu hết mọi người đều mong cầu sau khi từ giả cõi trần. Do vậy, những quả phước báu này còn gọi là *thiên sản* (tài sản ở thiên giới). Thiên sản này luôn hỗ trợ đắc lực, tạo nên cuộc sống an lạc, hạnh phúc trong đời vị lai cho những chúng sinh đang còn phải tái sinh.

*Nhân để được nhận lợi ích tương lai:* có 4 nhân tố, đó là:

a, Saddhāsampadā: có đức tin tròn đủ nơi điều cần phải tin, như: tin nghiệp, quả của nghiệp, tin vào sự giác ngộ của Đức Chánh Đẳng Giác, v.v...

b, Silāsampadā: có giới hạnh tròn đủ, có giới trong sạch.

c, Cāgasampadā: có sự xả ly tròn đủ, ấy là xả ly tài sản và xả ly cấu uế, não phiền.

d, Paññāsampadā: có trí tuệ tròn đủ, hiểu biết nguyên nhân của sự suy hoại và thịnh vượng của cuộc sống.

3, *Lợi ích tối thượng – Paramattha:* Nghĩa là lợi ích cao cả, vượt trội lợi ích hiện tại cũng như tương lai, có khi còn gọi là lợi ích siêu thế. Đó chính là Niết bàn (Nibbāna), là hạnh phúc, an lạc tuyệt đối, không gì sánh bằng, không phải trở lại với khổ đau, sinh-lão-bệnh-tử nữa.

*Nhân để được nhận lợi ích tối thượng:* Nhân tố làm cho đạt đến Niết bàn chính là việc thực hành Tam học: giới, định, tuệ trên nền tảng Tứ niệm xứ là: thân, thọ, tâm và pháp hay nói gọn lại là danh pháp và sắc pháp.

Tam học này khi phân tích ra thì chính là Bát Thánh Đạo.

Niết bàn là mục tiêu tối thượng của Phật giáo mà hàng tứ chúng cần nỗ lực làm cho thấu rõ, biết hiểu tận tường và đạt đáo.

Có thể so sánh rằng *Niết bàn* giống như điểm đích cuối đường mà ta cần phải đi đến, *công hạnh tích lũy* (pāramī) và *Tam học* giống như tấm vé xe, *người thực hành* như là hành khách, đối tượng *danh-sắc* dưới dạng tam tướng giống như xe cộ sẽ đưa ta đến cái đích cuối cùng là Niết bàn vậy.

## XII. LỢI ÍCH CỦA VIỆC HỌC TẬP NHỮNG LỜI PHẬT DẠY

Phật giáo chính là trí tuệ thấy biết đúng đắn, như chân, như thật thực tánh của vạn pháp, của tự nhiên. Việc đạt đáo bản chất của tự nhiên một cách chuẩn mực

cần phải đạt đáo bằng con đường thực hành nhằm chứng minh được giá trị của những lời Phật dạy.

Trong quá trình đó, để minh chứng cho bản chất thực sự của vạn pháp, của tự nhiên bằng trí tuệ thấy biết chân thật thì cần phải dựa trên nền tảng tâm thức của chính người thực hành. Đây là sự thấy biết, sự cảm nhận, sự thẩm thấu khi tiếp xúc với đối tượng là pháp tự nhiên đang hiện hữu cho tâm thức nhận biết. Khi đó tâm thức sẽ nhận biết đối tượng thực tại ở thời hiện tại diễn tiến. Pháp nhận biết đối tượng ở thời điểm hiện tại đó chính là *satisampajañña – chánh niệm tỉnh giác*.



BÀI BA

# VŨ TRỤ QUAN PHẬT GIÁO

Trong vũ trụ nhân hoàn bao la rộng lớn này, quả địa cầu mà chúng ta đang sinh sống chỉ là một vì sao nhỏ nhoi giữa hàng hà sa số ngôi sao lớn bé khác nhau. Theo Phật giáo, trái đất không phải là trung tâm của vũ trụ và cũng không phải là nơi duy nhất có chúng sinh đang sinh sống mà muôn vàn thế giới khác cũng đang có chúng sinh tồn tại dưới những dạng hình khác nhau tùy theo nghiệp báo của họ.

Theo quan điểm Phật giáo, chúng sinh sẽ tử sinh luân hồi trong 31 cảnh giới theo năng lực của nghiệp thiện hay bất thiện mà họ đã tạo trước đó. Con người cũng vậy, họ không thể thoát ra khỏi định luật của nghiệp báo luân hồi nên sau khi chết ở một cõi này, họ sẽ đi tái sinh vào một cõi khác do năng lực của nghiệp mà họ đã tạo tác trong quá khứ. Trừ các bậc Thánh Arahán mới thoát ra khỏi vòng tử sinh luân hồi vô tận còn mọi chúng sinh khác đều phải chịu luân quần trong vòng luân hồi vô định qua ba cõi là: Dục giới, Sắc giới và Vô Sắc giới. Ba cõi này được chia thành 31 cảnh giới, trong đó:

- \* Dục giới có 11 cảnh giới,
- \* Sắc giới có 16 cảnh giới và
- \* Vô Sắc giới có 4 cảnh giới.

## A. DỤC GIỚI (KĀMABHŪMI)

Cõi Dục giới là những cảnh giới mà chúng sinh đang sống tại đây thiên về các ngũ dục trường dưỡng, hưởng thụ các đối tượng ngũ trần là: sắc, thanh, hương, vị và xúc. Cõi Dục giới chia thành 2 cảnh là cảnh khổ (duggati) và cảnh lạc (sugati).

### I. CẢNH KHỔ (DUGGATI)

Những cảnh giới mà chúng sinh tái sinh vào trong đây phải chịu nhiều khổ não, đau đớn, không chạy thoát được, phải trả những quả khổ do đã tạo các bất thiện nghiệp từ trong quá khứ. Có 4 cảnh khổ là:

1, *Địa ngục (Niraya)*: Niraya có nghĩa là không có hạnh phúc, là một khổ cảnh mà chúng sinh ở đây phải chịu nhiều cực hình đầy đọa như: bị đun dầu sôi, lửa cháy, gai nhọn, rắn rết độc cắn, bị tùng xẻo, chém đâm, leo cây gai, cưa thân, v.v...

2, *Nạ quí (Pettivisaya)*: Peta nghĩa là chúng sinh đã qua đời, đã đi đến thế giới khác, là chúng sinh không có hạnh phúc. Thân thể chúng có nhiều hình dạng khác nhau, sống không có trú xứ riêng biệt của mình mà sống trong rừng cây, bụi rậm, ở nơi dơ bẩn, cống rãnh, hố xí, v.v... Thọ dụng thức ăn cũng khác nhau, nhưng nói chung luôn ở trạng thái đói khát, thiếu thốn về vật thực, hoặc mong chờ đồ ăn của người khác cho. Ngoài ra chúng lại còn bị các mối tai họa luôn giáng xuống như lửa đỏ, than hồng, búa đập, rìu chém, máu me xối xả,...

Trong kinh *Tirokudda* (Tiểu Bộ Kinh) dạy rằng các hàng nạ quí này có thể hưởng được phước báu do thân quyến của họ đã tạo rồi hồi hướng cho và cũng nhờ đó mà được tái sinh vào các cảnh giới an lạc.

3, *Atula (Asurakāya)*: Cảnh giới của các chúng sinh không bao giờ được hớn hở vui tươi, không có các cuộc tiêu khiển, giải trí. Họ luôn sống trong oán hận, thù giận, nóng nảy, bực tức, ... thích khiêu chiến, thích chiến tranh, đấu đá, xung đột và luôn gây mâu thuẫn lẫn nhau. Loài Atula có 3 loại là:

\* *Atula thiên (Devaasurā)*: Atula thiên sống gần cõi trời Đao-lợi, luôn gây chiến tranh với vua trời Đế Thích (Sakka); tuy nhiên họ cũng biết làm phước thiện, tạo nhân lành.

\* *Atula nạ quí (Pettiasurā)*: Các loài Atula có thân hình như nạ quí, sống chung lẫn với nạ quí.

\* *Atula địa ngục (Nirayaasurā)*: Các loài Atula tái sinh vào cõi địa ngục, chịu nhiều khổ đau.

4, *Súc sinh (Tiracchāna)*: Cảnh giới của các loại cầm thú. *Tira*: (đi) ngang, *acchāna*: đi; *tiracchāna* là những chúng sinh đi ngang (bò, đi bằng 4 chân, nhiều chân), không đi thẳng đứng như người. Là cảnh giới của các loài vật, côn trùng, chim muông, ... Loài súc sinh sống theo bản năng là chính, hầu như không có tư duy, suy nghĩ như loài người. Cuộc sống của chúng sinh ở cảnh giới súc sinh này đầy rẫy sự

tranh giành miếng ăn, con mồi; luôn bị các mối đe dọa bám sát chung quanh, mê mờ tối tăm, khổ khổ ngập tràn,...

## II. CẢNH LẠC (SUGATI)

Những cảnh giới có nhiều niềm hạnh phúc, hưởng thụ dục lạc đầy đủ tùy theo cấp độ; bao gồm cõi người và 6 cõi trời Dục giới.

1, *Cõi người (Manussa)*: Cảnh giới mà nhân loại đang sinh sống. Trong thế giới mà có Đức Phật ra đời này, loài người ngụ cư ở 4 châu thiên hạ là:

- Đông Thắng Thần Châu (Pubbavidehadīpa)
- Tây Ngưu Hóa Châu (Aparagoyānadīpa)
- Bắc Câu Lô Châu (Uttarakurudīpa)
- Nam Thiệm Bộ Châu (Jambūdīpa)

Quả địa cầu chúng ta đang sống là Nam Thiệm Bộ Châu (Jambūdīpa). Ở đây, loài người có đầy đủ hạnh phúc và khổ đau từ tinh thần lẫn vật chất, có tuổi thọ không rõ ràng, tùy theo mức cao thấp của đức hạnh con người mà trong giai đoạn đó họ sẽ có tuổi thọ nhiều hay ít. Tuổi thọ thấp nhất của con người tại Nam Thiệm Bộ Châu này là 10 năm và cao nhất là 1 a-tăng-kỳ năm (asankheyya).

2, *Cõi Tứ đại thiên vương (Cātummahārājikā)*: Cảnh trời của các hàng chư thiên bậc thấp, hàng địa tiên, hộ trì bốn phương thiên hạ, sống tại cây cối, rừng rậm, ruộng vườn, núi đồi, sông hồ, đất liền,... hưởng nhiều phước báu hơn loài người, một ngày ở cõi này bằng 50 năm quả đất.

3, *Cõi Dao-lợi (Tāvatiṃsa)*: Cung trời của 33 vị. Theo tích truyện Pháp Cú thì vào thời quá khứ, thanh niên Magha đã lãnh đạo nhóm bạn hữu làm nhiều công tác thiện nguyện, từ thiện và 33 vị đã tái sinh vào cùng hưởng lạc tại cõi trời này. Thủ lĩnh của nhóm chính là vua trời Đế Thích (Sakka) vậy. Tại cung trời này, vào hạ thứ 7, Đức Thế Tôn đã thuyết Tạng Vi Diệu Pháp (Abhidhammapiṭaka) cho vị thiên tử từ cung trời Đâu-xuất sang nghe, vị này tiền kiếp chính là Hoàng hậu Mayā, mẹ của Thái tử Siddhatta. Một ngày ở cõi này bằng 100 năm ở nhân gian.

4, *Cõi Dạ-ma (Yāma)*: Yāma có nghĩa là tiêu diệt khổ đau. Cõi trời này không còn khổ đau, buồn chán nữa. Các vị thiên thần ở đây được hưởng dục lạc trọn vẹn do mình đã làm nhiều phước thiện và giữ gìn giới cấm nghiêm túc trong đời trước.

Một ngày ở cõi trời này bằng 200 năm ở quả đất.

5, *Cõi Đâu-xuất (Tusitā)*: Cảnh giới của các vị trời nhiều an lạc, hạnh phúc, có chánh kiến. Các vị Bồ Tát, tròn đủ các hạnh ba-la-mật sẽ tái sinh kiếp chót ở đây trước khi giáng trần thành tựu quả vị Phật. Hiện tại Bồ tát Di Lạc (Metteyya) đang ở cung trời này, chờ ngày hạ sinh vào cõi người để trở thành Phật Toàn Giác trong tương lai. Một ngày ở cung trời này bằng 400 năm ở nhân gian.

6, *Cõi Hóa lạc thiên (Nimmānaratī)*: Chư thiên trong cõi này được hưởng thụ dục lạc ngũ trần như ý, đầy đủ tùy theo mong ước của mình. Cần gì là có nấy, không phải đi tìm kiếm. Trong các cõi trời nêu trên, vị thiên nào cũng có cặp đôi của mình, nhưng trong cõi trời này, vị thiên nam hay thiên nữ không cần phải như vậy. Lúc nào họ muốn có đôi có cặp, hưởng dục lạc thì tức thì có đôi nhân mà mình mong cầu xuất hiện như ý của mình ngay. Một ngày ở đây bằng 800 năm trên trái đất.

7, *Cõi Tha hóa tự tại thiên (Paranimmittavasavattī)*: Đây là cảnh giới cao nhất trong 6 cõi trời Dục giới. Chư thiên ở đây có thể biến hóa ra đồ vật, vị thiên khác, cung điện, lâu đài để phục vụ cho mình một cách tự nhiên, tự tại. Họ được hưởng dục lạc ngũ trần thỏa thích tùy theo mong ước của mình và còn cao sang hơn cả cõi trời Hóa lạc. Một ngày ở cõi này bằng 1600 năm ở cõi người.

## B. SẮC GIỚI (RŪPABHŪMI)

Cõi trời Sắc giới là nơi tái sinh của các hành giả tu thiền định, đạt các quả vị từ sơ thiền trở lên, sau khi hết tuổi thọ họ sẽ sinh ra ở các cảnh giới này, hưởng an lạc do năng lực thiền, không liên quan đến các dục lạc ngũ trần. Có cả thảy 16 cảnh trời Sắc giới, phân chia theo cấp độ thiền như sau:

- Sơ thiền, có 3 cõi là: Phạm chúng thiên, Phạm phụ thiên và Đại phạm thiên.
  - Nhị thiền, có 3 cõi là: Thiếu quang thiên, Vô lượng quang thiên, Biến quang thiên.
  - Tam thiền, có 3 cõi là: Thiếu tịnh thiên, Vô lượng tịnh thiên, Biến tịnh thiên.
  - Tứ thiền, có 3 cõi là: Quảng quả thiên, Vô tưởng thiên, Tịnh cư thiên.
- Cõi Tịnh cư thiên này lại chia làm 5 cảnh giới nữa, đó là: Vô phiền thiên, Vô nhiệt thiên, Thiện kiến thiên, Thiện hiện thiên và Sắc cứu kính thiên.

## I. CẢNH GIỚI SƠ THIỀN (PAṬHAMAJJHĀNABHŪMI)

Trên nền tảng nhân sinh, đây là cảnh giới tái sinh của các hành giả đã đắc sơ thiền. Nói theo pháp thì chính là tái sinh thức tâm (paṭisandhiviññānacitta) hay đệ nhất thiên quả tâm (paṭhamajjhānavipākacitta) và tâm này sinh khởi được trong các cõi sau:

1, *Phạm chúng thiên (Pārisajjā)*: Nơi sinh ra và ngụ cư của các vị phạm thiên đã đắc sơ thiền bậc thông thường, không có năng lực đặc biệt gì, là tùy tùng của các vị phạm thiên có năng lực cao hơn. Phạm thiên cõi này có tuổi thọ 1/3 đại kiếp (mahākappa).

2, *Phạm phụ thiên (Purohitā)*: Nơi sinh ra và ngụ cư của các vị phạm thiên có vị trí, chức sắc cao; là các bậc cố vấn và dẫn đầu công việc của các Đại phạm thiên. Phạm thiên cõi này có tuổi thọ 1/2 đại kiếp.

3, *Đại phạm thiên (Mahābrahmā)*: Nơi sinh ra và ngụ cư của các vị phạm thiên có sự phát triển năng lực to lớn, đặc biệt trong cõi đệ nhất thiên. Họ có nhiều năng lực thiên hơn các bậc thiên trước, họ chính là chủ nhân ông của các phạm thiên ở hai cảnh giới Phạm chúng thiên và Phạm phụ thiên. Đại phạm thiên có tuổi thọ 1 đại kiếp.

## II. CẢNH GIỚI NHỊ THIÊN (DUTIYAJJHĀNABHŪMI)

Cảnh giới nhị thiên là nơi sinh của đệ nhị thiên quả tâm (dutiya-jjhānavipākacitta) là quả của đệ nhị thiên thiện tâm (dutiya-jjhānakusalacitta) và là nơi sinh của đệ tam thiên quả tâm (tatiya-jjhānavipākacitta), là quả của đệ tam thiên thiện tâm (tatiya-jjhānakusalacitta). Các hành giả đắc nhị thiên sau khi thân hoại mạng chung sẽ tái sinh vào cảnh giới này. Do năng lực thiên định khác nhau về cấp độ của các vị phạm thiên này mà cảnh giới đệ nhị thiên khi họ tái sinh vào cũng phân thành 3 cõi:

1, *Thiếu quang thiên (Parittābhā)*: Cảnh giới của các vị phạm thiên có ánh sáng yếu hơn các phạm thiên ở các cõi trên. Tuổi thọ của các phạm thiên này là 2 đại kiếp.

2, *Vô lượng quang thiên (Appamāṇābhā)*: Cảnh giới của các vị phạm thiên có ánh sáng tỏa ra vô hạn. Tuổi thọ của các phạm thiên này là 4 đại kiếp.

3, *Biến quang thiên (Ābhassarābhā)*: Cảnh giới của các vị phạm thiên có ánh sáng chiếu diệu, tỏa sáng từ thân thể. Tuổi thọ của các phạm thiên này là 8 đại kiếp.

### III. CẢNH GIỚI TAM THIÊN (TATIYAJJHĀNABHŪMI)

Cảnh giới tam thiên là nơi sinh của đệ tứ thiên quả tâm (catutthajjhānavipākacitta) là quả trực tiếp của đệ tứ thiên thiện tâm (catutthajjhānakusalacitta). Các hành giả sau khi đắc tứ thiên sắc giới đến lúc thân hoại mạng chung sẽ tái sinh vào cảnh giới tam thiên này và tùy theo năng lực của thiên định mà mình đã có sẽ sinh vào 1 trong 3 cõi sau:

1, *Thiếu tịnh thiên (Parittasubhā)*: Cảnh của các vị phạm thiên có hào quang đẹp đẽ nhưng còn yếu hơn hào quang của các phạm thiên ở các cõi bậc trên. Tuổi thọ của các phạm thiên này là 16 đại kiếp.

2, *Vô lượng tịnh thiên (Appamāṇasubhā)*: Cảnh giới của các vị phạm thiên có hào quang đẹp đẽ, không có giới hạn. Tuổi thọ của các phạm thiên trong cõi này là 32 đại kiếp.

3, *Biển tịnh thiên (Subhakiṇhā)*: Cảnh giới của các vị phạm thiên có hào quang đẹp đẽ, chiếu diệu, tỏa khắp châu thân. Tuổi thọ của các phạm thiên này là 64 đại kiếp.

### IV. CẢNH GIỚI TỨ THIÊN (CATUTTHAJJHĀNABHŪMI)

Cảnh giới tứ thiên là nơi sinh của đệ ngũ thiên quả tâm (pañcamajjhānavipākacitta) là quả trực tiếp của đệ ngũ thiên thiện tâm (pañcamajjhānakusalacitta). Các hành giả đắc đệ ngũ thiên sắc giới, sau khi thân hoại mạng chung sẽ tái sinh thành phạm thiên và cư trú tại cảnh giới tứ thiên này. Đặc biệt với các bậc Thánh Bất Lai (Anāgāmi) sẽ tái sinh vào 5 cõi Tịnh cư thiên (Suddhāvāsa).

1, *Quảng quả thiên (Vehapphalā)*: Cảnh giới của các vị phạm thiên được hưởng quả báu rộng lớn do đã chứng đắc đệ ngũ thiên và thoát ra khỏi vòng cương tỏa của tất cả các mối hiểm nguy. Tuổi thọ của tầng trời này đến 500 đại kiếp.

Ở đây, các mối nguy hiểm là ám chỉ lúc thế gian bị hủy hoại bởi các nạn tai: lửa, nước và gió thì các cảnh giới như đệ nhất thiên, đệ nhị thiên, đệ tam thiên đều bị hủy hoại bởi tam tai này, nhưng cảnh giới tứ thiên từ Quảng quả thiên trở lên sẽ không bị hủy hoại.

2, *Vô tướng thiên (Asaññasattā)*: Cảnh giới tái sinh chỉ có nghiệp sinh sắc (kammajarūpa), tức là chỉ có sắc pháp do nghiệp sinh mà thôi, không có danh pháp



(nāma), không có tâm (citta), không có tướng (saññā). Các vị phạm thiên này trước đây tu tập thiền định, nhằm chán sự hiện hữu của tâm, của tướng, chỉ mong có sắc pháp mà thôi; họ chứng đắc đệ ngũ thiền thiện tâm (pañcamajjhānakusalacitta) với sự tiến tu vô tướng (saññāvirāgabhāvanā) và sau khi thân hoại mạng chung sẽ tái sinh vào cảnh giới Vô tướng thiên này bởi đệ ngũ thiền quả tâm (pañcamajjhānavipākacitta) làm tái sinh thức tâm. Tuổi thọ của các phạm thiên này cũng là 500 đại kiếp.

3, *Tịnh cư thiên (Suddhāvāsa)*: Trú xứ của các bậc thanh tịnh, bao gồm các bậc Thánh Bất Lai và Arahán đã đắc đệ ngũ thiền. Những vị khác, cho dù đã đắc ngũ thiền nhưng là phàm nhân hoặc là các vị Thánh bậc thấp hơn cũng không thể tái sinh vào cõi trời này. Các bậc Thánh Bất Lai đã đắc ngũ thiền sẽ tái sinh vào 1 trong 5 cõi trời của Ngũ Tịnh cư thiên này tùy theo năng lực của các căn (indriya) mà họ đã tu tập được như sau:

a, *Vô phiến thiên (Avihā)*: Từ *avihā* có nghĩa là không rời bỏ trú xứ. Các vị Phạm thiên ở đây không từ bỏ nhiệm vụ của mình cho đến lúc hết tuổi thọ, tức là không chết (cuti) trước khi hết tuổi thọ đã quy định; trong khi các vị phạm thiên ở các cõi trời khác trong Ngũ Tịnh cư thiên còn lại có thể sống không hết tuổi thọ quy định của mình thì các vị có thể chấm dứt thọ mạng để vào Niết bàn trước. Những vị Thánh Bất Lai có tín căn (saddhindriya) trội hơn các căn khác sẽ tái sinh vào cõi trời này và có tuổi thọ 1.000 đại kiếp.

b, *Vô nhiệt thiên (Atappā)*: Cảnh giới của các bậc Thánh thứ ba trở lên, có sự thanh tịnh, nội tâm luôn luôn mát mẻ, không có nhiệt não. Đa số các vị phạm thiên ở cõi này chuộng việc nhập thiền định (jhānasamāpatti) hoặc quả định (phalasangāpatti), các triền cái (nivāraṇa) là nguyên nhân làm nảy sinh phiền não nội tâm sẽ không có cơ hội trở hiện do năng lực của thiền ngăn chặn lại. Do vậy tâm của các vị này luôn mát mẻ, không nhiệt não. Các phạm thiên ở cõi trời này có tấn căn (viriyindriya) vượt trội so với các căn còn lại và thọ mạng đến 2.000 đại kiếp.

c, *Thiện kiến thiên (Sudassā)*: Cảnh giới của các bậc Thánh thứ ba trở lên, có hào quang phóng ra từ thân thể rất đẹp đẽ, ai nhìn thấy cũng hoan hỷ, an vui. Các vị phạm thiên ở cõi trời này có đầy đủ 4 loại nhãn thức (cakkhu) là:

- Nhục nhãn (Pasādacakkhu): là mắt thường để nhìn thấy.
- Thiên nhãn (Dibbacakkhu): mắt có thần thông, có thể nhìn xa thấy rộng, thấy những vật nhỏ nhiệm, li ti ở cự li rất xa, còn gọi là *thiên nhãn thông*.

– Pháp nhãn (Dhammacakkhu): mắt thấy Pháp. Trong “Chú giải *Atṭhasālinī*” có ghi Pháp nhãn chính là 3 đạo (magga) bậc dưới, bao gồm: Nhập Lưu đạo, Nhất Lai đạo và Bất Lai đạo.

– Tuệ nhãn (Paññacakkhu): là các trí (ñāṇa) ở trong Thiền minh sát (*Vipassanāñāṇa*), Tuệ hồi khán (*Paccavekkhañāṇa*) và các Thắng trí (*Abhiññā*).

Các phạm thiên ở cõi trời này có niệm căn (satindriya) vượt trội so với các căn còn lại và thọ mạng đến 4.000 đại kiếp.

d, *Thiện hiện thiên (Sudassī)*: Cảnh giới của các bậc Thánh thứ ba trở lên, các vị ở cõi này thấy được vạn vật một cách dễ dàng, thuận lợi, có nhiều đặc biệt hơn các phạm thiên cõi Thiện kiến. Nghĩa là các phạm thiên cõi này có năng lực về 3 loại nhãn thức: Nhục nhãn, Thiên nhãn và Tuệ nhãn tốt hơn, mạnh mẽ hơn so với các vị ở cõi Thiện kiến; riêng về Pháp nhãn thì cả hai ngang bằng nhau. Các phạm thiên ở cõi trời này có định căn (samādhindriya) vượt trội so với các căn còn lại và thọ mạng đến 8.000 đại kiếp.

e, *Sắc cứu cánh thiên (Akaniṭṭhā)*: Cảnh giới của các bậc Thánh thứ ba trở lên, có đầy đủ mọi thành tựu thiên giới và sự an lạc tối thượng. Các vị phạm thiên ở cõi này có giới, định, tuệ hơn hẳn mọi cảnh giới nào. Các phạm thiên ở cõi trời này có tuệ căn (paññindriya) vượt trội so với các căn còn lại và thọ mạng đến 16.000 đại kiếp. Nếu vị nào chưa đắc quả Arahán thì khi hết tuổi thọ tự động thành bậc Thánh Arahán và nhập Niết bàn tại đây luôn.

### C. VÔ SẮC GIỚI (ARŪPABHŪMI)

Cảnh giới Vô sắc là nơi sinh, nơi nương tựa của các danh uẩn, tức là các vô sắc giới quả tâm, là quả trực tiếp của các vô sắc giới thiện tâm. Nếu nói theo tục đế thì đây là cảnh giới trống không, các vị phạm thiên vô sắc này định cư bằng tâm tưởng mà không có sắc pháp hay thân thể gì, chỉ có 4 danh uẩn là: thọ, tưởng, hành và thức sinh diệt liên tục, không gián đoạn kể từ tái sinh thức trở đi.

Có tất cả 4 cõi trời ở cảnh giới Vô sắc là:

1, *Không vô biên xứ (Ākāśānañcāyatana)*: Cảnh giới của các phạm thiên đã chứng đắc thiên vô sắc giới đầu tiên, lấy “hư không vô tận” làm đề mục tu tập. Họ có quan niệm cho rằng không gian là vô cùng, vô tận. Các vị này có tuổi thọ 20.000 đại kiếp.

2, *Thức vô biên xứ (Vīññāṇāñcāyatana)*: Nơi sinh, nơi nương tựa của thức vô biên xứ thiền quả tâm, đây là tâm quả trực tiếp của thức vô biên xứ thiền thiện tâm, là cảnh giới của các phạm thiên đã chứng đắc nhị thiền vô sắc giới. Họ có quan niệm cho rằng “thức là vô tận, vô biên”. Các vị này có tuổi thọ 40.000 đại kiếp.

3, *Vô sở hữu xứ (Ākiñcaññāyatana)*: Nơi sinh, nơi nương tựa của vô sở hữu xứ thiền quả tâm, đây là tâm quả trực tiếp của vô sở hữu xứ thiền thiện tâm, là cảnh giới của các phạm thiên đã chứng đắc tam thiền vô sắc giới. Họ có quan niệm cho rằng “không có gì cả”. Các vị này có tuổi thọ 60.000 đại kiếp.

4, *Phi tướng phi phi tướng xứ (Nevasaññānāsaññāyatana)*: Nơi sinh, nơi nương tựa của phi tướng phi phi tướng xứ thiền quả tâm, đây là tâm quả trực tiếp của phi tướng phi phi tướng xứ thiền thiện tâm, là cảnh giới của các phạm thiên đã chứng đắc tứ thiền vô sắc giới. Họ có quan niệm cho rằng “không có tướng mà cũng không phải không có tướng”. Các vị này có tuổi thọ 84.000 đại kiếp.

Cả 31 cảnh giới đã nêu là nơi chốn tử sinh, đi về của các loài chúng sinh hữu tình khi đang còn tạo tác nghiệp báo và phải nhận quả của nghiệp đã tạo. Tất cả chúng sinh đang luẩn quẩn trong tam giới đó cũng do còn vô minh và ái dục nên phải trầm luân trong ba cõi sáu đường, trôi lăn mãi trong vòng tử sinh luân hồi, khó mà dứt ra được.

Những cảnh giới được mô tả ở trên không hẳn là vấn đề vũ trụ luận của Phật giáo, ở đây Đức Phật chỉ đưa ra để nói đến đối tượng tương ứng của tâm biến hiện mà thôi. Nghĩa là tâm tạo tác thế nào thì cảnh giới tương ứng cũng sẽ như thế. Tác ý (cetanā) tâm sở đã tạo nên nghiệp gì thì cảnh giới tái sinh của chúng sinh đó sẽ phù hợp với những gì mà họ đã tạo ra, đúng như định luật về nghiệp báo luân hồi vậy.



## BÀI BỐN

# GIÁO PHÁP NỀN TẢNG

Đức Phật, Đấng Đạo Sư của muôn loài tự mình chứng ngộ giáo pháp cao thượng, thấu triệt sự thật của vạn pháp. Ngài đã thấy rõ chân lý bất di bất dịch của muôn đời, đó là 4 sự thật cao quý, còn được gọi là Tứ Thánh Đế – Ariyasacca:

1, *Dukkhasacca* – *Khổ đế*: Sự thật mà các bậc Thánh đã chứng ngộ rằng các pháp hữu vi là khổ. Sinh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ. Xa lìa người thương yêu là khổ, gần gũi người không thích là khổ, mong muốn mà không toại nguyện là khổ. Tóm lại, chấp thủ vào ngũ uẩn là khổ.

2, *Samudayasacca* – *Tập đế*: Do tham ái dẫn dắt nên khổ sinh khởi, nhân sanh Khổ thánh đế chính là:

\* Dục ái – *Kāmatanḥā*: Sự tham ái, dính mắc trong 6 trần cảnh là: sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp.

\* Hữu ái – *Bhavatanḥā*: Tham ái trong 6 cảnh trần hợp với thường kiến, hoặc là tham ái trong 3 cõi: Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới.

\* Phi hữu ái – *Vibhavatanḥā*: Tham ái trong 6 cảnh trần hợp với đoạn kiến.

3, *Nirodhasacca* – *Diệt đế*: Niết bàn là pháp diệt tận các tham ái, giải thoát mọi khổ não phát sinh do tham ái, không còn dính mắc nào nữa.

4, *Maggasacca* – *Đạo đế*: Bát Thánh Đạo gồm 8 chi phần: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, là con đường thực hành dẫn đến chứng ngộ Niết bàn, đoạn tận lậu hoặc, dập tắt phiền não, thoát ly tử sinh luân hồi.

Đức Thế Tôn đã chứng ngộ 4 chân lý cao cả ấy, Ngài đem ra để chỉ dạy cho

chư thiên và nhân loại rờng rã suốt 45 năm sau khi chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh giác nơi cội cây Bồ đề, tại Bồ đề đạo tràng (Bodhgāya), đất nước Ấn Độ ngày nay. Những gì Ngài dạy dỗ cho chúng sinh gọi là *giáo pháp* hay *Phật pháp*, đó là những sự thật mà Ngài đã thấy, đã biết, đã chứng ngộ bằng chính bản thân mình mà không có một vị thầy nào chỉ dạy cho Ngài cả.

## I. PHÁP LÀ GÌ?

Từ *Dhamma – Pháp* theo định nghĩa Pāli:

\* *Attano lakkhaṇaṃ dhāretī'ti = Dhammo* (Abhidhānaṇṇā)

Bản chất bảo trì trạng thái của chính mình gọi là *Dhamma – Pháp*.

Danh từ “Pháp” có rất nhiều nghĩa, thường được dùng nhiều ở 4 dạng là:

1, *Pariyattidhamma – Pháp học*: hay còn gọi là *giáo pháp*, là những lời dạy của Đức Đạo Sư được kết tập thành Tam Tạng Pāli, đó là: Tạng Luật (Vinayaṭṭaka), Tạng Kinh (Suttantapiṭaka) và Tạng Vi Diệu Pháp (Abhidhammapiṭaka).

2, *Hetudhamma – Nhân Pháp*: Pháp là nguyên nhân làm phát sinh các loại quả, dùng để gọi những vị có tuệ phân tích, thấu rõ nguyên lý, thấy quả là tìm được nhân, là *dhammapaṭisambhidā – pháp đạt thông*.

3, *Guṇadhamma – Đức Pháp*: chính là các thiện pháp (kusaladhamma), cho quả là sự an vui.

4, *Nissattanijjīvadhamma – Phi Chúng Sinh Phi Sanh Mạng Pháp*: sử dụng dưới ý nghĩa là phản bác chúng sinh, phản bác sanh mạng, nghĩa là không có cái gọi là chúng sinh, không có cái gọi là sanh mạng; bản chất thực sự chỉ là danh pháp (nāmadhamma) và sắc pháp (rūpadhamma) mà thôi, còn gọi là *anattadhamma – pháp vô ngã*.

## II. HAI SỰ THẬT

Trong tiếng Pāli, từ *sacca* dịch là *sự thật*, có nghĩa là chân lý bất di bất dịch, không bị biến động thay đổi theo một điều kiện nào cả. Có hai sự thật trên thế gian này là:

\* Sammuttisacca – Sự thật Ngôn ngữ chế định.

\* Paramatthasacca – Sự thật Chân nghĩa pháp.

1, *Sự thật Ngôn ngữ chế định*: là sự thật mà con người tùy theo vùng miền, quốc độ đã chế định, quy ước về ngôn ngữ để giao tiếp, gọi tên, trao đổi thông tin, v. v... nhằm diễn đạt tư tưởng, ý nghĩ của mình với người khác. Ví dụ:

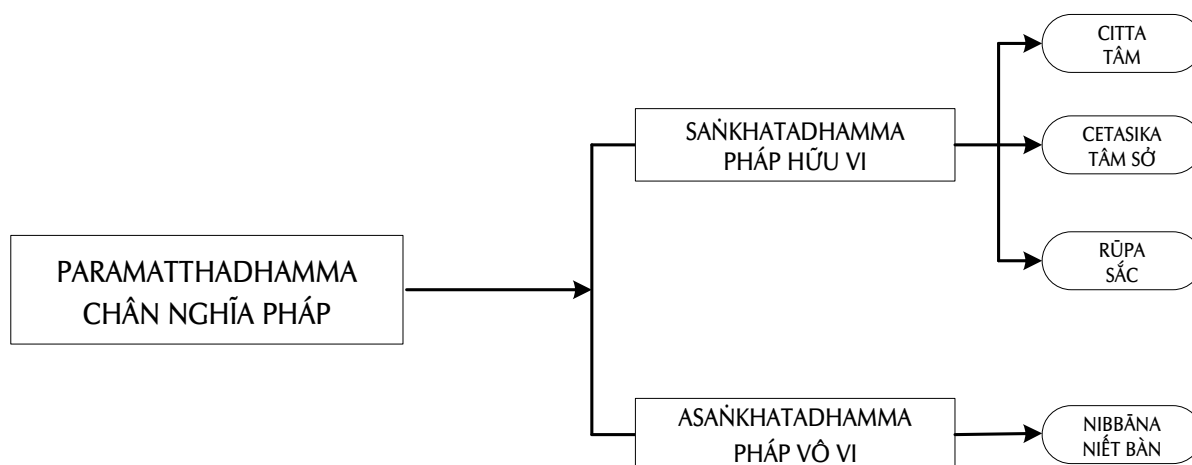
<u>Tiếng Pāli</u>	<u>Tiếng Việt</u>	<u>Tiếng Anh</u>	<u>Tiếng Pháp</u>
– Manussa	Nhân loại	Humanity	Humanité
– Itthī	Người đàn bà	Woman	Femme
– Purisa	Người đàn ông	Man	Homme

Sự thật về ngôn ngữ chế định này thuộc về *Paññattidhamma – Pháp chế định* hay còn gọi là *Tục đế* do con người dựa vào *Chân nghĩa pháp (Chân đế)* để chế định ra, quy ước với nhau mà tạo thành. Pháp chế định gồm có hai loại:

- \* Atthapaññatti – Nghĩa chế định.
- \* Saddapaññatti – Ngữ chế định.

2, *Paramatthasacca – Sự thật Chân nghĩa pháp*: là những pháp có chi pháp rõ ràng, có thực tánh không bị biến thể theo thời gian. Chúng không phải là những ngôn từ chế định mà có thực tánh pháp làm nền tảng. Sự thật Chân nghĩa pháp có cả thảy bốn pháp là:

- \* *Citta – Tâm*: có trạng thái nhận biết đối tượng.
- \* *Tâm sở – Cetasika*: có trạng thái tùy thuộc vào tâm, nương vào tâm mà đồng sinh, đồng diệt, đồng đối tượng.
- \* *Rūpa – Sắc*: có trạng thái bị biến động, hủy hoại do nóng lạnh, đói khát...
- \* *Nibbāna – Niết bàn*: có trạng thái tịch tịnh, vắng lặng mọi phiền não, cấu uế,...



Các Chân nghĩa pháp này có mặt ở nơi mỗi một chúng ta. Thật vậy:

\* Tâm là pháp nhận biết đối tượng, đó là các tâm: biết thấy, biết nghe, biết ngửi, biết nếm, biết xúc chạm, biết nghĩ suy, hồi ức.

\* Tâm sở là pháp kết hợp với tâm, đó chính là: tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, vô tham, tín, tấn, bi, tuệ, v.v...

\* Sắc gồm đất, nước, lửa, gió, sắc hình, âm thanh, mùi hương, thân thể, nam tính, nữ tính, v.v...

Cả ba pháp này đều có ở nơi bản thân chúng ta.

\* Niết bàn là đối tượng bên ngoài, những người nào tu tiến *satipaṭṭhāna – niệm xứ*, khiến cho các tuệ minh sát sinh khởi, thành tựu Đạo và Quả sẽ đạt đấng Niết bàn.

Các nền tảng giáo pháp căn bản này cần được nắm vững thông qua pháp học, để rồi vận dụng vào pháp hành, cho nên người con Phật cần thiết phải học tập, tìm hiểu thấu đáo những lời dạy của Đấng Đạo Sư bằng cách học thật tốt các pháp chân đế này.



## BÀI NĂM

# TÂM

### I. TÂM LÀ GÌ?

*Citta – Tâm* là một pháp tự nhiên, nhận biết đối tượng. Đối tượng để tâm nhận biết gồm có sáu loại:

- Rūpārammaṇa - Sắc trần: hình dáng, màu sắc các loại.
- Saddārammaṇa - Thinh trần: tiếng, âm thanh các loại.
- Gandhārammaṇa – Hương trần: mùi các loại.
- Rasārammaṇa - Vị trần: vị các loại.
- Phoṭṭhabbārammaṇa - Xúc trần: cứng mềm, nóng lạnh, căng chùng.
- Dhammārammaṇa - Pháp trần: các đối tượng được biết bằng ý, tức là tâm suy nghĩ, nhớ tưởng, ngoài 5 loại đối tượng nêu trên.

Sáu loại đối tượng trên đây được nhận biết bằng tâm do sự tiếp xúc với 6 môn (cửa) là: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Tâm nhận biết sáu đối tượng nêu trên gọi là *viññāṇa – thức*.

<u>Căn</u>	<u>Trần</u>	<u>Thức</u>
mắt (cakkhu)	sắc (rūpa)	nhãn thức (cakkhaviññāṇa)
tai (sota)	thinh (sadda)	nhĩ thức (sotaviññāṇa)
mũi (ghāna)	hương (gandha)	tỷ thức (ghānaviññāṇa)
lưỡi (jivhā)	vị (rasa)	thiệt thức (jivhāviññāṇa)
thân (kāya)	xúc (phoṭṭhabba)	thân thức (kāyaviññāṇa)
ý (mana)	pháp (dhamma)	ý thức (manoviññāṇa)

Tâm thức nhận biết đối tượng có thể chia thành 3 kiểu: biết bằng thức (*viññāṇa*), biết bằng tưởng (*saññā*) và biết bằng tuệ (*paññā*), có thể so sánh như sau:



1, *Biết bằng thức*: tâm nhận biết các đối tượng thông qua sáu môn, đó là sự thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm và suy nghĩ, nhớ tưởng.

2, *Biết bằng tướng*: sự ghi nhớ các đối tượng, ví dụ: nhớ được màu xanh, biết màu đỏ, người nam, người nữ, tên người, tên vật, v.v...

3, *Biết bằng tuệ*: biết sâu sắc đến nhân, quả của các pháp; chẳng hạn biết làm tội lỗi sẽ cho quả khổ đau, làm phước thiện cho quả an lạc chí đến biết được thực tánh pháp như chân, như thật là danh – sắc. Khi đã biết được sự thật như thế, dẫn đến đoạn trừ phiền não, chứng ngộ Đạo, Quả, Niết bàn.

## II. BỐN TÍNH CHẤT CỦA TÂM

1, *Vijjānalakkhaṇaṃ*: có đặc tính nhận biết đối tượng.

2, *Pubbaṅgamarasaṃ*: có nhiệm vụ dẫn đầu các pháp.

3, *Sandhānapaccupaṭṭhānaṃ*: có quả hiện hữu là sự sinh diệt liên tục, không ngừng nghỉ.

4, *Nāmarūpapadaṭṭhānaṃ*: có nguyên nhân gần phát sinh là danh và sắc pháp.

## III. NĂNG LỰC TÂM

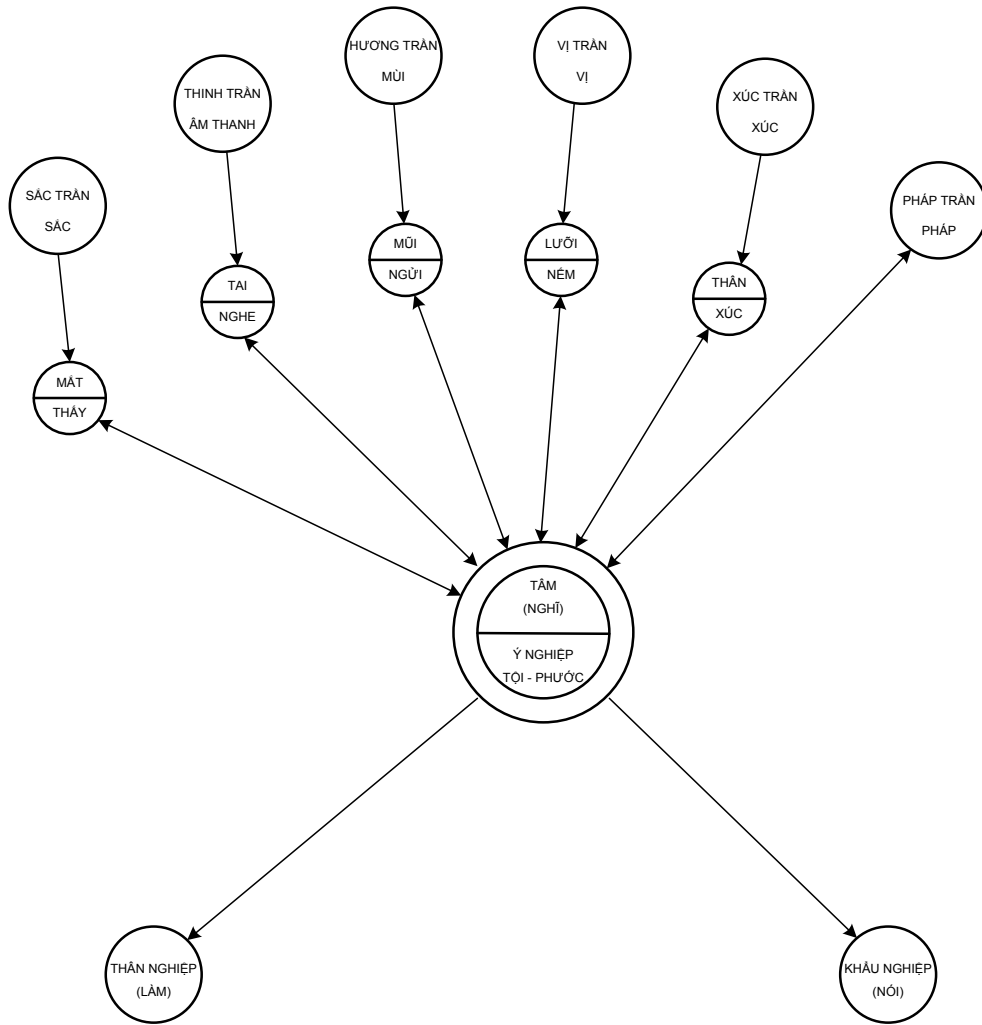
Ngoài đặc tính nhận biết đối tượng, tâm còn có nhiệm vụ dẫn đầu các pháp, làm cho thành tựu các công tác thông qua thân, khẩu và ý, như trong Kinh Pháp Cú, kệ thi thứ nhất, thứ nhì có ghi:

<i>Manopubbaṅgamā dhammā</i>	<i>Manoseṭṭhā manomayā</i>
<i>Manasā ce paduṭṭhena</i>	<i>Bhāsati vā karoti vā</i>
<i>Tatonam dukkhamanveti</i>	<i>Cakkamva vahato padaṃ.</i>

Các pháp do ý dẫn đầu, ý làm chủ, thành tựu nhờ ý. Nếu người nào nói và làm bằng tâm ý xấu xa thì khổ não sẽ theo liền người đó như bánh xe sẽ theo sau chân bò kéo.

<i>Manopubbaṅgamā dhammā</i>	<i>Manoseṭṭhā manomayā</i>
<i>Manasā ce pasannena</i>	<i>Bhāsati vā karoti vā</i>
<i>Tatonam sukhamanveti</i>	<i>Chāyāva anupāyinī.</i>

Các pháp do ý dẫn đầu, ý làm chủ, thành tựu nhờ ý. Nếu người nào nói và làm bằng tâm ý tốt đẹp thì an lạc sẽ theo liền người đó như bóng dính theo người vậy.



6 TRẦN - ĀRAMMAṆA: Sắc trần - Rūpārammaṇa, Thinh trần - Saddārammaṇa, Hương trần - Gandhārammaṇa, Vị trần - Rasārammaṇa, Xúc trần - Phoṭṭhabbārammaṇa và Pháp trần - Dhammārammaṇa.

6 MÔN - DVĀRA: Nhãn môn - Cakkhudvāra, Nhĩ môn - Sotadvāra, Tỷ môn - Ghānavdvāra, Thiệt môn - Jivhādvāra, Thân môn - Kāyadvāra và Ý môn - Manodvāra.

6 THỨC - VIÑÑĀṆA: Nhãn thức - Cakkhaviññāṇa, Nhĩ thức - Sotaviññāṇa, Tỷ thức - Ghānaviññāṇa, Thiệt thức - Jivhāviññāṇa, Thân thức - Kāyaviññāṇa và Ý thức - Manoviññāṇa.

Do năng lực tâm mà vũ trụ nhân hoàn này trở nên đa dạng, phong phú theo sự tạo tác và sinh tồn.

\* Theo tạo tác thì các đồ vật hiện hữu trên thế gian có hình dạng, kích thước, màu sắc, âm thanh, v.v... chúng đẹp đẽ hay xấu xí, kỳ dị hay tầm thường,

đáng sợ hay đáng yêu, để hủy diệt hay xây dựng thảy đều do tâm người nghĩ bày và tạo ra cả.

\* Theo sinh tồn thì tâm người tạo ra nghiệp, tích lũy nghiệp và phiền não là nhân tố để làm việc thiện hay việc ác và cho quả là sinh vào thiện thú, lạc cảnh hay đọa xứ, khổ cảnh. Các cảnh khổ, lạc này hiện hữu dưới dạng chúng sinh các loài như: địa ngục, ngạ quỷ, atula, súc sinh, người, trời, phạm thiên sắc giới và phạm thiên vô sắc giới. Riêng với những tâm thực hành minh sát, siêu nhiên thuần tịnh, sẽ tu tiến để chứng đắc Đạo, Quả, đạt đấng Niết bàn, thoát khỏi tử sinh luân hồi.

#### IV. SỐ LƯỢNG TÂM

Khi phân chia theo đặc tính nhận biết đối tượng thì tâm chỉ có một loại, đó là *citta-tâm* mà thôi.

Khi phân chia tâm nhận biết đối tượng theo các môn thì có sáu loại, gọi là *viññāṇa-thức*.

Khi phân chia tâm theo sinh chủng, v.v... thì tâm được chia thành 9 loại và có tất cả 89 hay 121 tâm, đó là phân chia theo:

1, *Jāti – Sinh chủng*: 21 kusalacitta - thiện tâm, 12 akusalacitta - bất thiện tâm, 36 vipākacitta - quả tâm, 20 kriyācitta - duy tác tâm.

2, *Bhūmi – Địa giới*: 54 kāmāvacara - dục giới, 15 rūpāvacara - sắc giới, 12 arūpāvacara - vô sắc giới, 8/20 lokuttara - siêu thế.

3, *Sobhāṇā – Tịnh hảo*: 30 asobhāṇa - bất tịnh hảo, 59/91 sobhāṇa - tịnh hảo.

4, *Loka – Thế gian*: 81 thế gian, 8/20 siêu thế.

5, *Hetu – Nhân*: 18 vô nhân, 71 hữu nhân.

6, *Jhāna – Thiền*: 54 phi thiền, 67 hữu thiền.

7, *Vedana – Thọ*: 63 thọ lạc, 3 thọ khổ, 55 thọ xả.

8, *Sampayoga – Tương ưng*: 55 sampayutta - tương ưng, 34 vippayutta - bất tương ưng.

9, *Saṅkhāra – Tác động*: 37 asaṅkhārika - không cần tác động, 52 saṅkhārika - cần tác động.

Phân chia tâm theo các loại sinh chủng (jāti) sẽ có các loại nghiệp (kamma)

đang tạo tác trong đời hiện tại mà nguyên do xuất phát từ các phiền não cấu uế (kilesa) đã có từ quá khứ và sẽ cho quả (vipāka) ở vị lai. Chúng ta có thể thấy các tâm tạo tác này thông qua bất thiện chủng (akusalajāti), thiện chủng (kusalajāti) và quả chủng (vipākajāti) như sau:

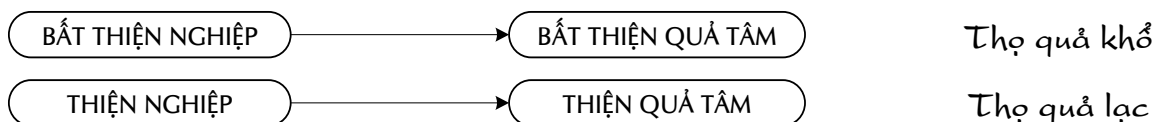
**1. AKUSALAJĀTI – BẤT THIỆN CHỦNG**

KILESA - PHIỀN NÃO	KAMMA NGHIỆP	VIPĀKA - QUẢ
AYONISOMANASIKĀRA – PHI NHƯ LÝ TÁC Ý	AKUSALA BẤT THIỆN	AKUSALAVIPĀKA - QUẢ BẤT THIỆN
1. Không tạo phước thiện đời trước 2. Ở trú xứ không thích hợp 3. Không gặp bậc chân nhân 4. Không nghe pháp của bậc chân nhân 5. Không giữ mình theo nghiệp chánh	12 Bất thiện tâm: - 8 Tham căn tâm - 2 Sân căn tâm - 2 Si căn tâm	Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức, Tiếp thọ, Suy đạt: thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm, nhận toàn là đối tượng không tốt.
QUÁ KHỨ	HIỆN TẠI	TƯƠNG LAI

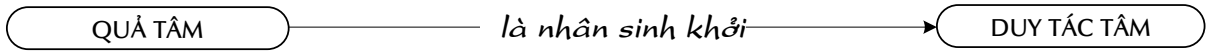
**2. KUSALAJĀTI – THIỆN CHỦNG**

YONISOMANASIKĀRA – NHƯ LÝ TÁC Ý	KUSALA THIỆN	KUSALAVIPĀKA – QUẢ THIỆN
1. Đã tạo phước thiện đời trước  2. Ở trú xứ thích hợp 3. Gặp gỡ bậc chân nhân 4. Nghe pháp của bậc chân nhân 5. Giữ mình theo nghiệp chánh	8 Đại thiện tâm  9 Đại hành tâm  4/20 Thiện siêu thể tâm	Thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm, nhận toàn là đối tượng tốt. Sinh ra làm người, chư thiên ở các cõi trời dục giới.  Tái sinh vào các cõi trời sắc giới và vô sắc giới.  Chế ngự được các phiền não một cách tuyệt đối, nhận Niết bàn làm đối tượng.
QUÁ KHỨ	HIỆN TẠI	TƯƠNG LAI

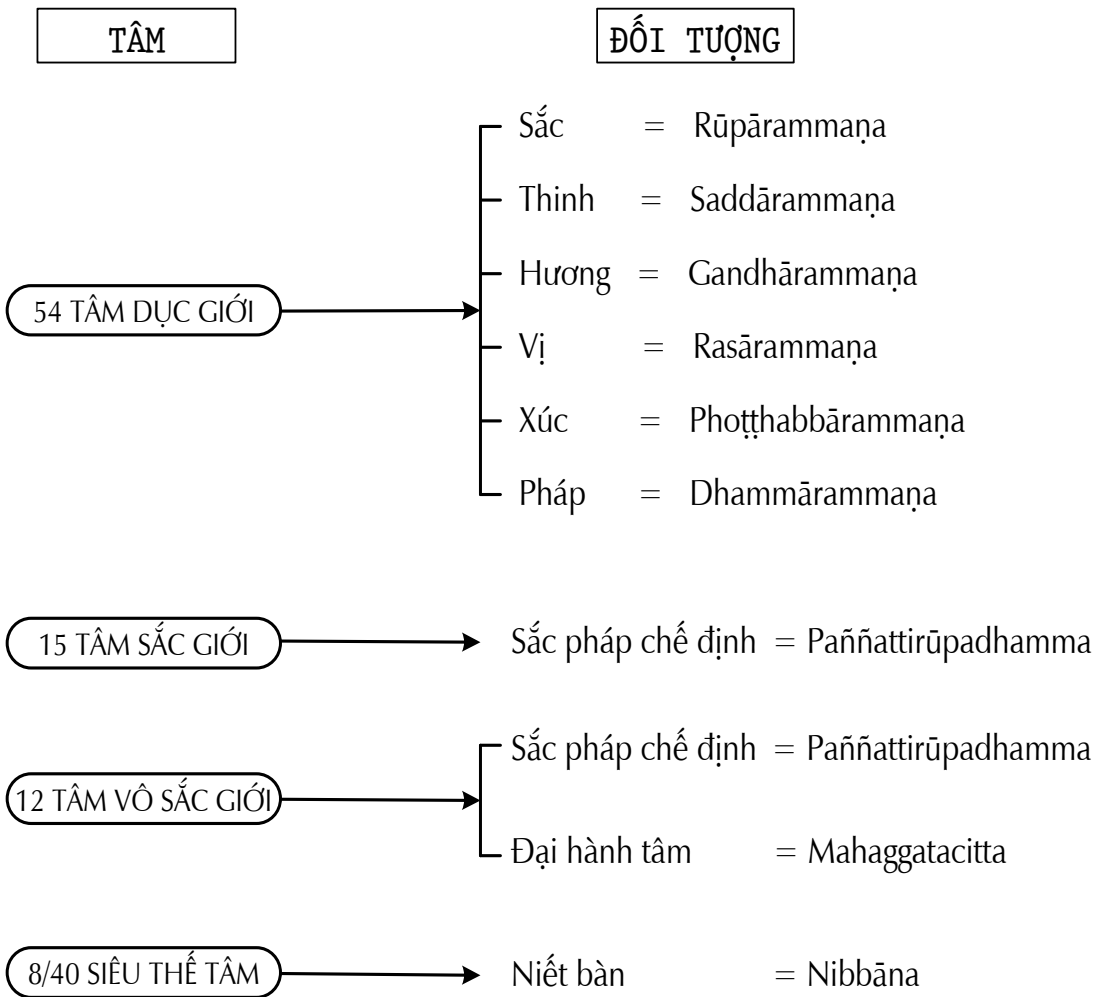
**3. VIPĀKAJĀTI – QUẢ CHỦNG**



4. KRIYĀJĀTI – DUY TÁC CHỨNG



TÂM VÀ ĐỐI TƯỢNG THEO ĐỊA GIỚI



## BÀI SÁU

# TÂM SỞ

### I. TÂM SỞ LÀ GÌ?

*Cetasika* – *Tâm sở* là một pháp tự nhiên, kết hợp với tâm với 4 tính chất được gọi là *cetoyuttalakkhaṇā* như sau:

- |              |                             |
|--------------|-----------------------------|
| – Ekuppāda   | cùng sinh với tâm.          |
| – Ekanirodha | cùng diệt với tâm.          |
| – Ekāmbana   | cùng một đối tượng với tâm. |
| – Ekavattuka | cùng nơi phát sinh với tâm. |

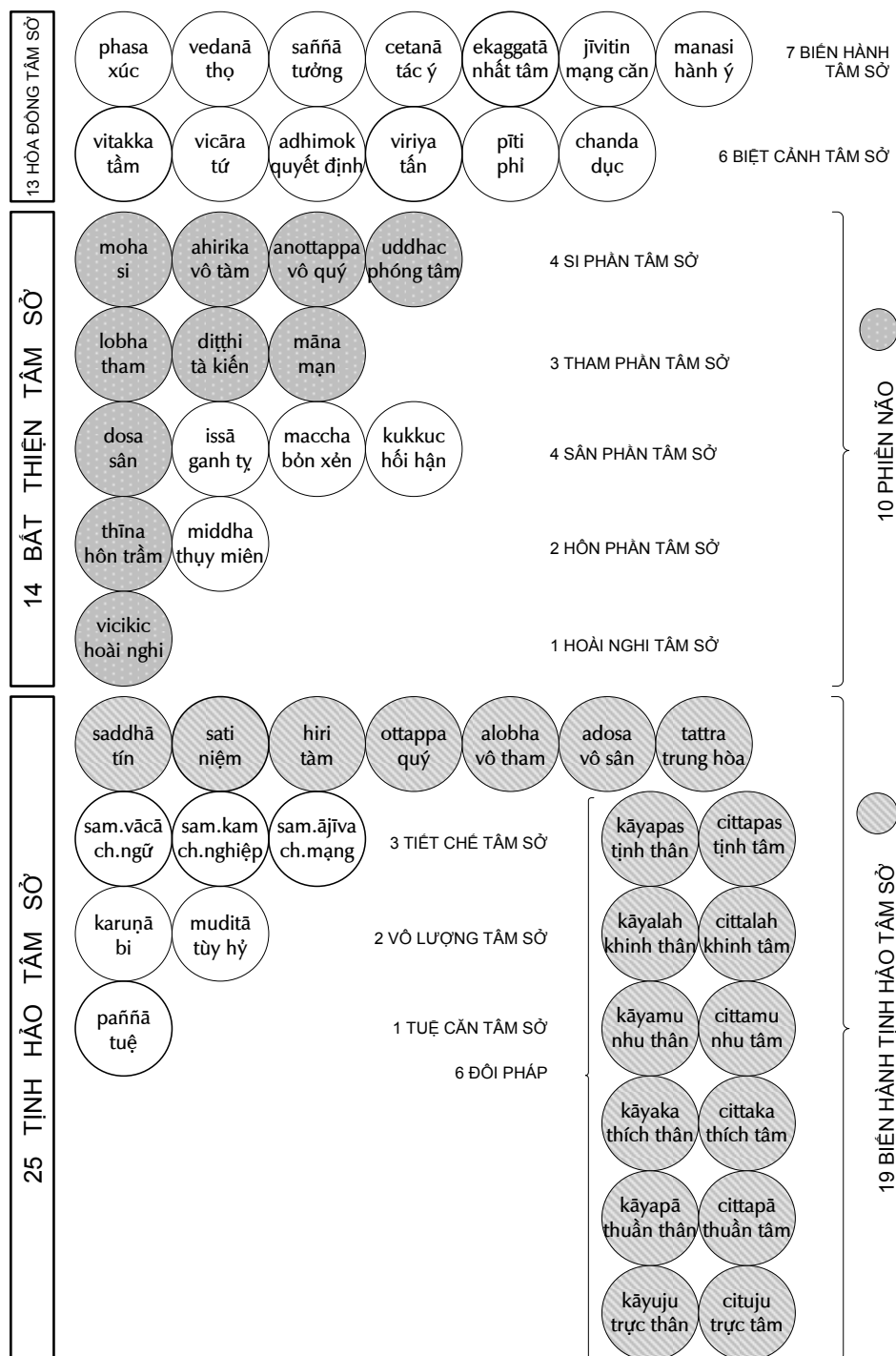
Tâm và tâm sở đều thuộc về danh pháp như nhau, cả hai gắn bó, liên kết mật thiết với nhau. Tâm có nhiệm vụ nhận biết đối tượng, còn tâm sở thì tham gia vào với nhiệm vụ tạo tác tâm để tâm nhận biết đối tượng tương hợp với trạng thái của tâm sở. Chẳng hạn như trong lúc tâm đang thấy hình sắc, nếu có tâm sở tham (lobha-cetasika) tham gia vào thì sẽ phát sinh sự vừa lòng thích thú ở nơi lộ trình tâm thấy hình sắc ấy. Hoặc là, lúc tâm đang nghe âm thanh, nếu tâm sở sân (dosacetssika) vào kết hợp thì sẽ phát sinh sự không hài lòng, bực bội, khó chịu, sự nóng giận nảy sinh, điều này cho thấy tâm sở tham gia vào sẽ làm cho tâm bị tạo tác khi nhận đối tượng mà diễn tiến theo trạng thái của tâm sở đó.

### II. BỐN TÍNH CHẤT CỦA TÂM SỞ

- 1, *Cittanissitalakkhaṇam*: có đặc tính nương gá vào tâm.
- 2, *Aviyoguppadānaram*: có nhiệm vụ cùng sinh với tâm.
- 3, *Ekāmbanapaccupattānam*: có quả hiện hữu là nhận cùng đối tượng với tâm.
- 4, *Cittupādapadattānam*: có nguyên nhân gần phát sinh là sự khởi sinh của tâm.

Tâm sở luôn kết hợp với tâm, khi tâm sinh khởi thì tâm sở cũng có mặt tức thì. Nếu chỉ có tâm sở không thôi thì cũng không được, còn nếu như tâm khởi sinh rồi mà không có tâm sở cũng không thể được như nhau. Do vậy tâm và tâm sở luôn luôn sinh ra cùng nhau, kết hợp với nhau, hai danh pháp này luôn tồn tại với nhau và không thể tách rời nhau được.

## 52 TÂM SỞ



### III. SỐ LƯỢNG TÂM SỞ

Tâm sở, nếu tính theo thực tính pháp thì có đến 52 tâm sở khác nhau và chia thành ba nhóm, đó là:

- \* 13 *Aññasamānacetāsika* – Hòa đồng tâm sở,
- \* 14 *Akusalacetāsika* – Bất thiện tâm sở,
- \* 25 *Sobhaṇacetāsika* – Tịnh hảo tâm sở.

1, *Aññasamānacetāsika* – Hòa đồng tâm sở: gồm 13 tâm sở, chia ra hai loại:

a, *Sabbacittasādhāraṇacetāsika* – Biến hành tâm sở: là những tâm sở kết hợp với tất cả 89/121 tâm, có cả thấy bảy biến hành tâm sở:

- Phassa - Xúc: pháp xúc chạm đối tượng.
- Vedanā - Thọ: pháp cảm thọ đối tượng.
- Saññā - Tưởng: pháp ghi nhớ đối tượng.
- Cetanā - Tác ý: pháp tác động các pháp đồng sanh thực hiện nhiệm vụ của mình.
- Ekaggatā - Nhất tâm: pháp yên tịnh và làm cho các pháp đồng sanh trụ trên đối tượng duy nhất.
- Jīvitindriya - Mạng căn, pháp hộ trì các pháp đồng sanh.
- Manasikāra - Hành ý, pháp hướng và dẫn các pháp đồng sanh về đối tượng.

b, *Pakiṇṇakacetāsika* – Biệt cảnh tâm sở: là những tâm sở chỉ kết hợp với tâm tùy theo sự xuất hiện của đối tượng phù hợp. Có sáu biệt cảnh tâm sở là:

- Vitakka - Tầm: pháp đưa các pháp đồng sanh đến đối tượng.
- Vicāra - Tư: pháp quán sát, dò xét đối tượng.
- Abhimokkha - Quyết định: xác định, chọn lọc đối tượng.
- Viriya - Tinh tấn: pháp nỗ lực trước đối tượng.
- Pīti - Phi: pháp thích thú, hoan hỷ trước đối tượng.
- Chanda - Dục: pháp mong muốn, ước vọng đối tượng.

2, *Akusalacetāsika* – Bất thiện tâm sở: gồm 14 tâm sở, chia ra năm loại:

a, *Mocatukacetāsika* – Si phần tâm sở: là những tâm sở kết hợp với tất cả 12 tâm bất thiện, đứng đầu là mohacetāsika - si tâm sở, có bốn tâm sở là:

- Moha - Si: pháp che đậy sự thật của đối tượng.
- Ahirika - Vô tầm: pháp không hổ thẹn trước tội lỗi.



- Anottappa - Vô quý: pháp không ghê sợ trước tội lỗi.
- Uddhacca - Trạo cử: pháp phóng dật, loạn động, nhận đối tượng không chắc chắn.

b, *Lotikacetāsika* – *Tham phần tâm sở*: là những tâm sở kết hợp với 8 tâm gốc tham, đứng đầu là lobhacetāsika - tham tâm sở, có ba tâm sở là:

- Lobha - Tham: pháp ham muốn và bám víu đối tượng.
- Diṭṭhi - Tà kiến: pháp thấy biết sai với sự thật của đối tượng.
- Māna - Ngã mạn: pháp kiêu căng, tự đắc.

c, *Docatukacetāsika* – *Sân phần tâm sở*: là những tâm sở kết hợp với 2 tâm gốc sân, đứng đầu là dosacetāsika - sân tâm sở, có bốn tâm sở là:

- Dosa - Sân, pháp không vừa lòng, bất mãn đối tượng.
- Issā - Tật đố, pháp ganh tị với điều tốt của người khác.
- Macchāriya - Xan tham, pháp bòn xén tài sản hoặc công đức của mình.
- Kukkucca - Hối quá, pháp bòn chôn, bực mình trước điều thiện chưa làm và điều ác đã làm rồi.

d, *Thīdukacetāsika* – *Hôn phần tâm sở*: là những tâm sở làm cho nhụt chí, co rút, dă dượi trước đối tượng, có hai tâm sở là:

- Thīna - Hôn trầm: pháp làm cho tâm co rút, thối lui trước đối tượng.
- Middha - Thuỵ miên: pháp làm cho tâm sở co rút, thối lui trước đối tượng.

e, *Vicikicchācetāsika* – *Hoài nghi tâm sở*: là pháp nghi ngờ, không quyết được, như nghi ngờ về công đức Tam Bảo v.v...

3, *Sobhaṇacetāsika* – *Tịnh hảo tâm sở*: gồm 25 tâm sở, chia ra bốn loại:

a, *Sobhaṇasādhāraṇacetāsika* – *Biến hành tịnh hảo tâm sở*: là những tâm sở kết hợp với tất cả 59/91 tâm tịnh hảo, có cả thảy 19 tâm sở là:

- Saddhā - Tín: pháp có đức tin nơi Tam Bảo đúng như sự thật, tin vào nghiệp và quả của nghiệp.
- Sati - Niệm: pháp hồi nhớ đối tượng liên quan đến thiện pháp, như nhớ đến công đức Tam Bảo.
- Hiri - Tàm: pháp hổ thẹn với tội lỗi.
- Ottappa - Quý: pháp ghê sợ với tội lỗi.
- Aloḃha - Vô tham: pháp không ham muốn và không bám víu vào ngũ dục.

- Adosa - Vô sân: pháp không làm hại, không bắt mẫn trước đối tượng.
  - Tatramajjhataṭṭā – Trung hòa: pháp làm cho tâm và tâm sở tiến hành nhiệm vụ một cách đồng đều.
  - Kāyapassaddhi - Thân thư thái: trạng thái yên tĩnh của tâm sở trong các thiện pháp.
  - Cittapassaddhi - Tâm thư thái: trạng thái yên tĩnh của tâm trong các thiện pháp.
  - Kāyalahutā - Thân khinh an: trạng thái nhẹ nhàng của tâm sở trong các thiện pháp.
  - Cittalahutā - Tâm khinh an: trạng thái nhẹ nhàng của tâm trong các thiện pháp.
  - Kāyamudutā - Thân nhu nhuyễn: trạng thái nhu thuận của tâm sở trong các thiện pháp.
  - Cittamudutā - Tâm nhu nhuyễn: trạng thái nhu thuận của tâm trong các thiện pháp.
  - Kāyakammaññatā - Thân thích ứng: trạng thái thích ứng của tâm sở trong các thiện pháp.
  - Cittakammaññatā - Tâm thích ứng: trạng thái thích ứng của tâm trong các thiện pháp.
  - Kāyapāguññatā - Thân thuần thực: trạng thái tinh luyện của tâm sở trong các thiện pháp.
  - Cittapāguññatā - Tâm thuần thực: trạng thái tinh luyện của tâm trong các thiện pháp.
  - Kāyujukatā - Thân chánh trực: trạng thái ngay thẳng của tâm sở trong các thiện pháp.
  - Cittujukatā - Tâm chánh trực: trạng thái ngay thẳng của tâm trong các thiện pháp.
- b, *Viratīcetasika* – *Tiết chế tâm sở*: là những tâm sở xa lánh, từ bỏ các tội lỗi, ác hạnh, gồm có 3 tâm sở là:
- Sammāvācā - Chánh ngữ: nói lời tránh bốn khẩu ác hành, không liên quan đến nghề nghiệp.
  - Sammākammanta - Chánh nghiệp, việc làm tránh ba thân ác hành, không liên quan nghề nghiệp.
  - Sammājīva - Chánh mạng, nuôi mạng chân chánh, không theo bốn khẩu ác hành và ba thân ác hành.

c, *Appamaññacetāsika* – Vô lượng tâm sở: là những tâm sở lan tỏa, trải rộng đến các loại đối tượng chế định là chúng sinh, gồm có hai tâm sở là:

– Karuṇā - Bi: thông cảm và muốn giúp đỡ chúng sanh đang gặp đau khổ, hoạn nạn.

– Muditā - Tùy hỷ: vui lòng, cùng hoan hỷ trước chúng sanh đang được hạnh phúc, thịnh vượng.

d, *Paññindriyacetasika* – Tuệ căn tâm sở: có một tâm sở là:

– Paññā - Tuệ: pháp hiểu biết thực tánh của vạn pháp đúng như chân, như thật.

#### IV. TÂM SỞ PHỐI HỢP

Các tâm sở cùng sinh ra với tâm một khi tâm đó sinh khởi, tuy nhiên chúng không khởi sinh đơn lẻ mà đồng sinh theo từng nhóm, Pāli gọi là *Sampayoganaya* (*Tâm sở phối hợp*). Các nhóm tâm sở kết hợp với các tâm đồng sinh, cụ thể như sau:

1, 7 Biến hành tâm sở (*Sabbacittasādhāraṇacetāsika*) kết hợp với tất cả 89 hay 121 tâm.

2, 6 Biệt cảnh tâm sở (*Pakiṇṇakacetāsika*) kết hợp với các tâm tương ưng mà nó có thể sinh khởi được.

3, 4 Si phần tâm sở (*Mocatukacetāsika*) kết hợp với tất cả 12 Bất thiện tâm.

4, 3 Tham phần tâm sở (*Lotikacetāsika*) kết hợp với tất cả 8 Tham căn tâm.

5, 4 Sân phần tâm sở (*Docatukacetāsika*) kết hợp với 2 Sân căn tâm.

6, 2 Hôn phần tâm sở (*Thīdukacetāsika*) kết hợp với 5 tâm bất thiện cần tác động (*akusalasasaṅkhārikacitta*).

7, Hoài nghi tâm sở (*Vicikicchācetāsika*) kết hợp với Si căn tâm thứ nhất, hợp với hoài nghi mà thôi.

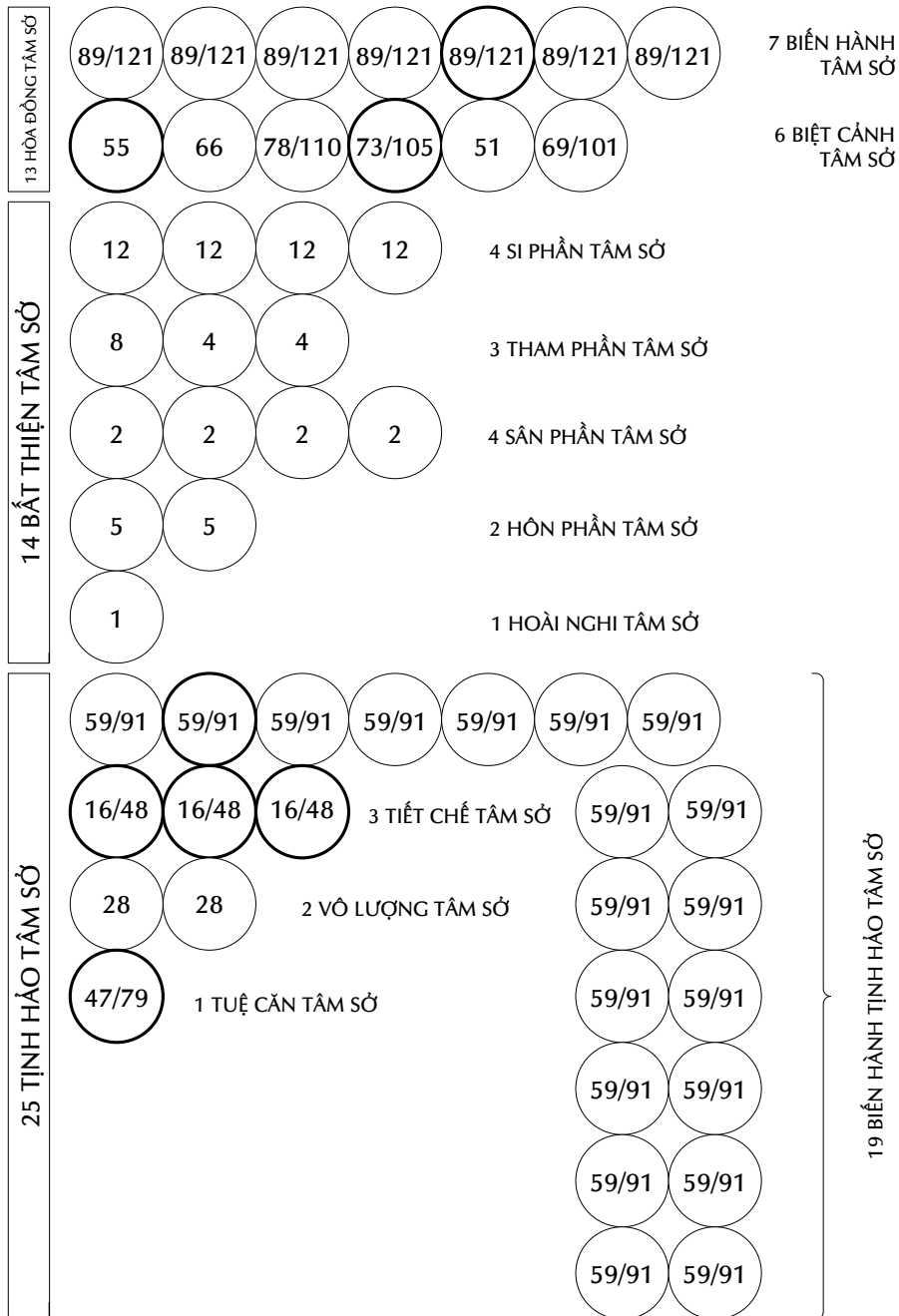
8, 19 Tịnh hảo tâm sở (*Sobhaṇacetāsika*) kết hợp với 59/91 Tịnh hảo tâm.

9, 3 Tiết chế tâm sở (*Vīratīcetāsika*) kết hợp với 8 Đại thiện tâm và 8 Siêu thế tâm.

10, 2 Vô lượng tâm sở (*Vīratīcetāsika*) kết hợp với 8 Đại thiện tâm và 8 Đại duy tác tâm và 12 Sắc giới tâm (trừ 3 Đệ ngũ thiền sắc giới tâm).

11, Tuệ tâm sở (*Pāññācetāsika*) kết hợp với 47/79 tâm tương ưng với tuệ mà thôi.

**TÂM SỞ PHỐI HỢP**



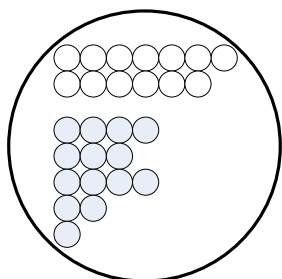
**V. TÂM THÂU NHIẾP**

Khi một tâm sinh khởi thì sẽ có một số lượng tâm sở tương ứng đồng sinh, tham gia vào tâm đó, Pāli gọi là *Saṅgahanaya* (Tâm thâm nhiếp), nghĩa là một tâm sinh lên sẽ thâm nhiếp được bao nhiêu tâm sở vào kết hợp với mình.

# TÂM THẬU NHIỆP

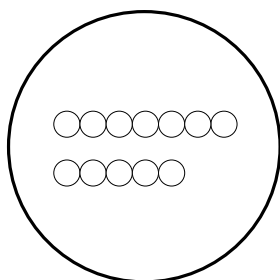
54 DỤC GIỚI TÂM	12 BẤT THIÊN TÂM	<table border="1"> <tr><td>19</td><td>21</td><td>19</td><td>21</td></tr> <tr><td>18</td><td>20</td><td>18</td><td>20</td></tr> <tr><td>20</td><td>22</td><td></td><td></td></tr> <tr><td>15</td><td>15</td><td></td><td></td></tr> </table>	19	21	19	21	18	20	18	20	20	22			15	15			<p>8 THAM CĂN TÂM</p> <p>2 SÂN CĂN TÂM</p> <p>2 SI CĂN TÂM</p>								
	19	21	19	21																							
	18	20	18	20																							
	20	22																									
	15	15																									
	18 VÔ NHÂN TÂM	<table border="1"> <tr><td>7</td><td>7</td><td>7</td><td>7</td><td>7</td><td>10</td><td>10</td></tr> <tr><td>7</td><td>7</td><td>7</td><td>7</td><td>7</td><td>10</td><td>10</td><td>11</td></tr> <tr><td>10</td><td>11</td><td>12</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr> </table>	7	7	7	7	7	10	10	7	7	7	7	7	10	10	11	10	11	12						<p>7 BẤT THIÊN QUẢ TÂM</p> <p>8 VÔ NHÂN THIÊN QUẢ TÂM</p> <p>3 VÔ NHÂN DUY TÁC TÂM</p>	
	7	7	7	7	7	10	10																				
	7	7	7	7	7	10	10	11																			
	10	11	12																								
	24 DỤC GIỚI TỊNH HẢO TÂM	<table border="1"> <tr><td>38</td><td>38</td><td>37</td><td>37</td></tr> <tr><td>37</td><td>37</td><td>36</td><td>36</td></tr> <tr><td>33</td><td>33</td><td>32</td><td>32</td></tr> <tr><td>32</td><td>32</td><td>31</td><td>31</td></tr> <tr><td>35</td><td>35</td><td>34</td><td>34</td></tr> <tr><td>34</td><td>34</td><td>33</td><td>33</td></tr> </table>	38	38	37	37	37	37	36	36	33	33	32	32	32	32	31	31	35	35	34	34	34	34	33	33	<p>8 ĐẠI THIÊN TÂM</p> <p>8 ĐẠI QUẢ TÂM</p> <p>8 ĐẠI DUY TÁC TÂM</p>
	38	38	37	37																							
	37	37	36	36																							
33	33	32	32																								
32	32	31	31																								
35	35	34	34																								
34	34	33	33																								
27 ĐẠI HÀNH TÂM	15 SẮC GIỚI TÂM	<table border="1"> <tr><td>35</td><td>34</td><td>33</td><td>32</td><td>30</td></tr> <tr><td>35</td><td>34</td><td>33</td><td>32</td><td>30</td></tr> <tr><td>35</td><td>34</td><td>33</td><td>32</td><td>30</td></tr> </table>	35	34	33	32	30	35	34	33	32	30	35	34	33	32	30	<p>5 SẮC GIỚI THIÊN TÂM</p> <p>5 SẮC GIỚI QUẢ TÂM</p> <p>5 SẮC GIỚI DUY TÁC TÂM</p>									
	35	34	33	32	30																						
	35	34	33	32	30																						
	35	34	33	32	30																						
12 VÔ SẮC GIỚI TÂM	<p>4 VÔ SẮC GIỚI THIÊN TÂM</p> <p>4 VÔ SẮC GIỚI QUẢ TÂM</p> <p>4 VÔ SẮC GIỚI DUY TÁC TÂM</p> <table border="1"> <tr><td>30</td><td>30</td><td>30</td><td>30</td></tr> <tr><td>30</td><td>30</td><td>30</td><td>30</td></tr> <tr><td>30</td><td>30</td><td>30</td><td>30</td></tr> </table>	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30														
30	30	30	30																								
30	30	30	30																								
30	30	30	30																								
8 / 40 SIÊU THỂ TÂM	4 / 20 ĐẠO TÂM	<table border="1"> <tr><td>36</td><td>35</td><td>34</td><td>33</td><td>33</td></tr> <tr><td>36</td><td>35</td><td>34</td><td>33</td><td>33</td></tr> <tr><td>36</td><td>35</td><td>34</td><td>33</td><td>33</td></tr> <tr><td>36</td><td>35</td><td>34</td><td>33</td><td>33</td></tr> </table>	36	35	34	33	33	36	35	34	33	33	36	35	34	33	33	36	35	34	33	33	<p>1/5 DỰ LƯU ĐẠO TÂM</p> <p>1/5 NHẤT LAI ĐẠO TÂM</p> <p>1/5 BẤT LAI ĐẠO TÂM</p> <p>1/5 A-RA-HÁN ĐẠO TÂM</p>				
	36	35	34	33	33																						
	36	35	34	33	33																						
	36	35	34	33	33																						
	36	35	34	33	33																						
	4 / 20 QUẢ TÂM	<table border="1"> <tr><td>36</td><td>35</td><td>34</td><td>33</td><td>33</td></tr> <tr><td>36</td><td>35</td><td>34</td><td>33</td><td>33</td></tr> <tr><td>36</td><td>35</td><td>34</td><td>33</td><td>33</td></tr> <tr><td>36</td><td>35</td><td>34</td><td>33</td><td>33</td></tr> </table>	36	35	34	33	33	36	35	34	33	33	36	35	34	33	33	36	35	34	33	33	<p>1/5 DỰ LƯU QUẢ TÂM</p> <p>1/5 NHẤT LAI QUẢ TÂM</p> <p>1/5 BẤT LAI QUẢ TÂM</p> <p>1/5 A-RA-HÁN QUẢ TÂM</p>				
	36	35	34	33	33																						
	36	35	34	33	33																						
36	35	34	33	33																							
36	35	34	33	33																							

1, *Bất thiện tâm thâu nhiếp*: Các Bất thiện tâm khi sinh ra đều là những tâm đầy cấu uế, phiền não, ô nhiễm bởi tham, sân, si. Số lượng tâm sở tham gia trong các tâm bất thiện này là 27 tâm sở, bao gồm:



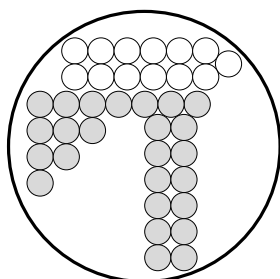
* Hòa đồng tâm sở	13
* Bất thiện tâm sở	<u>14</u>
Tổng cộng	27

2, *Vô nhân tâm thâu nhiếp*: Các Vô nhân tâm khi sinh ra đều có mặt 7 Biến hành tâm sở, ngoài ra các biệt cảnh tâm sở có thể tham gia tùy trường hợp cụ thể. Số lượng tâm sở tham gia trong các tâm vô nhân này là 12 tâm sở (trừ chanda – dục) bao gồm:



* Biến hành tâm sở	7
* Biệt cảnh tâm sở	<u>5</u>
Tổng cộng	12

3, *Tịnh hảo tâm thâu nhiếp*: Các Tịnh hảo tâm khi sinh ra đều có mặt 13 hòa đồng tâm sở, ngoài ra các Tịnh hảo tâm sở có thể tham gia tương ứng với tâm sinh khởi. Số lượng tâm sở tham gia trong các tâm tịnh hảo này là 38 tâm sở, bao gồm:



* Hòa đồng tâm sở	13
* Tịnh hảo tâm sở	<u>25</u>
Tổng cộng	38

Tóm lại, tâm sở là tự tánh pháp kết hợp với tâm và tạo tác tâm, làm cho tâm có các trạng thái khác nhau.

\* 13 Hòa đồng tâm sở tạo tác, chế biến tâm, khiến cho tâm hoàn thành các phận sự của mình, chẳng hạn như: thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm, tiếp nhận đối tượng, suy xét đối tượng, v.v.. nhưng chưa đến mức tạo tội lỗi hay sinh phước thiện.

\* 14 Bất thiện tâm sở tham gia và tạo tác tâm, làm cho tâm rơi về phía bất thiện, gây nên tội lỗi.

\* 25 Tịnh hảo tâm sở tham gia và tạo tác tâm, làm cho tâm hướng về phía thiện pháp, phát sinh phước thiện.

Khi phân chia theo uẩn (khandha) thì 52 tâm sở được xếp vào 3 uẩn thuộc về danh pháp (nāmadhamma), đó là:

\* *Vedanācetasika* - Thọ tâm sở thuộc về Thọ uẩn – Vedanākhandha.

\* *Saññācetasika* - Tưởng tâm sở thuộc về Tưởng uẩn – Saññākhandha.

\* 50 tâm sở còn lại thuộc về Hành uẩn – Saṅkhārakhandhā.

Tất cả chúng sinh hữu tình, làm thiện hoặc ác đều tùy vào sự tạo tác của hành uẩn này. Đây là điều rất quan trọng, tạo tác để dẫn đến cảnh khổ (dugati) là do năng lực của các bất thiện tâm sở, tạo tác để dẫn đến cảnh lạc (sugati) là do năng lực của các tịnh hảo tâm sở và tạo tác để dẫn đến Niết bàn là do năng lực của Tuệ tâm sở trong *Bát Thánh Đạo*. Cả thấy đều thuộc về hành uẩn, Đức Đạo Sư từng ca ngợi tuệ là đỉnh của tất cả các pháp, ngay cả Phật pháp sinh khởi cũng do nhờ trí tuệ siêu việt của Đức Chánh Đẳng Chánh Giác vậy.



## BÀI BẢY

# SẮC

### I. SẮC LÀ GÌ?

Rūpa – Sắc là pháp tự nhiên phải bị biến đổi, phá hủy, hư hoại.

Nguyên nhân chủ yếu làm cho sắc pháp bị biến đổi, hư hoại là do bởi nóng, lạnh và do tác động của các pháp chương ngại như: muối, ruồi, côn trùng, sâu bọ, nắng, gió v.v... Trong đó nóng và lạnh là nguyên nhân trực tiếp còn các thứ khác là nguyên nhân gián tiếp.

Về số lượng, có tất cả 28 sắc pháp, đó là:

\* 4 Mahābhūtarūpa – Sắc Tứ đại và 24 Upādāyarūpa – Sắc Phụ thuộc, hoặc:

\* 18 Nipphannarūpa – Sắc Thật và 10 Anipphannarūpa – Sắc Phi thật.

1. a, *Sắc Tứ đại*: là những sắc pháp có biểu hiện cụ thể, rõ ràng và là sắc cơ bản để tiếp nhận tất cả các sắc pháp khác. Có 4 sắc Tứ đại là:

\* Paṭhavī – Địa đại (Đất)

\* Āpo – Thủy đại (Nước)

\* Tejo – Hỏa đại (Lửa)

\* Vāyo – Phong đại (Gió)

b, *Sắc Phụ thuộc*: là các sắc pháp nương nhờ vào sắc Tứ đại mà sinh khởi, có tất cả 24 sắc Phụ thuộc là:

\* 5 Pasādarūpa – Sắc Tịnh: Nhãn, Nhĩ, Tỷ Thiệt, Thân.

\* 4 Gocararūpa – Sắc Đối tượng: Sắc, Thinh, Hương, Vị.

\* 2 Bhāvarūpa – Sắc Giới tính: Nữ, Nam.

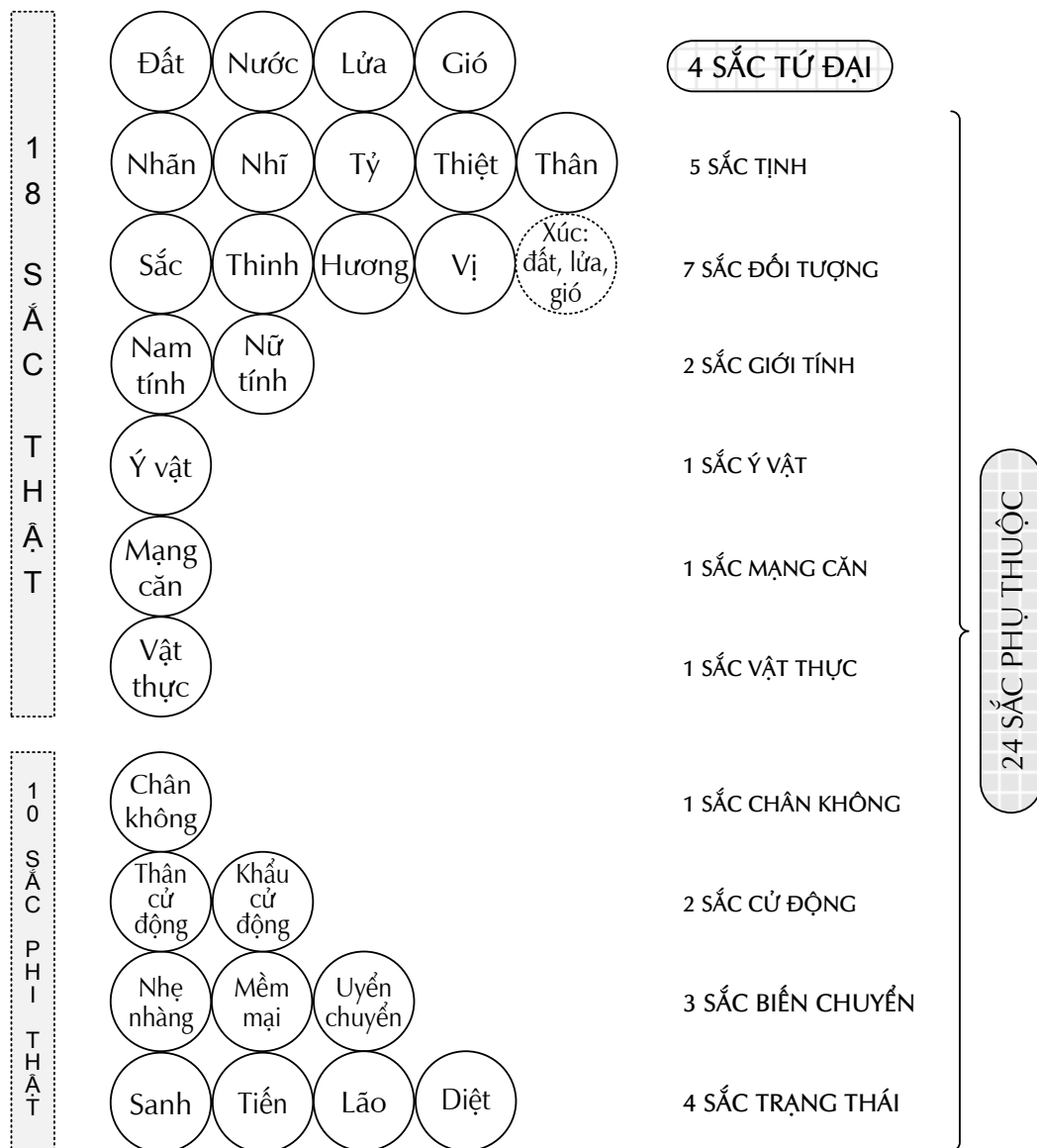
\* 1 Hadayarūpa – Sắc Ý vật.



- \* 1 Jīvitarūpa – Sắc Mạng căn.
- \* 1 Āhārarūpa – Sắc Vật thực.
- \* 1 Parichedarūpa – Sắc Chân không.
- \* 2 Viññattirūpa – Sắc Cử động (Thân cử động, Khẩu cử động).
- \* 3 Vikārarūpa – Sắc Biến chuyển (Nhẹ nhàng, Mềm mại, Uyển chuyển).
- \* 4 Lakkhaṇarūpa – Sắc Trạng thái (Sinh, Tiến, Lão, Diệt).

2. a, *Sắc Thật*: là các sắc pháp có thực tính pháp (sabhāvadhamma), có trạng thái riêng của mình, có tất cả 18 sắc thật.

b, *Sắc Phi thật*: là các sắc pháp nương nhờ vào các sắc thật, là sắc pháp biểu thị số lượng, hình dạng, trạng thái biểu hiện của các sắc thật.



## II. BỐN TÍNH CHẤT CỦA SẮC:

- 1, *Ruppanalakkhaṇaṃ*: có đặc tính biến động, hoại diệt, tiêu hủy.
- 2, *Vikiraṇarasam*: có phận sự tách rời khỏi nhau (với tâm).
- 3, *Abyākatapaccuppatthānaṃ*: có quả hiện hữu là pháp vô ký.
- 4, *Viññānapadaṭṭhānaṃ*: có thức (tâm) là nhân gần làm phát sinh.

## III. TRẠNG THÁI CỦA 28 SẮC PHÁP:

### 1, 4 *Mahābhūtarūpa* – *Sắc Tứ đại*:

- Paṭhavī - Địa đại: sắc cứng hoặc mềm.
- Āpo - Thủy đại: sắc ướt hoặc dính.
- Tejo - Hỏa đại: sắc nóng hoặc lạnh.
- Vāyo - Phong đại: sắc căng hoặc chùng.

### 2, 5 *Pasādarūpa* – *Sắc Tịnh*:

- Cakkhupasāda - Nhãn tịnh sắc: nhận biết hình sắc.
- Sotapasāda - Nhĩ tịnh sắc: nhận biết âm thanh.
- Ghānapasāda - Tỷ tịnh sắc: nhận biết mùi hương.
- Jivhāpasāda - Thiệt tịnh sắc: nhận biết vị giác.
- Kāyapasāda - Thân tịnh sắc: nhận biết xúc chạm.

### 3, 4/7 *Visayarūpa* – *Sắc Đối tượng*:

- Rūpārammaṇa - Sắc trần: màu sắc các loại.
- Saddārammaṇa - Thinh trần: âm thanh các loại.
- Gandhārammaṇa - Hương trần: mùi các loại.
- Rasārammaṇa - Vị trần: vị các loại.
- Phoṭṭhabbārammaṇa - Xúc trần: cứng mềm, nóng lạnh, căng chùng.

### 4, 2 *Bhāvarūpa* – *Sắc Giới tính*:

- Itthībhāva - Nữ tính sắc: sắc biểu thị tính nữ giới.
- Purisabhāva - Nam tính sắc: sắc biểu thị tính nam giới.

### 5, 1 *Hadayarūpa* – *Sắc Ý vật*:

- Hadaya - Ý vật: sắc sinh tại quả tim, nơi tá sinh của tâm và tâm sở.

6, *Jīvitindriyarūpa – Sắc Mạng căn:*

Jīvita - Mạng căn: sắc bảo trì các sắc do nghiệp sinh

7, *Āhārarūpa – Sắc Vật thực:*

Āhāra - Vật thực: sắc dưỡng tố (ojā).

8, *Paricchedarūpa – Sắc Chân không:*

Pariccheda - Chân không: không gian giữa khối sắc này với khối sắc khác.

9, 2 *Viññattirūpa – Sắc Cử động:*

Kāyaviññatti - Thân cử động: sự cử động của sắc thân.

Vacīviññatti - Khẩu cử động: sự cử động của sắc khẩu..

10, 3 *Vikārarūpa – Sắc Biến chuyển:*

Lahutā – Nhẹ nhàng: sự nhẹ nhàng của các sắc thật.

Mudutā – Mềm mại: sự mềm mại của các sắc thật.

Kammaññatā – Uyển chuyển: sự uyển chuyển của các sắc thật.

11, 4 *Lakkhaṇarūpa – Sắc Trạng thái:*

Upacaya - Sinh sắc: sự sinh khởi đầu tiên của sắc lúc thọ thai và tiếp sau đó, cho đến khi các sắc cần thiết đã đầy đủ.

Santati - Tiến sắc: sự sinh khởi tiếp diễn của các sắc đến hết kiếp sống.

Jarātā - Lão sắc: sự phát triển và lão hoại của các sắc.

Aniccata - Diệt sắc: sự diệt tận của sắc vào sát-na diệt.

## IV. SẮC KHỞI XỨ:

Có 4 khởi xứ (samuṭṭhāna) làm nền tảng cho sắc sinh khởi, đó là:

\* Kamma – Nghiệp

\* Citta – Tâm

\* Utu – Thời tiết

\* Āhāra – Vật thực

1, *Kamma – Nghiệp:*

Nghiệp làm nền tảng để cho các sắc pháp khởi sinh, gọi là *Kamma-samuṭṭhāna – Nghiệp khởi xứ* và sắc pháp nào là quả của nghiệp đã tạo ra ấy thì sắc

pháp đó gọi là *Kammajarūpa – Nghiệp khởi sắc* (sắc sinh khởi do nghiệp). Trong số 28 sắc pháp thì có đến 18 sắc pháp là do nghiệp sinh, đó là:

- 4 Mahābhūtarūpa – 4 sắc Tứ đại,
- 5 Pasādarūpa – 5 sắc Tịnh.
- 3 Gocararūpa – 3 sắc Đối tượng (trừ Saddarūpa – sắc Âm thanh),
- 2 Bhāvarūpa – 2 sắc Giới tính,
- 1 Hadayarūpa – 1 sắc Ý vật,
- 1 Jivittarūpa – 1 sắc Mạng căn,
- 1 Āhārarūpa – 1 sắc Vật thực,
- 1 Paricchedarūpa – 1 sắc Chân không.

## 2, Citta – Tâm:

Tâm cũng làm nền tảng để cho sắc pháp khởi sinh, gọi là *Cittasamuṭṭhāna – Tâm khởi xứ* và sắc pháp nào là quả của tâm đã tạo ra ấy, sắc pháp đó gọi là *Cittajarūpa – Tâm khởi sắc* (sắc sinh khởi do tâm).

Có tất cả 15 sắc pháp do tâm sinh khởi, là quả của tâm, đó là:

- 4 Mahābhūtarūpa – 4 sắc Tứ đại,
- 4 Gocararūpa – 4 sắc Đối tượng,
- 1 Āhārarūpa – 1 sắc Vật thực,
- 1 Paricchedarūpa – 1 sắc Chân không,
- 2 Viññattirūpa – 2 sắc Cử động,
- 3 Vikārarūpa – 3 sắc Biến chuyển.

## Hai loại tâm khởi sắc:

\* *Tâm khởi sắc thông thường*: như tim đập, hít vào, thở ra làm cho máu lưu thông trong cơ thể, v.v...

\* *Tâm khởi sắc đặc biệt*: liên quan đến việc cười, nói, khóc, hát xướng, đọc, phát âm, sự dịch chuyển cơ thể như các oai nghi: đi, đứng, ngồi, nằm, duỗi tay, co chân, làm việc, viết vẽ, v.v...

## 3, Utu – Thời tiết:

Ngoài ra, Thời tiết cũng làm nền tảng để cho sắc pháp khởi sinh, gọi là *Utusamuṭṭhāna – Thời tiết khởi xứ* và sắc pháp nào là quả của thời tiết đã tạo ra ấy, sắc pháp đó gọi là *Utujarūpa – Thời tiết khởi sắc* (sắc sinh khởi do thời tiết).

Có tất cả 13 sắc pháp do thời tiết sinh khởi, là quả của thời tiết, đó là:

- 4 Mahābhūtarūpa – 4 sắc Tứ đại,
- 4 Gocararūpa – 4 sắc Đối tượng,
- 1 Āhārarūpa – 1 sắc Vật thực,
- 1 Paricchedarūpa – 1 sắc Chân không,
- 3 Vikārarūpa – 3 sắc Biến chuyển.

*Hai loại thời tiết khởi sắc:*

\* *Thời tiết khởi sắc bên ngoài* cơ thể của chúng sinh là sự nóng, sự lạnh biểu hiện khắp nơi ở các đồ vật bên ngoài cơ thể.

\* *Thời tiết khởi sắc bên trong* cơ thể chúng sinh như: hơi nóng, chất lửa để thiêu đốt thức ăn và trạng thái nóng sốt cao của cơ thể.

4, *Āhāra – Vật thực:*

Một khởi xứ nữa làm nền tảng cho sắc sinh khởi, đó là vật thực, gọi là *Āhārasamutthāna – Vật thực khởi xứ*, sắc pháp nào là quả của vật thực đã tạo ra ấy, sắc pháp đó gọi là *Āhājarūpa – Vật thực khởi sắc* (sắc sinh khởi do vật thực).

Có tất cả 12 sắc pháp do vật thực sinh khởi và là quả của vật thực, đó là:

- 4 Mahābhūtarūpa – 4 sắc Tứ đại,
- 3 Gocararūpa – 3 sắc Đối tượng (trừ Saddarūpa – sắc Âm thanh),
- 1 Āhārarūpa – 1 sắc Vật thực,
- 1 Paricchedarūpa – 1 sắc Chân không,
- 3 Vikārarūpa – 3 sắc Biến chuyển.

Āhāra – Vật thực ở đây chính là *kabalīṅkārahāra – đoàn thực*, đó chính là thức ăn các loại mà ta có thể nhai nuốt được. Do vậy, vật thực có mặt khắp bên trong lẫn bên ngoài cơ thể loài hữu tình. Vật thực bên trong được gọi là *ajjhattojā – nội dưỡng tố* và bên ngoài gọi là *bahiddhaojā – ngoại dưỡng tố*.

\* *Nội dưỡng tố* là thức ăn đã trải qua sự tiêu hóa của hỏa đại (chất lửa) và biến thành dưỡng chất lan thấm vào trong tế bào, làm cho cơ thể tồn tại và phát triển.

\* *Ngoại dưỡng tố* chính là vật thực khởi sắc, có mặt trong các loại thức ăn như: cơm, cá, thịt, bánh trái, v.v... mà chúng sinh ăn vào, uống vào để nuôi dưỡng cơ thể.

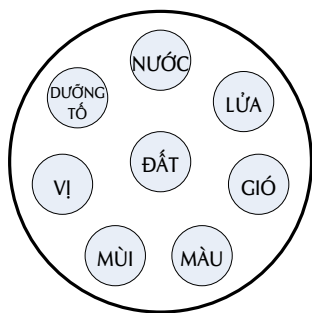
Trong số các sắc pháp như đã nói ở trên, nếu như chúng được sinh khởi trong

cơ thể chúng sinh thì có đầy đủ cả 4 nền tảng, còn như sinh khởi ở bên ngoài cơ thể chúng sinh thì chỉ có một nền tảng là thời tiết mà thôi.

### V. SẮC KHỐI:

Khi sắc pháp sinh khởi thì nó không sinh ra từng sắc pháp riêng lẻ mà sinh thành nhóm, thành cụm, gọi là *Rūpakalāpa – Sắc khối*, nghĩa là chúng liên kết với nhau thành một khối.

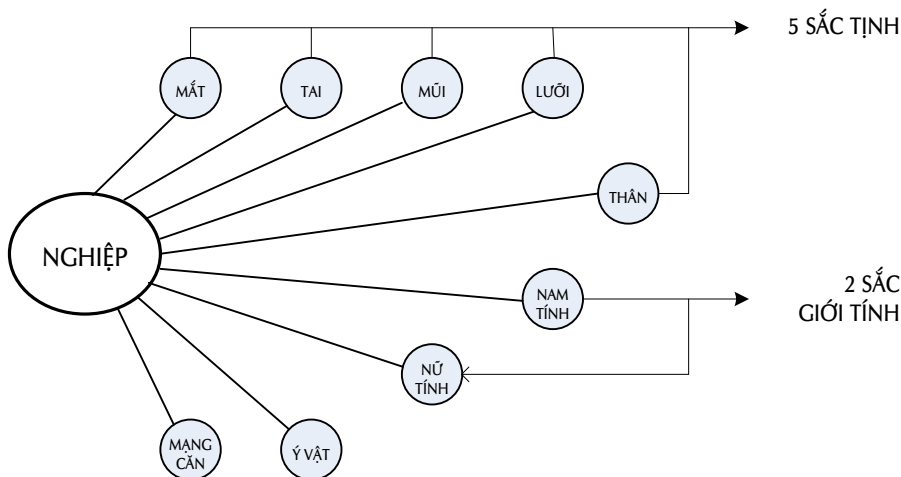
Sắc khối có số lượng sắc pháp nhỏ nhất là 8 sắc pháp, bao gồm: đất, nước, lửa, gió, màu, mùi, vị và dưỡng tố (ojā). 8 sắc pháp này không thể tách rời nhau được, gọi là *Avinibbhogarūpa – Bất ly sắc*. Đây là sắc khối cơ bản có mặt trong tất cả các sắc khởi xứ, nên còn được gọi tên là *Suddhaṭṭhakakalāpa – Thuần sắc khối*.



SUDDHAṬṬHAKAKALĀPA – THUẦN SẮC KHỐI  
hay AVINIBBHOGARŪPA – BẤT LY SẮC

Nhóm sắc pháp không thể tách khỏi nhau, bao gồm: đất, nước, lửa, gió, màu, mùi, vị và dưỡng tố.

1, *Nghiệp khởi sắc khối*: là sắc khối sinh khởi do nghiệp làm nền tảng, có 9 sắc pháp là: 5 sắc Tịnh, 2 sắc Giới tính, 1 sắc Ý vật và 1 sắc Mạng căn.



Các sắc pháp do nghiệp làm nền tảng sinh khởi này khi biểu hiện ra sẽ đi theo thành nhóm, thành khối như sau:

\* *Cakkhudasakakalāpa – Nhãn mười sắc khối*: là sắc khối có số lượng sắc là 10 sắc pháp, đứng đầu là cakkhupasāda (nhãn tịnh sắc), bao gồm: 8 Avinibbhogarūpa (Bất ly sắc), 1 Jīvitarūpa (sắc Mạng căn), 1 Cakkhupasāda (Nhãn tịnh sắc).

Tương tự như vậy, các sắc khối khác do nghiệp làm nền tảng sinh khởi là:

\* *Sotadasakakalāpa – Nhĩ mười sắc khối*: là sắc khối có số lượng sắc là 10 sắc pháp, đứng đầu là Sotapasāda (Nhĩ tịnh sắc).

\* *Ghānadasakakalāpa – Tỷ mười sắc khối*: là sắc khối có số lượng sắc là 10 sắc pháp, đứng đầu là Ghānapasāda (Tỷ tịnh sắc).

\* *Jivhādasakakalāpa – Thiệt mười sắc khối*: là sắc khối có số lượng sắc là 10 sắc pháp, đứng đầu là Jivhāpasāda (Thiệt tịnh sắc).

\* *Kāyadasakakalāpa – Thân mười sắc khối*: là sắc khối có số lượng sắc là 10 sắc pháp, đứng đầu là Kāyapasāda (Thân tịnh sắc).

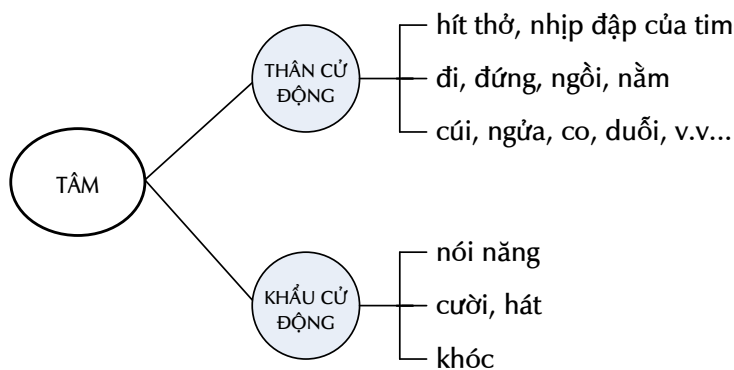
\* *Itthībhāvasakakalāpa – Nữ tính mười sắc khối*: là sắc khối có số lượng sắc là 10 sắc pháp, đứng đầu là Itthībhāvarūpa (Nữ tính sắc).

\* *Purisabhāvasakakalāpa – Nam tính mười sắc khối*: là sắc khối có số lượng sắc là 10 sắc pháp, đứng đầu là Purisabhāvarūpa (Nam tính sắc).

\* *Vatthudasakakalāpa – Ý vật mười sắc khối*: là sắc khối có số lượng sắc là 10 sắc pháp, đứng đầu là Hadayavatthurūpa (Sắc ý vật).

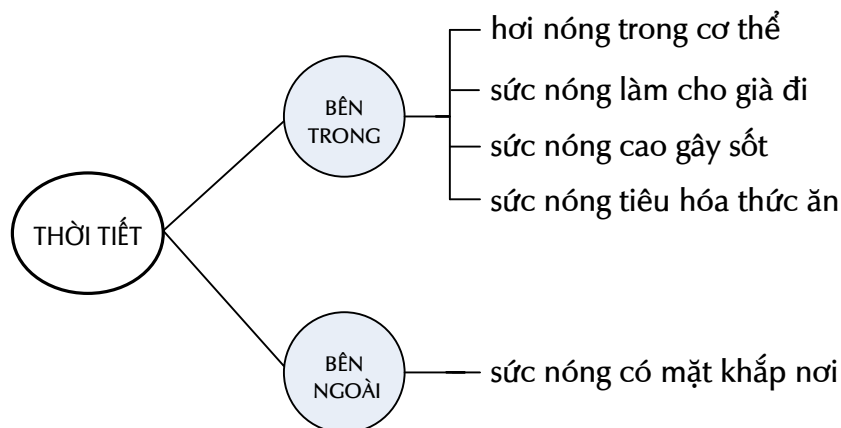
\* *Jīvitanavakakalāpa – Mạng căn chín sắc khối*: là sắc khối có số lượng sắc là 9 sắc pháp, đứng đầu là Jīvitarūpa (sắc Mạng căn).

2, *Tâm khởi sắc khối*: là sắc khối sinh khởi do tâm làm nền tảng, gồm có 2 sắc pháp là: *Kāyaviññattirūpa – Thân cử động* và *Vacīviññattirūpa – Khẩu cử động*.



Sắc pháp sinh khởi do tâm làm nền tảng này khi khởi sinh sẽ tạo thành nhóm, thành khối, gồm có: 8 Bất ly sắc, 2 sắc Cử động, 3 sắc Biến chuyển và 1 sắc Âm thanh (saddarūpa).

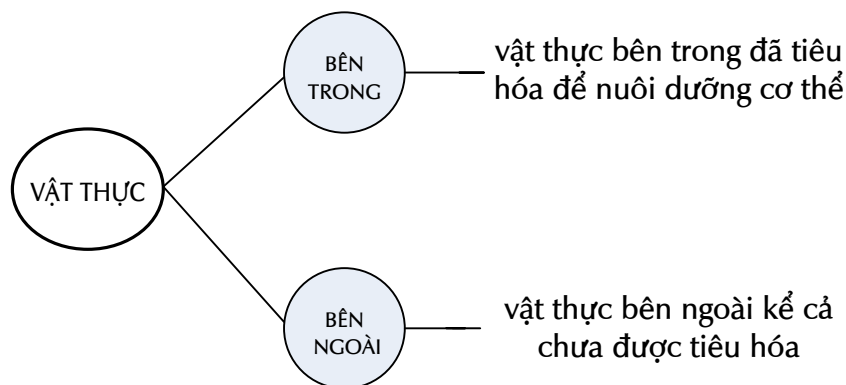
3, *Thời tiết khởi sắc khối*: là sắc khối sinh khởi do thời tiết làm nền tảng, thật ra sắc pháp do nền tảng nào sinh ra cũng đều có thời tiết tham gia cả, đó chính là nhiệt độ, sức nóng biểu hiện ra ngay tức khắc.



Nhóm sắc pháp sinh khởi do thời tiết làm nền tảng gọi là *Utujakalāpa – Thời tiết khởi sắc khối*, bao gồm: 8 Bất ly sắc, 3 sắc Biến chuyển và 1 sắc Âm thanh (Saddarūpa).

4, *Vật thực khởi sắc khối*: là sắc khối sinh khởi do vật thực làm nền tảng, có tên gọi là *Āhārajarūpa – Vật thực khởi sắc khối*. Nếu là nhóm vật thực ở bên ngoài cơ thể chúng sinh thì gọi là *Bahiddhaojā – Ngoại dưỡng tố*, còn nếu ở bên trong cơ thể chúng sinh thì gọi là *Ajjhattaojā – Nội dưỡng tố*.

Vật thực khởi sắc khối bao gồm các sắc pháp: 8 Bất ly sắc và 3 sắc Biến chuyển.





## VI. DIỄN BIẾN CỦA SẮC PHÁP:

Phần này trình bày đến sự sinh khởi của các sắc pháp và diễn biến của chúng trên 3 phương diện:

- \* Theo Bhūmi – Cảnh giới
- \* Theo Kāla – Thời gian
- \* Theo Yoni – Sinh chủng.

### 1, Theo Cảnh giới:

a, *Dục giới*: Trong cõi Dục giới có 11 cảnh giới, bao gồm 4 khổ cảnh (apāyabhūmi) và 7 lạc cảnh (sugatibhūmi) thì tất cả 28 sắc pháp đều sinh khởi được, chỉ trừ những chúng sinh nào có sắc thân bị khiếm khuyết thì sắc pháp đó sẽ không khởi sinh được; chẳng hạn mắt mù, tai điếc thì trừ ra nhãn tịnh sắc và nhĩ tịnh sắc. Ở cõi Dục giới này, các sắc pháp khởi sinh được cả trên 4 nền tảng là: nghiệp, tâm, thời tiết và vật thực.

b, *Sắc giới*: Trong cõi Sắc giới, đệ nhất thiên có 3 cảnh giới, đệ nhị thiên có 3 cảnh giới, đệ tam thiên có 3 cảnh giới, đệ tứ thiên có 6 cảnh giới (trừ cõi trời Vô tướng) thì số lượng sắc pháp sinh khởi được là 23 sắc pháp. Các sắc pháp không thể sinh lên được là: tỷ tịnh sắc, thiết tịnh sắc, thân tịnh sắc, nam tính sắc và nữ tính sắc. Các sắc pháp sinh khởi được trên cả 3 nền tảng là: nghiệp, tâm và thời tiết.

c, *Cõi trời Vô tướng*: Chúng sinh trong cõi trời này là những vị phạm thiên, chỉ có sắc uẩn mà thôi, không có các danh uẩn tức là không có tâm và tâm sở cùng sinh ra. Các sắc pháp sinh khởi được trong cõi gồm 17 sắc pháp: 8 bất ly sắc, 1 sắc mạng căn, 1 sắc chân không, 3 sắc biến chuyển, 4 sắc trạng thái và sinh khởi được trên 2 nền tảng là: nghiệp khởi xứ và thời tiết khởi xứ.

d, *Vô sắc giới*: Cõi Vô sắc giới là cảnh giới của các phạm thiên Vô sắc, chỉ có các danh uẩn mà thôi, nên không có một sắc pháp nào sinh ra được cả.

### 2, Theo Thời gian:

Thời gian sinh khởi cũng như diễn biến của sắc pháp được chia thành 3 giai đoạn, đó là:

a, *Paṭisandhikāla – Thời tục sinh*: Thời điểm danh - sắc khởi sinh lần đầu tiên của kiếp sống mới. Các sắc pháp không thể sinh khởi được tại thời điểm này bao gồm: thính sắc, 2 sắc cử động, 3 sắc biến chuyển, 1 sắc lão, 1 sắc diệt. Các sắc pháp khác đều có thể sinh lên được một cách phù hợp.

b, *Pavattikāla* – *Thời điểm tiến*: Khoảng thời gian danh - sắc tồn tại trong kiếp sống ấy. Khi danh và sắc đã trụ vị trong một kiếp sống nào đó thì cả 28 sắc pháp đều sinh khởi được trên các nền tảng sao cho phù hợp với sinh chủng và cảnh giới của chúng sinh ấy.

c, *Cutikāla* – *Thời tử đoạn*: Thời điểm danh - sắc chuyển khởi kiếp sống ấy, tức là thời điểm chết. Lúc ấy, các nghiệp khởi sắc (kammajārūpa) sẽ diệt tận và không sinh ra nữa. Về phần tâm khởi sắc (cittajarūpa) và vật thực khởi sắc (āhārajarūpa) đang còn tồn tại cho đến hết tuổi thọ của sắc pháp là 17 sát-na tâm rồi mới diệt đi, không còn sinh nữa. Đối với thời tiết khởi sắc (utujarūpa) vẫn tiếp tục sinh khởi cho dù thân thể của chúng sinh đã bị thối rữa, hủy hoại trong đất cát cũng thể thôi.

### 3, *Theo Sinh chủng*:

Khi nói đến sự sinh khởi của các chúng sinh trong các cảnh giới khác nhau sẽ đề cập đến *yonī - sinh chủng* và sinh chủng của chúng sinh được phân thành 4 loại như sau:

- \* Saṃsedaja – Thấp sanh: sinh ra nơi ẩm thấp, ướt át.
- \* Opapātika – Hóa sanh: sinh ra thì lớn liền tức thời.
- \* Aṇḍaja – Noãn sanh: sinh ra từ trứng.
- \* Jalābuja – Thai sanh: sinh ra trong tử cung của mẹ.

Trong 11 cõi Dục giới, các hàng chúng sinh: địa ngục (niraya), chư thiên 6 cõi Dục giới (trừ bhūmatṭhadevatā - địa tiên) và nijjhāmatanḥikapeta (thiên ôn ngạ quỷ) không sinh ra từ 3 loại sinh chủng là: thấp sanh, noãn sanh và thai sanh. Riêng loài người (manussa), súc sinh (tiracchāna) và ngạ quỷ (petavisaya) đều sinh được cả trong 4 sinh chủng.

Trong các cõi trời Sắc giới chỉ có dạng sinh chủng hóa sinh mà thôi.

### DIỄN BIẾN SẮC PHÁP CỦA CHÚNG SINH TRONG DỤC GIỚI

Đối với chúng sinh trong cõi Dục giới, sắc pháp sinh khởi từ 4 nền tảng là nghiệp, tâm, thời tiết và vật thực, diễn biến như sau:

1, *Nghiệp khởi sắc*: Sắc pháp được sinh ra do nghiệp làm nền tảng sẽ hiện hữu kể từ *upādakhaṇa* – *tiểu sát-na sinh* của tục sinh thức (paṭisandhiviññāṇa) và sẽ tiếp tục sinh ra liên tục tại mỗi tiểu sát-na tâm (anukhaṇacitta).

2, *Tâm khởi sắc*: Sắc pháp được sinh ra do tâm làm nền tảng sẽ sinh khởi tại *upādakhaṇa – tiểu sát-na sinh* của tâm hộ kiếp (bhavaṅgacitta) thứ nhất và sẽ tiếp tục sinh ra liên tục tại mỗi tiểu sát-na tâm.

3, *Thời tiết khởi sắc*: Sắc pháp được sinh ra do thời tiết làm nền tảng sẽ sinh lên kể từ *thitikhana – tiểu sát na trụ* của tục sinh thức (paṭisandhiviññāṇa) và sẽ tiếp tục sinh ra liên tục tại mỗi tiểu sát-na tâm.

4, *Vật thực khởi sắc*: Với các chúng sinh được sinh ra trong bụng mẹ, sắc pháp do vật thực làm nền tảng khởi sinh từ tuần thứ 2 hoặc thứ 3 và sẽ tiếp tục sinh trưởng liên tục tại mỗi tiểu sát-na tâm cho đến *bhaṅgakkhaṇa – tiểu sát-na diệt* của tử tâm (cuticitta).

Ghi nhớ: *SẮC PHÁP SINH DIỆT MỘT LẦN BẰNG TÂM SINH DIỆT 17 SÁT-NA.*

#### SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHÚNG SINH TRONG THAI BÀO

Chúng sinh sinh ra trong bào thai mẹ như loài người chẳng hạn sẽ có sự tiến triển của sắc pháp như sau:

\* Tuần đầu của sự tục sinh, thai nhi sinh ra dưới dạng *kalalarūpa* có dạng giọt dầu mè trong vắt.

\* Tuần thứ hai thai nhi sẽ là *abbudarūpa* dạng như bột, có màu như màu nước rửa thịt.

\* Tuần thứ ba thai nhi sẽ là *pesirūpa* dạng như cục thịt mềm có màu đỏ.

\* Tuần thứ tư thai nhi sẽ là *ghanarūpa* dạng thành hòn giống trứng gà.

\* Tuần thứ năm thai nhi sẽ là *pañcasākharūpa*, sắc sẽ chia thành năm nhóm: hai tay, hai chân và đầu.

\* Sau đó từ tuần thứ 12 đến tuần thứ 42 thì tóc, lông, móng, v.v... sẽ xuất hiện cho đến khi đầy đủ các cơ quan, bộ phận của cơ thể để sinh ra đời.

#### SỰ DIỆT CỦA CÁC SẮC PHÁP

Các sắc pháp sinh ra trên 4 nền tảng sẽ diệt đi tùy loại như sau:

1, *Nghiệp khởi sắc*: khi gần chết, sắc pháp sinh khởi do nghiệp làm nền tảng sẽ sinh ra lần cuối cùng tại *tiểu sát-na sinh* của tâm thứ 17 trước tử tâm (chết) và sẽ diệt đi cùng thời với tiểu sát-na diệt của tử tâm.

2, *Tâm khởi sắc*: sắc pháp sinh khởi do tâm làm nền tảng sẽ sinh ra lần cuối cùng tại *tiểu sát-na sinh* của tử tâm và diệt đi sau khi tử tâm diệt xong 16 sát-na tâm.

3, *Thời tiết khởi sắc*: sắc pháp sinh khởi do thời tiết làm nền tảng thì cho dù chúng sinh chết đi rồi, chỉ còn thân xác, tro tàn, thời tiết khởi sắc vẫn luôn sinh ra cho đến khi hoàn toàn biến mất.

4, *Vật thực khởi sắc*: sắc pháp sinh khởi do vật thực làm nền tảng sẽ sinh ra lần cuối cùng tại *tiểu sát-na diệt* của tử tâm và sẽ diệt đi sau tử tâm 17 sát-na tâm.



## BÀI TÁM

## NIẾT BÀN

Nibbāna – Niết bàn là một trong bốn Chân Nghĩa Pháp (Pháp Chân Đế), là một sự thật mà Đức Phật Chánh Đẳng Giác đã chứng ngộ và hiển thị, truyền đạt, tuyên cáo cho thế gian biết theo.

Do vậy, Niết bàn được xem như đỉnh điểm của Phật giáo mà những người con Phật cần phải tìm hiểu, học hỏi, làm sáng tỏ, tức là phải đạt đáo cho được thì mới xứng danh là đệ tử, là bậc Thánh, là người thừa tự Pháp của Đức Như Lai.

## I. ĐỊNH NGHĨA NIẾT BÀN

nibbāna = ni + vāna

ni = vượt qua, vượt lên

vāna = pháp trói buộc, tức là tham ái.

Kết hợp 2 từ lại ta có: nivāna, dịch là: pháp vượt khỏi trói buộc hay pháp vượt khỏi tham ái. Như trong Pāli của bộ Thắng Pháp Tập Yếu có ghi:

\* *Vinati saṃsibbatīti = vānaṃ.*

Pháp làm dính mắc, làm trói buộc gọi là vāna, tức là tham ái.

\* *Vāna saṅkhatāya taṇhāya nikkhantattā = nibbānaṃ.*

Pháp vượt khỏi tham ái là dây trói buộc gọi là *Niết bàn*.

\* *Vānato nikkhantanti = nibbānaṃ.*

Pháp vượt khỏi sự dính mắc, tham ái gọi là Niết bàn.

Thông thường chúng sinh trong tam giới phải chịu tử sinh luân hồi, từ vô thủy đến vô chung không đếm xiết là do tham ái này, đó chính là sự thích thú, hài lòng nơi đối tượng, dính mắc vào bản ngã tự thân vì đang có cuộc sống hiện hữu trên thế gian

và không muốn chết, không muốn rời xa vì tính bám víu do tham ái buộc ràng.

Có thể so sánh tham ái giống như kim khâu chỉ, chúng sinh trong kiếp sống cũ và kiếp sống mới giống như tấm vải bị kim khâu là tham ái, khâu vào cho dính mắc với nhau. Nhưng với Niết bàn là pháp thoát khỏi sự trói buộc của tham ái (dụng cụ trói buộc) và làm thoát ra khỏi các bó nhóm là *uẩn – khandha*. Nghĩa là thoát khỏi ngũ uẩn, danh sắc của chúng sinh trong kiếp cũ và kiếp sống mới, ấy chính là thoát khỏi cả tấm vải lẫn chỉ khâu như đã so sánh vậy.

## II. Ý NGHĨA CỦA NIẾT BÀN:

Đức Anuruddha đã nêu lên ý nghĩa của Niết bàn trong bộ “Thắng Pháp Tập Yếu” có đến năm nghĩa:

1, *Padam – Đạt đạo*: nghĩa là *một phần* của Pháp Chân Đế (Paramattha) mà có thể đạt đến được và hiện hữu một cách đặc biệt.

2, *Accutam – Bất tử*: nghĩa là không có sự sinh ra và cũng không có sự diệt tận, bởi vì sự chết hiện khởi phải dựa vào sự sinh ra, nếu không có sự sinh ra thì sự chết cũng không thể có được.

3, *Accantam – Thường hằng*: nghĩa là vượt ngoài ngũ uẩn của quá khứ và vị lai, không lệ thuộc vào thời gian và không gian. Niết bàn là pháp vượt khỏi thời gian nên gọi là *kālavimutti* và vượt ngoài ngũ uẩn nên gọi là *khandhvimutti*.

4, *Asaṅgataṃ – Vô vi*: nghĩa là pháp không bị tạo tác, chế hóa bởi 4 điều kiện là: nghiệp, tâm, thời tiết và vật thực.

5, *Anuttaram – Vô thượng*: nghĩa là pháp cao thượng, tối thượng, không có pháp nào có thể sánh bằng Niết bàn được.

## II. TÍNH CHẤT CỦA NIẾT BÀN:

1, *Santilakkhaṇā*: an lạc, tịch lặng là đặc tính của Niết bàn.

2, *Accutarasā*: không diệt tận là phận sự của Niết bàn.

3, *Animittapaccuppaṭṭhānā vā*: không có dấu hiệu, tướng trạng là quả hiện hữu của Niết bàn.

4, *Padatthānaṃ na labbhati*: Niết bàn không có nhân làm cho sinh khởi bởi vì thoát ngoài mọi nhân duyên rồi.

Sự an lạc của Niết bàn không phải là lạc thọ của việc cảm thọ đối tượng. Khi cảm thọ đối tượng, có những thọ lạc làm cho thân thoải mái, tâm an lạc; cảm giác đó gọi là: *vedayitasukha*, chính là *sukhavedanā* – lạc thọ. Còn sự an lạc của Niết bàn là *santisukha*, là niềm an lạc do thoát khỏi phiền não (*kilesa*), không còn phát sinh phiền não nữa; là sự an lạc do thoát khỏi khổ, là một trong Tứ Thánh Đế: *Nirodhasacca* – Diệt đế.

### III. CÁC LOẠI NIẾT BÀN:

1, *Niết bàn có 1 loại*: đó là *Santi – Tịch tịnh*, là sự tịch lặng, vắng lặng, yên tĩnh khỏi phiền não (*kilesa*) và uẩn (*khandha*).

2, *Niết bàn có 2 loại*: khi nói đến sự có mặt hay vắng mặt của các uẩn thì Niết bàn chia thành hai loại là:

a, *Saupādisesanibbāna – Hữu dư Niết bàn*: Niết bàn đối với bậc Thánh Arahán đã đoạn diệt mọi phiền não, mọi tham ái, tận trừ mọi ác pháp, nhưng ngũ uẩn của các Ngài vẫn còn tồn tại cho đến hết tuổi thọ.

b, *Anupādisesanibbāna – Vô dư Niết bàn*: Niết bàn đối với bậc Thánh Arahán đã đoạn diệt mọi phiền não, mọi tham ái, tận trừ mọi ác pháp, đến lúc hết tuổi thọ, ngũ uẩn tan rã, tịch tịnh Niết bàn, đoạn tuyệt tái sinh, không còn tử sinh luân hồi trong ba cõi, sáu loài nữa.

3, *Niết bàn có 3 loại*: khi nói theo trạng thái đạt đáo, Niết bàn có 3 loại là:

a, *Animittanibbāna – Vô tướng Niết bàn*: Trạng thái của Niết bàn này không có dấu hiệu, hiện tượng gì cả hiển hiện trước hành giả tu tập thiền minh sát (*vipassanā*), hành giả chỉ thấy danh-sắc là vô thường và sự thấy theo vô thường ấy gọi tên là *aniccānupassanā*, rồi hành giả đạt đáo Niết bàn không có dấu hiệu, hiện tượng gì cả gọi là *Vô tướng Niết bàn*.

b, *Appanihanibbāna – Vô ái Niết bàn*: Trạng thái của Niết bàn này không dựa trên nền tảng an lạc (*sukha*) hay một nguyện vọng nào cả, hiện bày trước mặt hành giả đang tiến tu quán khổ (*dukkha*) theo tam tướng (*tilakkhaṇa*). Hành giả thấy rằng danh-sắc, ngũ uẩn này chỉ là khổ theo *dukkhānupassanā*, đạt đáo Niết bàn mà

không có nền tảng nào của an lạc cả, gọi là *Vô ái Niết bàn*.

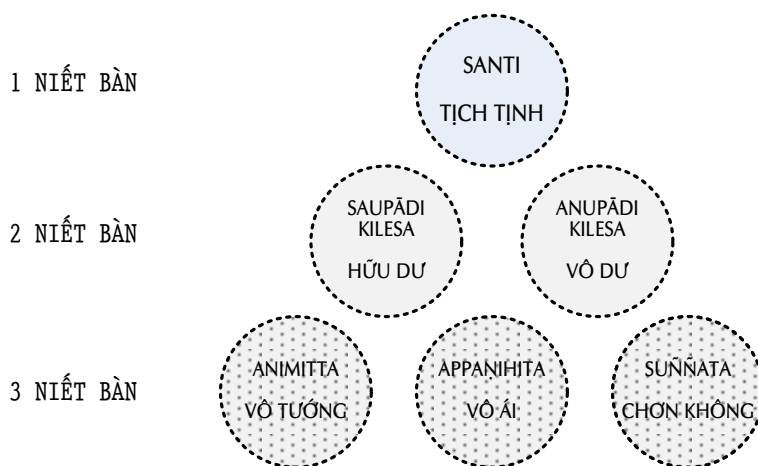
c, *Suññatanibbāna* – *Chơn không Niết bàn*: Trạng thái của Niết bàn này trống rỗng khỏi cái ta (ngã), khỏi phiền não (kilesa) và uẩn (khandha) hiển hiện trước hành giả tiến tu quán vô ngã (anattā) theo tam tướng (tilakkhaṇa). Hành giả thấy rằng danh-sắc, ngũ uẩn này không phải ta, không có cốt lõi, không dưới quyền lực của một ai, không có ai là chủ nhân ông, rồi hành giả thấy được vô ngã theo *anattānupassanā*, đạt đáo Niết bàn, gọi là *Chơn không Niết bàn*.

Ngoài ra, Niết bàn còn được chia làm 3 loại khác, như sau:

1, *Kilesanibbāna* - *Phiền não Niết bàn*: các phiền não ngũ ngâm đã đoạn diệt tận, không còn dư sót.

2, *Khandhanibbāna* – *Ngũ uẩn Niết bàn*: các bậc Thánh Arahán diệt tận ngũ uẩn, nhập Niết bàn, không còn tái sinh nữa.

3, *Dhātunibbāna* – *Xá Lợi Niết bàn*: sự biết mất hoàn toàn của Xá Lợi Đức Phật khi tuổi thọ của Phật giáo chấm dứt.



Niết bàn là *kandhavimutti* – *thoát khỏi ngũ uẩn*, nghĩa là vượt ra ngoài năm uẩn, không phải là uẩn, không phải sắc thọ tướng hành thức, không phải đất, nước, lửa, gió, không phải tâm thức, không phải người vật, chúng sinh, không phải thế gian này hay thế giới kia, không phải phiền não, ái dục hay giới định tuệ, không phải là gì cả.

Nhưng tại sao chúng ta lại biết Niết bàn có thật?



Trả lời rằng sở dĩ Niết bàn là có thật, bởi vì:

\* Căn cứ vào sự đắc đạo, quả của những bậc Thánh nhân như Đức Phật, chư Thánh Tăng là có thật.

\* Sự thực hành theo Trung đạo, là đạo lộ dẫn đến Niết bàn, là một tiến trình được nhiều hành giả đã và đang thực hành đưa đến kết quả chính là chứng đắc Niết bàn. Nếu như không có Niết bàn thì việc thực hành này là một sự rỗng không, vô ích và không ai sẽ làm theo cả, chứ đừng nói gì đến các bậc Thánh nhân thông tuệ.

\* Lại nữa, Niết bàn là có thật vì các giá trị của Niết bàn vẫn hiện hữu, sự diệt tận của phiền não là có, sự thoát khỏi phiền não và khổ là có và những vị diệt được phiền não, diệt được khổ vẫn hiện hữu. Giá trị của Niết bàn khó có thể mà đánh giá hết được.



BÀI CHÍN

# LUÂN HỒI

*Samsāravatṭa* – Luân hồi phân tích thành hai từ là:

\* Samsāra dịch là đi quanh, du hành, vận hành ở đây có nghĩa là chính các uẩn, xứ, giới luân lưu du hành,...

\* Vatṭa dịch là xoay chuyển, xoay quanh, vòng quanh.

Như vậy *Samsāravatṭa* – Luân hồi có nghĩa là sự vận hành xoay quanh trên thế gian của các uẩn, xứ, giới.

Nói theo Pháp thì sự vận hành luân hồi này chính là các danh-sắc, ngũ uẩn của chúng sinh trong 31 cõi thế gian đang luân chuyển tử sinh lên xuống, qua lại không ngừng nghỉ từ vô thủy đến vô chung.

Về bản chất thì đó chính là sự luân hồi xoay quanh của 3 pháp chủ yếu, gọi là *Tivattā* – Tam luân:

\* Kilesavattā - Phiền não luân

\* Kammavattā – Nghiệp luân

\* Vipākavattā – Quả luân

## I. KILESAVATṬA – PHIỀN NÃO LUÂN

*Kilesa* – Phiền não là bất thiện pháp là cho tâm phiền muộn, nóng nảy, dính mắc, bứt rứt, co rút, thối thất,... đó chính là 10 tâm sở bất thiện:

– Lobha - Tham

– Dosa - Sân

– Moha - Si

– Ditṭhi - Tà kiến

- Māna - Mạn
- Uddhacca - Phóng tâm
- Ahirika - Vô tầm
- Vicikicchā - Hoài nghi
- Thīna - Hôn trầm
- Anottappa - Vô quý.

Cả 10 loại phiền não này kết hợp với 12 tâm bất thiện làm cho chúng sinh tạo tác các nghiệp xấu ác về thân, khẩu và ý.

Trong vòng nhân duyên (paṭiccasamuppāda) thì phiền não luân chính là các mắc xích: vô minh (avijjā), ái (taṇhā) và thủ (upādāna).

### BA HẠNG PHIỀN NÃO

Khi phân chia theo sự biểu hiện, phiền não được phân thành 3 hạng:

1, *Vītikkaṃakilesa* – *Phiền não thô thiển*: là loại phiền não biểu hiện ra bên ngoài thông qua thân và khẩu. Đó là 3 loại thân ác hành (kāyaducātita): sát sinh, trộm cắp, tà dâm và 4 loại khẩu ác hành (vacīducarita): nói dối, nói đâm thọc, nói thô tục, nói vô ích. Hạng phiền não này thô tháp, biểu lộ cụ thể và tự mình dễ nhận biết cũng như người khác thấy rõ.

2, *Pariyutthānakilesa* – *Phiền não hạng trung*: là loại phiền não bậc trung, chỉ xuất hiện trong nội tâm, là sự hài lòng hay bất toại nguyện tại thời điểm tiếp xúc với đối tượng. Nếu là đối tượng khả ý (iṭṭhārammaṇa) thì hài lòng, còn nếu đối tượng bất khả ý (aniṭṭhārammaṇa) thì không hài lòng. Sự hài lòng hay không hài lòng tại thời điểm ấy là một loại phiền não bậc trung, chỉ biểu hiện trong tâm ý. Nếu hành giả đang thực hành thiền tuệ, hạng phiền não này còn có thể tự mình thấy được nhưng người ngoài thì không thể biết.

3, *Anusayakilesa* – *Phiền não vi tế*: là loại nhỏ nhiệm, vi tế, ngủ ngầm bên trong nội tâm của chúng sinh. Các phiền não này khó lòng mà thấy được và phải có Đức Phật Chánh Đẳng Giác mới chỉ dạy cho chúng ta biết mà thôi. Chúng không có một biểu hiện nào cả, nhưng vẫn hiện hữu mỗi khi chúng sinh còn đang đắm chìm trong các bất thiện pháp. Hạng phiền não này còn được gọi là *phiền não ngủ ngầm* (tùy miên).

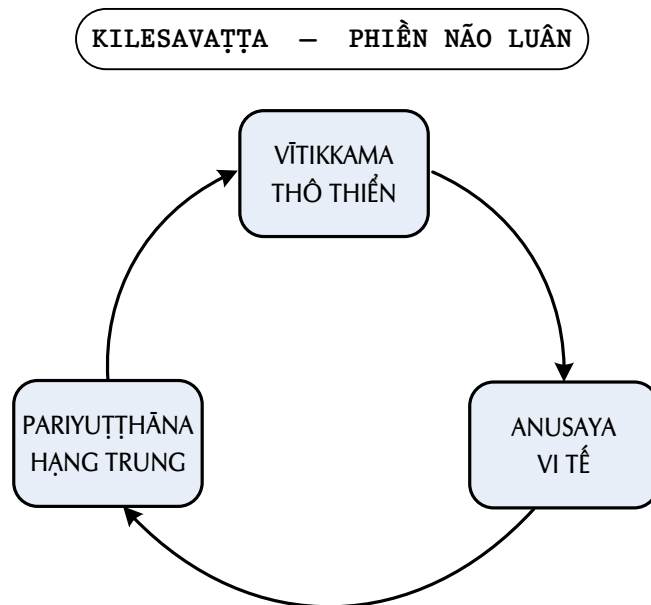
Trong số 3 hạng phiền não nêu trên, *phiền não ngủ ngầm* là mầm mống của phiền não các loại dựa trên danh-sắc ngũ uẩn làm đối tượng, làm cho lầm tưởng rằng ngũ uẩn này chính là ta, của ta, tự ngã của ta, dẫn đến mong cầu hưởng lạc, muốn đẹp đẽ, trường tồn, chắc chắn, đây chính là các phiền não vi tế.

Một khi cảm nhận vừa lòng hay bất toại tại thời điểm đang nhận đối tượng thì đó chính là *phiền não hạng trung* đang ngự trị trong nội tâm.

Và lúc mà sự hài lòng hay không hài lòng trước đối tượng đó có sức mạnh thêm lên và biểu hiện ra bên ngoài qua thân môn bằng các thân ác hành hoặc qua khẩu môn là các khẩu ác hành, thì khi đó phiền não chính là *phiền não thô thiển*.

Cả 3 hạng phiền não này có sự liên hệ mật thiết lẫn nhau. Phiền não vi tế chính là nhân của phiền não hạng trung và phiền não hạng trung là nhân làm phiền não thô thiển hiển hiện và tích lũy phiền não tiếp tục làm mầm mống – đó là phiền não vi tế.

Những loại phiền não có tầm quan trọng làm cho khổ ải luân hồi tái sinh mãi chính là: mohakilesa – si phiền não, lobhakilesa – tham phiền não và diṭṭhikilesa – tà kiến phiền não.



Các loại phiền não này ngoài việc làm nhân hỗ trợ nhau lại còn đóng vai trò tạo nghiệp (kamma). Cho dù là ai, khi đã tạo tác ra nghiệp (hành động) qua thân khẩu ý rồi thì tất cả đều có trợ duyên chính là các *phiền não luân* vậy.

## II. KAMMAVAṬṬA – NGHIỆP LUÂN

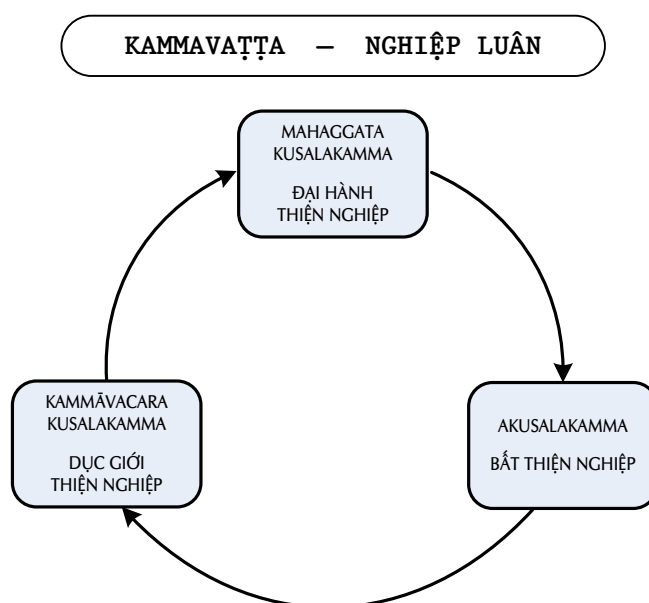
Nghiệp, khi vận chuyển xoay quanh trong Tam giới gọi là *Nghiệp luân* – *Kammavaṭṭa*.

Nghiệp (kamma) chính là hành động, việc làm qua thân, khẩu và ý. Nói về thực tính pháp thì nghiệp là tâm sở *tác ý* (cetanācetasika), khi kết hợp trong 12 tâm bất thiện và 17 thiện tâm hiệp thể. Các tác ý tâm sở này khiến cho thành tựu việc làm, tạo tác, nói năng, suy nghĩ, tạo nên tội (pāpa) hay phước (puñña).

Nếu tâm sở tác ý này kết hợp với tham, sân hoặc si nghĩa là tác ý tham gia vào trong 12 bất thiện tâm thì nghiệp được tạo tác gọi là *akusalakamma – nghiệp bất thiện*, đây là tội lỗi, xấu ác.

Nếu tâm sở tác ý này kết hợp với vô tham, vô sân, có từ, có bi, có trí nghĩa là tác ý tham gia vào trong 17 thiện tâm hiệp thể thì nghiệp được tạo tác gọi là *kusalakamma – nghiệp thiện*, đây là phước đức, tốt lành.

Tóm lại, việc làm, hành động tốt hay xấu thông qua thân, qua khẩu hoặc qua ý của chúng sinh trong Tam giới một cách thường hằng, lặp đi lặp lại, ngày này qua tháng khác, năm nọ tiếp năm kia, kiếp này rồi kiếp nữa như thế chính là sự xoay chuyển vòng quanh của nghiệp, gọi là *nghiệp luân (kammavatta)*.



Nghiệp luân làm cho chúng sinh phải tái sinh luân hồi trong Tam giới có 3 loại là:

- \* Akusalakamma – Bất thiện nghiệp
- \* Kammāvacarakusalakamma – Dục giới thiện nghiệp
- \* Mahaggatakusalakamma – Đại hành thiện nghiệp.

Cả 3 loại nghiệp luân luôn luôn xoay vần sinh khởi, khi thì tạo tội, lúc làm phước ở cấp độ bố thí (dāna), trì giới (sīla) có khi tu tiến hành thiện sắc giới, vô sắc giới,... luân chuyển giữa thiện nghiệp và bất thiện nghiệp, không có điểm tận cùng ngừng nghỉ. Nghiệp luân khiến cho chúng sinh đủ năng lực đi thọ nhận quả của nghiệp mà mình đã tạo, và nhận được quả khổ hay quả lạc phù hợp với nghiệp ấy. Tất cả các diễn tiến này đều do phiền não là vô minh và ái dục làm nhân, làm duyên dẫn dắt tạo nghiệp cả.

### III. VIPĀKAVAṬṬA – QUẢ LUÂN

Sự vận hành, xoay vần của danh-sắc ngũ uẩn là quả của nghiệp tái sinh luân hồi miên man trong Tam giới mà không thể xác định được điểm, đầu điểm cuối gọi là *vipākavaṭṭa – quả luân*.

Nghiệp luân quy định và phân loại quả luân là kết quả do tự mình tạo ra thành 3 hạng khác nhau trong cõi luân hồi Tam giới:

- \* Heṭṭhimasāmsāra – Luân hồi bậc hạ
- \* Majjhimasāmsāra – Luân hồi bậc trung
- \* Uparimasāmsāra – Luân hồi bậc thượng.

#### 1, *Heṭṭhimasāmsāra – Luân hồi bậc hạ:*

Do năng lực của nghiệp ác đã tạo, chúng sinh nhận lấy quả luân của mình và sinh ra luân hồi trong các cảnh giới bậc thấp, đó chính là 4 cảnh khổ (apāyabhūmi):

- \* Niraya - Địa ngục
- \* Petavisaya - Ngạ quỷ
- \* Asurakāya - Atula
- \* Tiracchāna - Súc sinh.

#### 2, *Majjhimasāmsāra – Luân hồi bậc trung:*

Đây là những cảnh giới bậc trung, gồm có 7 *kāmasugatibhūmi – lạc cảnh dục giới*. Trong 7 cảnh giới này có 1 cảnh giới của loài người (manussa) và 6 cõi trời Dục giới là:

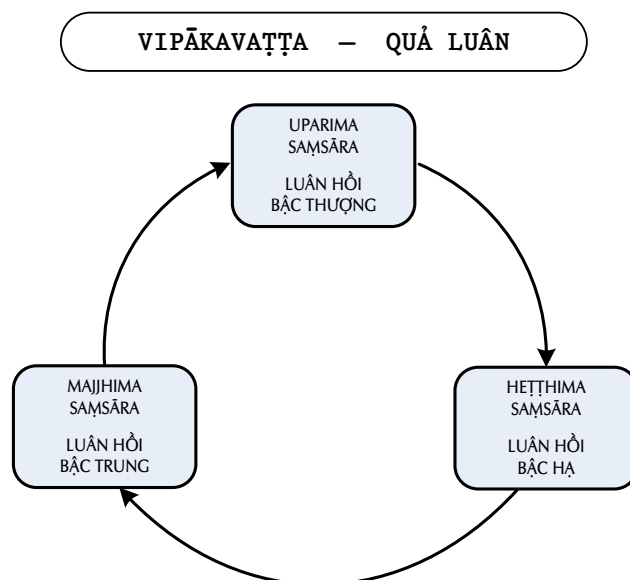
- \* Cātummahārājikā - Tứ Đại Thiên Vương,
- \* Tāvatisā - Đạo Lợi,
- \* Yāmā - Dạ Ma
- \* Tusitā - Đâu Xuất

- \* Nimmānaratī - Hóa Lạc
- \* Paranimittavassavattī - Tha Hóa Tự Tại.

Chúng sinh sinh ra trong 7 lạc cảnh dục giới này là do năng lực của các thiện nghiệp dục giới như làm việc thiện, bố thí, cúng dường, giữ giới, v.v... và cho quả là tái sinh thành người, trời phù hợp với nghiệp mình đã tạo tác thành.

### 3, *Uparimasamsāra* – Luân hồi bậc thượng:

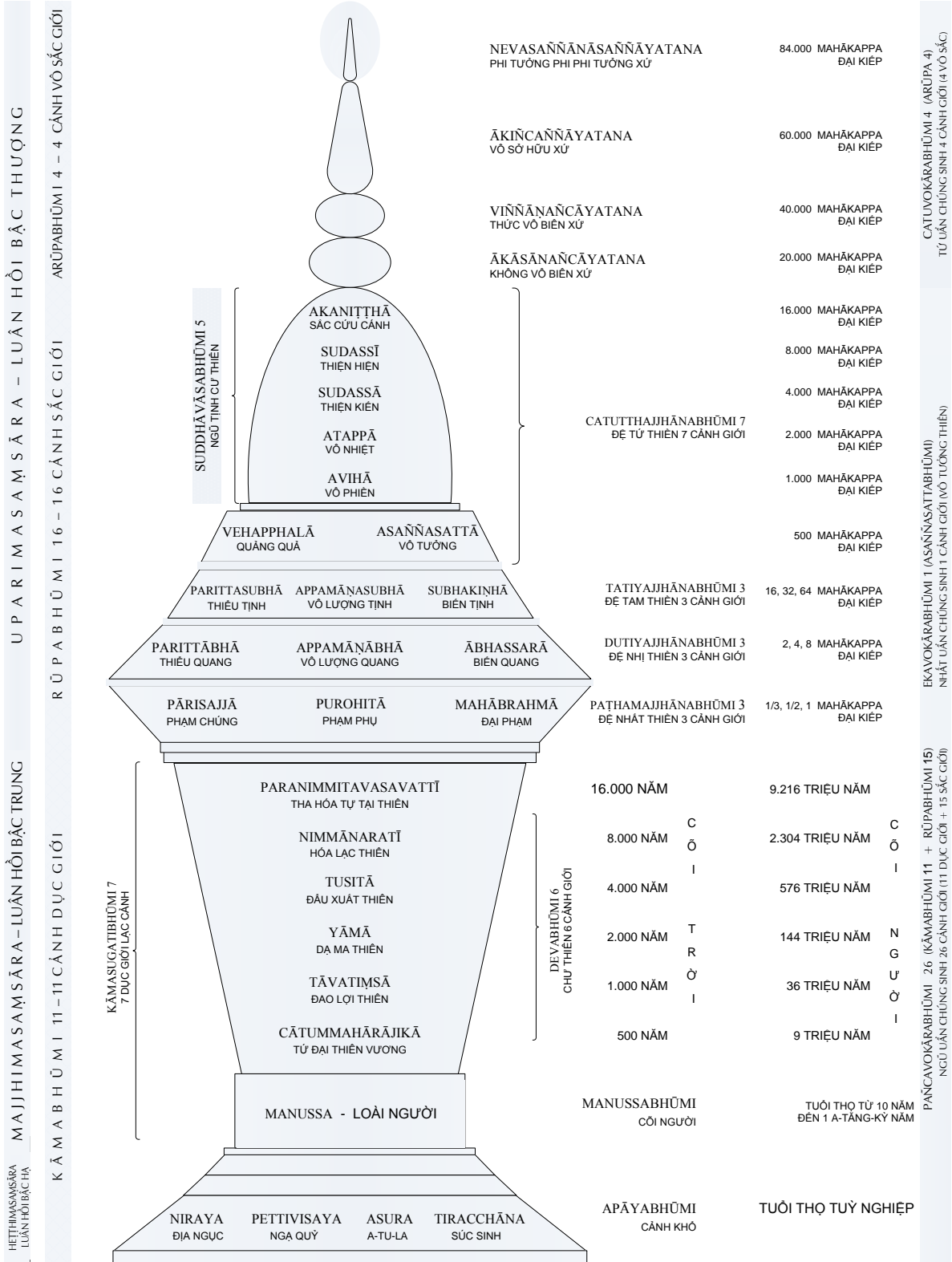
Những cảnh giới bậc cao trong Tam giới, bao gồm các cõi trời Sắc giới và Vô sắc giới. Các hành giả hành thiền định (*samathakammaṭṭhāna*) đạt đến các quả vị thiền sắc giới và vô sắc giới do các nghiệp bất động (đại hành thiện nghiệp) mà mình đã tạo được sẽ cho quả đi tái sinh trong 16 cõi trời Sắc giới hoặc 4 cõi trời Vô sắc, phù hợp với các nghiệp ấy.



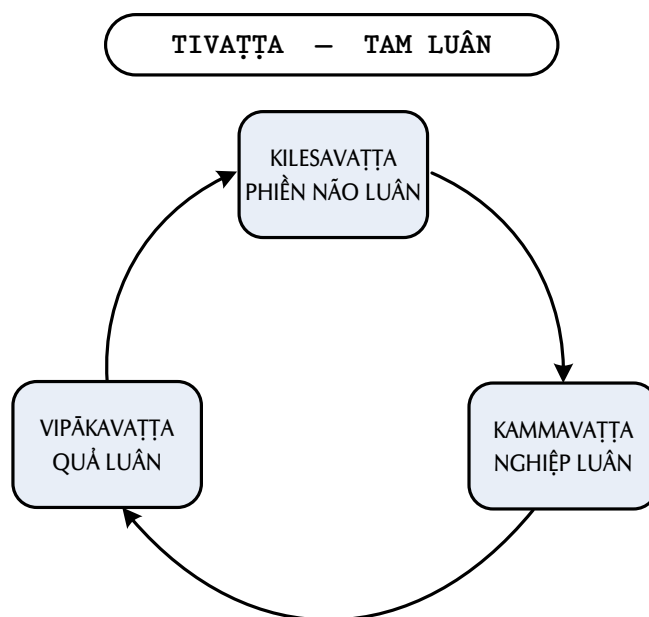
## IV. MỐI QUAN HỆ GIỮA BA LUÂN

Tam luân luôn vận hành, xoay vần, chuyển hóa sinh diệt lẫn nhau. Đa phần chúng sinh, chư thiên, nhân loại các hàng đang còn phiền não (*kilesa*) sẽ là nhân để tạo nghiệp (*kamma*) và tất nhiên quả (*vipāka*) của nghiệp phải chắc chắn sinh ra. Một khi quả ấy (tức là danh-sắc ngũ uẩn) hiện hữu rồi thì đó sẽ là nơi để phiền não (ái dục, tà kiến chẳng hạn) chấp thủ, bám víu vào (ngũ uẩn ấy) rằng đây là ta, của ta, tự ngã của ta rồi mong muốn tầm cầu sự thoải mái, an lạc thân tâm tiếp tục và cũng chính là nguyên nhân để nỗ lực tạo tác nghiệp (*kamma*) mới có khi là ác, có khi là thiện để rồi quả (*vipāka*) của thiện hoặc ác ấy lại xuất hiện, cứ xoay vần luân chuyển như thế, không bao giờ chấm dứt được.

**SAMSAVARAṬṬA 31 BHŪMI**  
**LUÂN HỒI 31 CỖJ**







## V. THOÁT KHỎI LUÂN HỒI

Khi chúng sinh mãi mê trôi lăn, ngụp lặn rồi tái sinh luân hồi mãi trong 31 cõi của Tam giới, thì có những bậc Thánh nhân đã thoát vòng cương tỏa của tam luân. Các Ngài đã thực hành pháp nào để thoát ra được?

Về vấn đề này, Đức Thế Tôn đã thuyết trong “Thập Nhị Nhân Duyên” rằng cần phải cắt đứt phiền não luân (kilesavaṭṭa). Bởi chính vì phiền não là ái dục (taṇhā), là nhân hiện tại tạo nên bất thiện nghiệp để cho quả trong ngày vị lai là phải sinh ra tiếp, nối tiếp kiếp sống mới. Do vậy phiền não luân là pháp cần cắt bỏ vì nó chính là nguyên nhân (samudaya) làm khởi sinh khổ (dukkha). Riêng với nghiệp luân là các thiện nghiệp (kusalakamma), là pháp cần phát triển, tăng tiến để thuận bề đoạn trừ phiền não.

Đối với quả luân (vipākavaṭṭa), bao gồm danh-sắc ngũ uẩn của tất cả chúng sinh chính là Khổ đế (Dukkhasacca), là pháp cần phải biết, cần thấu hiểu.

Do vậy, Đức Phật dạy rằng tất cả mọi phiền não là pháp cần đoạn trừ, phải tận diệt (pahātabbadhamma) và Ngài đã dạy cho đồ chúng thực hành giáo pháp để đoạn tận phiền não dựa vào tam học: giới, định, tuệ và tu tiến Đạo đế (Maggasacca) có tám chi phần (Bát Thánh Đạo).

## BÀI MƯỜI

# NGHIỆP VÀ QUẢ CỦA NGHIỆP

Ngoại trừ chư Phật và các bậc Thánh Arahán ra, mọi chúng sinh hữu tình khi đã có tác ý rồi hành động, nói năng hoặc suy nghĩ thì cả thảy đều tạo thành nghiệp.

*Pāli định nghĩa:*

\* *Karaṇaṃ = kammaṃ.*

Sự tác hành chính là *ngiệp*.

\* *Karoti etenā'ti = kammaṃ.*

Chúng sinh tác hành nương vào pháp nào, pháp đó gọi là *ngiệp*.

Đó chính là cetanācetasika (tác ý tâm sở), có mặt trong 12 bất thiện tâm (akusalacitta) và 17 hiệp thể thiện tâm (lokīyakusalacitta).

Như lời Phật dạy trong kinh Nibbedhikasutta (Aṅguttaranikāya, Chakkanipāta):

*“Cetanā'haṃ bhikkhave kammaṃ vadāmi, cetayitvā kammaṃ karoti kāyena vācāya manasā”.*

“Này chư Tỳ khưu, sau khi tác ý rồi thì mới tạo nghiệp bằng thân, bằng khẩu, bằng ý. Do vậy, Ta nói: *Tác ý chính là nghiệp*”.

Nghiệp phát sinh qua 3 cửa (môn) là: thân môn, khẩu môn và ý môn. Cho nên có 3 loại nghiệp qua 3 môn là:

- Thân nghiệp (tạo nghiệp bằng thân)
- Khẩu nghiệp (tạo nghiệp bằng khẩu)
- Ý nghiệp (tạo nghiệp bằng ý).

Trong bộ “Thắng Pháp Tập Yếu” (Abhidhammatthasaṅgaha), ngài Trưởng lão Anuruddha đã phân loại nghiệp và sự cho quả của nghiệp trên 4 phương diện là:

- a, Kiccacatuka – Phận sự: có 4 loại nghiệp,
- b, Pākādānapariyāyatuka – Tuần tự quả báo: có 4 loại nghiệp,
- c, Pākakālacatuka – Thời gian cho quả: có 4 loại nghiệp,
- d, Pākattḥānacatuka – Nơi chốn trở quả: có 4 loại nghiệp.

## I. KICCA – PHẬN SỰ

Về phương diện phận sự (nhiệm vụ) thì nghiệp được phân thành 4 loại, đó là:

- \* Janakakamma – Sanh nghiệp,
- \* Upathambhakakamma – Trì nghiệp,
- \* Upapīlakakamma – Chương nghiệp,
- \* Upaghātakamma – Đoạn nghiệp.

### 1, *Janakakamma – Sanh nghiệp:*

Sanh nghiệp là nghiệp có nhiệm vụ cho quả là quả tâm (vipākacitta) và là sắc do nghiệp sinh (kammajarūpa) trong thời kỳ tái sinh (paṭisandhikāla) và cả trong thời kỳ hiện hữu (pavattikāla) cho đến trước khi chết. Đúng như trong Pāli có ghi:

\* *Vipākakkhandhakammajarūpāni jānatī'ti = janakaṃ*"

Nghiệp nào khiến cho quả (danh uẩn và sắc uẩn) được sinh khởi do nghiệp, nghiệp đó gọi là *Janakakamma – Sanh nghiệp*.

Chi pháp của sanh nghiệp chính là: Cetanācetasika (Tác ý tâm sở), có mặt trong 12 Bất thiện tâm (Akusalacitta) và 17 Thiện tâm hiệp thế (Lokīyakusalacitta).

Khi chúng hữu tình chết đi rồi tái sinh vào các cảnh giới: địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, a-tu-la, loài người, chư thiên, phạm thiên đều do năng lực của sanh nghiệp này sắp xếp khiến cho các quả tâm và sắc khởi từ nghiệp được sinh lên trong thời kỳ tái sinh. Sau khi đã sinh ra rồi, còn có các bộ phận cơ thể tương ứng sinh theo nữa cùng với sự thấy, sự nghe, ..., sự xúc chạm và sự duy trì mạng sống cho đến lúc chết; tất cả đều diễn tiến do năng lực của sanh nghiệp mà sinh khởi trong thời kỳ hiện hữu.

### 2, *Upathambhakakamma – Trì nghiệp:*

Trì nghiệp là nghiệp có nhiệm vụ trợ giúp cho việc trở quả của nghiệp khác, như trong Pāli đã nói:

\* *Kammantaraṃ vā kammanibbattakhandhasantānaṃ vā upatthambhetī'ti*

= *upathambhakam*.

Nghiệp nào trợ giúp nghiệp khác hoặc sự tiếp nối của các uẩn được sinh khởi từ nghiệp khác, nghiệp ấy gọi là *Upathambhakakamma – Trì nghiệp*.

Nhiệm vụ hỗ trợ nghiệp khác trở quả của trì nghiệp biểu hiện dưới 3 dạng sau:

a, *Trợ giúp sanh nghiệp chưa cho quả có cơ hội trở quả*: Các thiện nghiệp và bất thiện nghiệp đã sinh khởi với mọi chúng sinh trong thời kỳ bình thường cũng như trong thời kỳ lâm chung đều là những pháp trợ giúp cho các sanh nghiệp chưa cho quả sẽ có cơ hội trở quả.

b, *Trợ giúp quả đã trở được phát triển*: Các thiện nghiệp và bất thiện nghiệp mà chúng sinh đã làm trong kiếp quá khứ, trong kiếp hiện tại và lúc lâm chung sẽ là các pháp trợ giúp cho quả của các sanh nghiệp đã trở có cơ hội phát triển đầy đủ.

c, *Trợ giúp cho danh-sắc là quả của nghiệp khác phát triển và duy trì*: Các thiện nghiệp và bất thiện nghiệp đã làm trong quá khứ cũng như trong kiếp hiện tại hỗ trợ cho quả của các nghiệp khác là ngũ uẩn (danh-sắc pháp) được phát triển và duy trì, tồn tại trong kiếp ấy.

Chi pháp của trì nghiệp là 12 Bất thiện nghiệp và 8 Dục giới đại thiện nghiệp còn 9 Đại hành thiện nghiệp chỉ làm nhiệm vụ sanh nghiệp, đưa các phạm thiên tái sinh trên các cõi trời Sắc giới và Vô sắc giới mà thôi, không làm nhiệm vụ trì nghiệp.

### 3, *Upapīlakakamma – Chướng nghiệp*:

Chướng nghiệp là nghiệp hãm hại nghiệp đối nghịch và quả của nghiệp đối nghịch này. Pāli có ghi:

\* *Kammantaram vā kammanibbattakhandhasantānam vā upapīletī'ti = upapīlakam*.

Nghiệp nào hãm hại nghiệp khác hoặc sự tiếp nối của các uẩn được sinh khởi từ nghiệp khác, nghiệp ấy gọi là *Upapīlakakamma – Chướng nghiệp*.

Chi pháp của chướng nghiệp chính là 12 Bất thiện nghiệp và 8 Dục giới đại thiện nghiệp. Chướng nghiệp có 3 phạm sự là:

a, *Ngăn cản nghiệp đối nghịch khác sinh quả*: Chướng nghiệp làm nhiệm vụ ngăn cản, hãm hại, không cho nghiệp đối nghịch có cơ hội sinh quả. Cụ thể là

thiện nghiệp trong kiếp hiện tại ngăn cản các bất thiện nghiệp đã tạo, không để cho các bất thiện nghiệp này trở quả; cũng thế các bất thiện nghiệp trong kiếp hiện tại ngăn cản không cho các thiện nghiệp có cơ hội trở quả.

b, *Kìm hãm khả năng đang cho quả của nghiệp đối nghịch*: Chương nghiệp khởi sinh làm cho nghiệp đối nghịch đang có cơ hội sinh quả bị suy yếu tiềm năng sinh quả đó. Thiện nghiệp đã tạo trong kiếp hiện tại có nhiệm vụ kìm hãm bất thiện nghiệp có cơ hội trở quả, làm cho khả năng trở quả suy yếu đi, quả không còn nặng nề đáng lẽ phải có. Và ngược lại bất thiện nghiệp đã tạo trong kiếp hiện tại sẽ hãm hại thiện nghiệp có cơ hội cho quả, làm cho khả năng trở quả của thiện nghiệp suy yếu đi, không được như ý.

c, *Biến đổi ngũ uẩn (danh-sắc pháp) là quả của nghiệp đối nghịch*: Chương nghiệp khi đã sinh khởi có khả năng làm thay đổi danh pháp, sắc pháp, là quả của nghiệp đối nghịch. Nghĩa là thiện nghiệp hãm hại làm cho ngũ uẩn, danh-sắc pháp là quả của bất thiện nghiệp biến đổi, không như trước nữa. Cũng như thế, khi bất thiện nghiệp phát sinh, nó sẽ là chương nghiệp hãm hại, làm biến đổi ngũ uẩn là quả của thiện nghiệp.

#### 4, *Upaghātakakamma – Đoạn nghiệp*:

Đoạn nghiệp là nghiệp làm phận sự sát hại, cắt đứt nghiệp khác, cắt đứt ngũ uẩn, danh – sắc pháp là quả của nghiệp khác. Ta có Pāli định nghĩa:

\* *Kammantaram vā kammanibbattakhandhasantānam vā upaghātetī'ti = upaghātakam.*

Nghiệp nào cắt đứt nghiệp khác hoặc sự tiếp nối của các uẩn được sinh khởi từ nghiệp khác, nghiệp ấy gọi là *Upaghātakakamma – Đoạn nghiệp*.

Đoạn nghiệp chính là nghiệp sát hại, cắt ngang sự trở quả của nghiệp khác hoặc cắt đứt quả của nghiệp khác (danh-sắc, ngũ uẩn). Chi pháp của nghiệp này chính là 12 Bất thiện nghiệp và 21 Thiện nghiệp. Đoạn nghiệp có 2 phận sự là:

a, *Cắt đứt nghiệp khác*: Đoạn nghiệp khi khởi sinh sẽ cắt đứt nghiệp khác vĩnh viễn và nghiệp đó không còn cơ hội cho quả nữa. Có 3 trường hợp là:

- Thiện đoạn nghiệp cắt đứt bất thiện nghiệp khác.
- Thiện đoạn nghiệp cắt đứt thiện nghiệp khác
- Bất thiện đoạn nghiệp cắt đứt thiện nghiệp khác.

b, *Cắt đứt quả của nghiệp khác*: Đoạn nghiệp sinh khởi sẽ cắt đứt danh-sắc pháp, ngũ uẩn là quả của nghiệp khác, cắt đứt một phần hoặc toàn phần, sát hại sinh mạng của chúng sinh ấy. Đoạn nghiệp xảy ra trong 4 trường hợp là:

- Thiệt đoạn nghiệp cắt đứt quả của bất thiện nghiệp khác.
- Thiệt đoạn nghiệp cắt đứt quả của thiện nghiệp khác
- Bất thiện đoạn nghiệp cắt đứt quả của thiện nghiệp khác.
- Bất thiện đoạn nghiệp cắt đứt quả của bất thiện nghiệp khác.

## II. PĀKADĀNAPARIYĀYA – TUẦN TỰ QUẢ BÁO

Về phương diện tuần tự trở quả thì nghiệp được phân thành 4 loại, đó là:

- \* Garukamma – Trọng yếu nghiệp,
- \* Asannakamma – Cận tử nghiệp,
- \* Āciṇṇakamma – Tập quán nghiệp,
- \* Kaṭattākamma – Thường nghiệp.

### 1, *Garukamma – Trọng yếu nghiệp*:

Trọng yếu nghiệp là loại nghiệp có năng lực mạnh nhất, cho quả kế theo sau tử tâm, tức là trong kiếp tới hoặc kiếp thứ hai nối tiếp nhau một cách chắc chắn. Các nghiệp khác không thể ngăn chặn việc trở quả của nghiệp trọng yếu này được. Trong Pāli có định nghĩa như sau:

\* *Kammantarehi paṭibāhituṃ asakkuṇeyyuttā garukaṃ kamman'ti = garukammaṃ.*

Nghiệp nặng bởi vì các nghiệp khác không thể cho quả được, do vậy được gọi là *Garukamma – Trọng yếu nghiệp*.

Trọng yếu nghiệp có 2 loại là:

- Ác trọng yếu nghiệp: bao gồm ác nghiệp tà kiến cố định (niyatamicchā-ditṭhikamma) và 5 ác nghiệp vô gián (pañcānantariyakamma).
- Thiệt trọng yếu nghiệp: bao gồm 5 Sắc giới thiện nghiệp và 4 Vô sắc giới thiện nghiệp.

Chi pháp của Trọng yếu nghiệp là tác ý tâm sở đồng sinh với:

- Tham căn tâm hợp với tà kiến (tạo ác nghiệp tà kiến cố định)
- Sân căn tâm (tạo 5 ác nghiệp vô gián)

- 5 Sắc giới thiện tâm và 4 Vô sắc giới thiện tâm.

## 2, *Āsannakamma – Cận tử nghiệp:*

Cận tử nghiệp là nghiệp sinh khởi gần lúc lâm chung hoặc nhớ tưởng đến nghiệp nào đó đã tạo rồi lúc gần chết. Pāli có định nghĩa:

\* *Āsanne katam = āsannaṃ (vā)*

\* *Āsanne anussaritam = āsannaṃ.*

Nghiệp tạo ra trong lúc gần chết gọi là *Āsannakamma – Cận tử nghiệp* (hoặc)

Sự nhớ lại việc đã làm khi lâm chung gọi là *Āsannakamma – Cận tử nghiệp.*

Đó chính 12 Bất thiện nghiệp và 8 Dục giới đại thiện nghiệp. Lúc lâm chung, cận tử nghiệp phát sinh dưới 2 trường hợp:

- Tưởng nhớ đến thiện nghiệp hoặc ác nghiệp đã tạo từ trước.
- Thiện nghiệp hoặc ác nghiệp được tạo ra khi lâm chung.

Các cận tử thiện nghiệp hoặc ác nghiệp sẽ cho quả trong thời kỳ tái sinh ở kiếp sau.

## 3, *Āciṇṇakamma – Tập quán nghiệp:*

Tập quán nghiệp là nghiệp thường được tác hành luôn khi, thường được tích lũy tạo thành thói quen. Pāli định nghĩa như sau:

\* *Āciyati punappunam kariyatī'ti = āciṇṇam.*

Nghiệp nào mà chúng sinh thường tích lũy (làm) hoài hoài, nghiệp đó gọi là *Āciṇṇakamma – Tập quán nghiệp.*

Chi pháp của tập quán nghiệp chính là tác ý tâm sở hợp với 12 Bất thiện tâm và 8 Dục giới đại thiện tâm. Tập quán nghiệp chia làm 2 loại là:

- Ác tập quán nghiệp
- Thiện tập quán nghiệp.

## 4, *Kaṭattākamma – Tích lũy nghiệp:*

Tích lũy nghiệp là nghiệp mà chỉ tạo cho có tạo; không lưu tâm, không chú ý nhiều khi thực hiện và nghiệp này không thuộc vào 3 loại nghiệp trên. Pāli định nghĩa như sau:

\* *Kaṭattā eva kamman'ti = kaṭattākammaṃ.*

Hành động tạo tác mang tên là nghiệp mà chỉ có thực hiện mà thôi, thì gọi là *Kaṭattākamma – Tích lũy nghiệp.*

Chi pháp của Tích lũy nghiệp cũng chính là 12 Bất thiện nghiệp và 8 Dục giới đại thiện nghiệp.

Tích lũy nghiệp là nghiệp loại thường, bao gồm những thiện nghiệp và bất thiện nghiệp nào mà được tạo ra và có ít năng lực nên không thuộc về Trọng yếu nghiệp, cũng không sinh khởi lúc lâm chung nên không thuộc về Cận tử nghiệp, cũng chẳng được tạo thành thói quen nên không phải là Tập quán nghiệp. Trong kiếp hiện tại nó không thuộc về 3 loại nghiệp trên và đến lúc chết nếu không có 3 nghiệp trên thì nghiệp này sẽ cho quả đi tái sinh.

Khi chúng sinh đã tạo các ác nghiệp hoặc thiện nghiệp rồi thì các nghiệp đó sẽ tuần tự trở quả trước sau theo năng lực của chúng, nghĩa là theo trình tự: Trọng yếu nghiệp trở quả trước, rồi đến Cận tử nghiệp, Tập quán nghiệp và cuối cùng là Tích lũy nghiệp.

### III. PĀKAKĀLA – THỜI GIAN CHO QUẢ

Về phương diện thời gian cho quả thì nghiệp được phân thành 4 loại, đó là:

- \* *Ditṭhadhammavedanīyakamma* – Hiện báo nghiệp,
- \* *Upapajjavedanīyakamma* – Sanh báo nghiệp,
- \* *Aparāpariyavedanīyakamma* – Hậu báo nghiệp,
- \* *Ahosikamma* – Vô hiệu nghiệp.

#### 1, *Ditṭhadhammavedanīyakamma* – Hiện báo nghiệp:

Hiện báo nghiệp là loại nghiệp có năng lực cho quả ngay trong kiếp hiện tại đang sống của chúng sinh.

Đó chính là tác ý tâm sở đồng sinh với 12 Bất thiện tâm và 8 Dục giới đại thiện tâm, khi làm phạm sự tốc hành tâm thứ nhất của mỗi lộ trình tâm.

Cả ác nghiệp lẫn thiện nghiệp đều có khả năng làm Hiện báo nghiệp cho quả trong kiếp hiện tại.



Hiện báo nghiệp có 2 loại:

– Paripakka: Nghiệp già dặn, có nhiều năng lực, cho quả trong khoảng thời gian 7 ngày trong kiếp hiện tại.

– Aparipakka: Nghiệp chưa già dặn, có ít năng lực, cho quả sau 7 ngày cho đến hết kiếp hiện tại.

Như vậy, trong 7 tốc hành tâm của mỗi lộ trình tâm khi chúng sinh tác nghiệp thì tốc hành tâm thứ nhất tạo nên Hiện báo nghiệp và sẽ cho quả trong kiếp hiện tại này; nếu như không trở quả thì nghiệp này trở thành Vô hiệu nghiệp, không có khả năng cho quả nữa.

### 2, *Upapajjavedanīyakamma – Sanh báo nghiệp:*

Sanh báo nghiệp là loại nghiệp cho quả trong kiếp kế tiếp, ngay sau khi dứt kiếp sống này.

Chi pháp của nghiệp này là tác ý tâm sở đồng sinh với 12 Bất thiện tâm và 8 Dục giới đại thiện tâm làm phạm sự Dục giới tốc hành tâm (Kāmajavanacitta) là sát-na tâm thứ 7 (cuối cùng) trong mỗi lộ trình tâm.

Thiện nghiệp cũng như bất thiện nghiệp đã tạo đều có khả năng làm Sanh báo nghiệp, cho quả trong kiếp kế tiếp (gọi là kiếp thứ 2).

Khi cho quả thì các quả này sẽ trở cả trong 2 thời kỳ:

\* Paṭisandhikāla – Thời tái sinh: bắt đầu kiếp sống mới của chúng sinh.

\* Pavattikāla – Thời hiện hữu: kể từ sau khi tái sinh cho đến hết kiếp hiện tại.

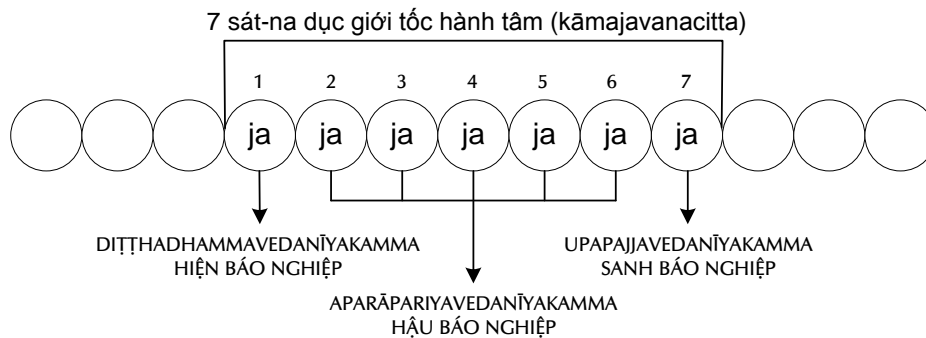
### 3, *Aparāpariyavedanīyakamma – Hậu báo nghiệp:*

Hậu báo nghiệp là loại nghiệp cho quả từ kiếp thứ ba trở đi cho đến kiếp cuối cùng của bậc Thánh Arahán, trước khi tịch diệt. Nghĩa là loại nghiệp mà chúng sinh đã tạo, không có cơ hội cho quả trong kiếp hiện tại, không cho quả trong kiếp kế tiếp, không trở thành vô hiệu quả thì sẽ chờ cơ hội trở quả từ kiếp thứ ba trở đi cho đến khi chúng sinh đó đắc quả Arahán – là kiếp cuối cùng – trước khi tịch diệt, Niết bàn.

Chi pháp của Hậu báo nghiệp là tác ý tâm sở đồng sinh với 12 Bất thiện tâm và 8 Dục giới đại thiện tâm làm phạm sự của 5 Dục giới tốc hành tâm từ sát-na tâm thứ 2 đến sát-na tâm thứ 6 trong mỗi lộ trình tâm.

Bất thiện nghiệp hoặc thiện nghiệp mà chúng sinh đã tạo đều có khả năng trở thành Hậu báo nghiệp cho quả từ kiếp thứ 3 trở đi cho đến kiếp cuối cùng của bậc Thánh Arahán trước khi tịch diệt Niết bàn. Nếu chúng sinh còn tử sinh luân hồi trong 3 cõi 6 loài thì Hậu báo nghiệp này không thể trở thành Vô hiệu nghiệp được.

#### BA LOẠI NGHIỆP THÀNH TỰU



#### 4, *Ahosikamma* – Vô hiệu nghiệp:

Vô hiệu nghiệp là loại nghiệp đã tạo xong mà không cho quả của nghiệp. Nghĩa là nghiệp này trở thành không có hiệu quả, nó không thể cho quả cả trong thời quá khứ, trong hiện tại và ngay cả trong thời vị lai. Như trong sách “Vô Ngại Giải Đạo” có ghi:

*“Ahoṣi kammaṃ nāhoṣi kammavipāko.*

*Ahoṣi kammaṃ natthi kammavipāko.*

*Ahoṣi kammaṃ na bhavissati kammavipāko”.*

“Nghiệp đã tạo nhưng đã không có quả của nghiệp.

Nghiệp đã tạo nhưng đang không có quả của nghiệp.

Nghiệp đã tạo nhưng sẽ không có quả của nghiệp.”

Hiện báo nghiệp nếu không cho quả trong kiếp hiện tại thì nó sẽ trở thành Vô hiệu nghiệp, cũng vậy Sanh báo nghiệp nếu không cho quả trong kiếp tiếp đến thì nó sẽ trở thành Vô hiệu nghiệp và cũng như thế nếu Hậu báo nghiệp không cho quả từ kiếp thứ ba đến kiếp cuối cùng của bậc Thánh Arahán trước lúc tịch diệt Niết bàn thì nó sẽ trở thành Vô hiệu nghiệp.

Tóm lại tất cả các nghiệp đã tạo không phải khi nào cũng có cơ hội cho quả được. Cho nên nghiệp nào theo thời gian cho quả mà không có cơ hội để trở quả thì nghiệp đó trở thành Vô hiệu nghiệp.

#### IV. PĀKAṬṬHĀNA – NƠI CHỖN TRỞ QUẢ

Về phương diện nơi chốn (cảnh giới) trở quả thì nghiệp được phân thành 4 loại, đó là:

- \* Akusalakamma – Bất thiện nghiệp,
- \* Kāmāvacarakusalakamma – Dục giới thiện nghiệp,
- \* Rūpāvacarakusalakamma – Sắc giới thiện nghiệp,
- \* Arūpāvacarakusalakamma – Vô sắc giới thiện nghiệp.

##### 1, *Akusalakamma – Bất thiện nghiệp:*

Tác ý tâm sở đồng sinh với 12 Bất thiện tâm tạo nên các bất thiện nghiệp. Các bất thiện nghiệp này chính là các tính xấu, thói hư tật xấu và gây nên tội lỗi trên thế gian. Chúng khởi sinh qua ba cửa (môn) đó là: thân, khẩu và ý và tạo nên các thân ác nghiệp, khẩu ác nghiệp và ý ác nghiệp. Cụ thể có cả thảy 10 Bất thiện nghiệp qua 3 môn, đó là:

- a, Thân ác nghiệp:
  - sát sinh,
  - trộm cắp,
  - tà dâm.
- b, Khẩu ác nghiệp:
  - nói dối,
  - nói lời chia rẽ,
  - nói lời thô tục,
  - nói lời vô ích.
- c, Ý ác nghiệp:
  - tham lam,
  - thù hận,
  - tà kiến.

Chúng sinh đã tạo các bất thiện nghiệp này rồi, nếu chúng cho quả trong thời kỳ tái sinh sẽ phải đọa vào 4 cảnh khổ là địa ngục, ngạ quỷ, a-tu-la hoặc súc sinh; còn trong thời kỳ hiện hữu thì sẽ nhận quả khổ sở, bệnh tật, ốm đau, đói khát, v.v...

##### 2, *Kāmāvacarakusalakamma – Dục giới thiện nghiệp:*

Các nghiệp thiện được tạo bằng tác ý tâm sở đồng sinh với các Dục giới đại thiện tâm (Mahākusalacitta) được gọi là Dục giới thiện nghiệp. Đó là những việc làm thiện hảo, lời nói thiện hảo và ý nghĩ thiện hảo thông qua 3 môn là thân, khẩu và ý:

- a, *Thân thiện nghiệp*: - tránh xa sát sinh,  
- tránh xa trộm cắp,  
- tránh xa tà dâm.
- b, *Khẩu thiện nghiệp*: - tránh xa nói dối,  
- tránh xa nói lời chia rẽ,  
- tránh xa nói lời thô tục,  
- tránh xa nói lời vô ích.
- c, *Ý thiện nghiệp*: - không tham lam,  
- không thù hận,  
- có chánh kiến.

Chúng sinh đã tạo các Dục giới thiện nghiệp này rồi, nếu chúng cho quả trong thời kỳ tái sinh sẽ được sinh vào cõi người hoặc các cõi trời Dục giới; còn trong thời kỳ hiện hữu thì sẽ nhận quả an lạc, hạnh phúc, toại nguyện trong cuộc sống v.v...

### 3, *Rūpāvacarakusalakamma – Sắc giới thiện nghiệp*:

Khi hành giả thực hành thiền định (samadhakammaṭṭhāna) đắc các tầng thiền Sắc giới với tâm thiền là các Sắc giới thiện tâm (Rūpāvacarakusalacitta) sẽ tạo thành các Bất động nghiệp (Aneñjābhisaṅkhārakamma) và đây chính là các Trọng yếu nghiệp sẽ cho quả trong kiếp tới.

Sắc giới thiện nghiệp là những nghiệp thiện có được do việc tu tiến thiền định, kết quả thành tựu là *An lạc định – Appanāsamadhi*, như Pāli có ghi:

*\* Rūpāvacarakusalam pana manokammeva tañca bhāvanāmayam appanāpattam jhānaṅgabhedenā pañcavidham hoti.*

Sắc giới thiện nghiệp là ý nghiệp mà thôi và nó thành tựu do nhờ hành thiền đạt đến an chỉ định, khi phân chia theo thiền chi thì có 5 hạng:

- Đệ nhất thiền sắc giới thiện tâm có 5 thiền chi là tâm, tứ, phi, lạc và nhất tâm,
- Đệ nhị thiền sắc giới thiện tâm có 4 thiền chi là tứ, phi, lạc và nhất tâm,
- Đệ tam thiền sắc giới thiện tâm có 3 thiền chi là phi, lạc và nhất tâm,
- Đệ tứ thiền sắc giới thiện tâm có 2 thiền chi là lạc và nhất tâm,
- Đệ ngũ thiền sắc giới thiện tâm có 2 thiền chi là xả và nhất tâm.

Quả của các nghiệp này là chúng sinh đó sẽ tái sinh vào các cảnh giới phạm thiên, còn gọi là Sắc giới và được hưởng an lạc, hạnh phúc do thiên tạo ra.

4, *Arūpāvacarakusalakamma – Vô sắc giới thiện nghiệp:*

Khi hành giả thực hành thiền định (samadhakammaṭṭhāna) đắc các tầng thiền Vô sắc giới với tâm thiền là các Vô sắc giới thiện tâm (Arūpāvacarakusalacitta) sẽ tạo thành các Bất động nghiệp (Aneñjābhisaṅkhārakamma) và đây là các Trọng yếu nghiệp sẽ cho quả trong kiếp tới, giống như các Sắc giới thiện tâm vậy.

Vô sắc giới thiện nghiệp là những nghiệp thiện có được do việc tu tiến thiền định, kết quả thành tựu là *An lạc định – Appanāsamadhi*, như Pāli có ghi:

\* *Tathā arūpāvacarakusalāṅca manokammaṃ tampi bhāvanāmayam appanāpattam ārammaṇabhedena catubbidham hoti.*

Cũng vậy, vô sắc giới thiện nghiệp là ý nghiệp và nó thành tựu do nhờ hành thiền đạt đến an chỉ định, khi phân chia theo đối tượng của thiền thì có 4 hạng:

- |  |                                   |
|--|-----------------------------------|
| - Không vô biên xứ thiện tâm           | có 2 thiền chi là xả và nhất tâm, |
| - Thức vô biên xứ thiện tâm            | có 2 thiền chi là xả và nhất tâm, |
| - Vô sở hữu xứ thiện tâm               | có 2 thiền chi là xả và nhất tâm, |
| - Phi tướng phi phi tướng xứ thiện tâm | có 2 thiền chi là xả và nhất tâm. |

Quả của các nghiệp này là chúng sinh đó sẽ tái sinh vào các cõi trời vô sắc giới, là những cảnh giới chỉ có danh uẩn mà thôi, không có sắc uẩn.

KẾT LUẬN:

Nghiệp và quả của nghiệp là vấn đề lớn của Phật giáo mà Đức Phật đã thuyết giảng trong nhiều bài kinh và nhất là trong Tạng Vi Diệu Pháp. Chúng chứa đựng nhiều nội dung sâu sắc, khó lĩnh hội và khó nghĩ bàn được như trong bài kinh Acinteyyasutta (Aṅguttaranikāya, Catukanipāta) Đức Đạo Sư đã dạy về 4 điều bất khả tư nghì là:

- Ân đức chư Phật
- Thần thông, thiền định,
- Nghiệp và quả của nghiệp,
- Tạo thiên lập địa.

Tuy nhiên, muốn hay không thì cũng tuân thủ theo luật nhân quả; gieo nhân gì thì gặp quả ấy, làm thiện thì hưởng quả lạc, làm ác phải nhận quả khổ. Đó là quy luật muôn đời của vũ trụ nhân hoàn này...



## BÀI MƯỜI MỘT

# TỨ THÁNH ĐẾ

*Ariyasacca – Thánh Đế* (Tứ Thánh Đế) là bốn chân lý hay bốn sự thật, là pháp của bậc Thánh nhân nghĩa là các bậc Thánh đã thông suốt, đạt đáo bốn chân lý này, hoặc nói cách khác là bốn sự thật này làm cho phàm nhân thành tựu quả vị bậc Thánh. Đây là những sự thật không sai lệch, chuẩn mực, đúng như chân như thật, nên được gọi là *Ariyasaccadhamma – Pháp Thánh Đế*.

Pháp Thánh Đế có 4 pháp, còn gọi là Tứ Diệu Đế, đó là:

- \* Dukkhasacca – Khổ Đế,
- \* Samudayasacca – Tập Đế,
- \* Nirodhasacca – Diệt Đế,
- \* Maggasacca – Đạo Đế.

### I. DUKKHASACCA – KHỔ ĐẾ

Khổ là một sự thật, một chân lý mà Đức Thế Tôn đã chứng ngộ và tuyên thuyết cho các hàng chư thiên và nhân loại thấu biết. Ở đây pháp tự nhiên là sự thật ấy chính là các pháp hữu vi luôn luôn bị thúc ép, bị hành hạ, bị biến động, bị thay đổi thường xuyên và luôn khi bị tạo tác bởi các yếu tố, các duyên làm cho sinh khởi, cho đến lúc hết các duyên này thì mới diệt đi.

#### 1, Theo tạng Kinh:

Theo quan điểm của tạng Kinh thì *Khổ đế* chính là sanh, lão, bệnh, tử, sầu, ưu, bi, khổ não, khóc lóc, than vãn, xa cách người thương là khổ, gần gũi người không ưa là khổ, cầu mà không được là khổ, nói tóm lại chấp thủ vào ngũ uẩn do tâm tham ái và tà kiến là khổ.

Về tính chất thì có 3 loại khổ, đó là:

a, *Khổ khổ (Dukkhadukkha)*: đây chính là cảm thọ khổ (dukkhavedanā), là khổ khó chịu đựng nổi, như khổ trên thân và khổ trong tâm.

b, *Hoại khổ (Vipariṇāmadukkha)*: chính là cảm thọ lạc (sukhavedanā) bị trạng thái vô thường làm biến động, thay đổi cho nên lạc trở thành khổ. Hoại khổ còn được gọi là *biến chất khổ*.

c, *Hành khổ (Saṅkhāradukkha)*: tất cả các *hành* (pháp hữu vi) đều vô thường, luôn bị tác động, tạo tác bởi 4 yếu tố: nghiệp, tâm, thời tiết và vật thực nên sanh diệt, diệt sanh liên tục không ngừng nghỉ, đó chính là hành khổ.

## 2, Theo tạng Vi Diệu Pháp:

Ngũ uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành, thức là khổ. Nếu phân chia rộng ra, có tất cả 160 pháp, bao gồm:

- 81 tâm hiệp thể (lokīyacitta)
- 51 tâm sở (trừ tâm sở tham – lobhacetāsika)
- 28 sắc pháp (rūpa).

Nói rút gọn thì đây là *đanh - sắc*.

## II. SAMUDAYASACCA – TẬP ĐẾ

Nguyên nhân của *khổ* là một sự thật, một chân lý, là pháp nói đến nhân làm phát sinh khổ, hay cho quả là khổ hiện hữu ra và níu kéo chúng sinh không cho thoát khỏi khổ trầm luân trong tam giới.

### 1, Theo tạng Kinh:

Theo quan điểm của tạng Kinh thì *Tập đế* là tham ái (taṇhā), gồm có 3 loại:

\* Dục ái (Kāmatāṇhā): sự bám víu, dính mắc, tham luyến vào đối tượng 6 cảnh trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp).

\* Hữu ái (Bhavataṇhā): tham ái trong 6 cảnh trần hợp với thường kiến, hoặc tham ái vào 3 cõi: Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới.

\* Phi hữu ái (Vibhavataṇhā): tham ái trong 6 cảnh trần hợp với đoạn kiến.

### 2, Theo tạng Vi Diệu Pháp:

Theo Vi Diệu tạng thì thực tính pháp (sabhāvadhamma) của tham ái (taṇhā) chính là tâm sở tham (lobhacetāsika). Bản chất thực sự của tham ái, pháp cốt lõi điều



hiển tham ái và là nguyên nhân của khổ, tạo tác ra khổ là tâm sở tham này.

### III. NIRODHASACCA – DIỆT ĐẾ

Sự diệt tận khổ đau, chấm dứt mọi nỗi khổ gọi là *Diệt đế (Nirodhasacca)*. Thật ra thì, Khổ đế là pháp cần nhận rõ còn việc diệt khổ chính là diệt tận nguyên nhân sinh ra khổ, tức là diệt tận vô minh và ái dục, đó cũng chính là diệt trừ các phiền não (kilesa). Cho nên, ở đây cần hiểu rõ diệt tận phiền não có nghĩa là không để cho phiền não khởi sinh được nữa.

Tại thời điểm mà các danh pháp (tâm và tâm sở) nhận Niết bàn (Nibbāna) làm đối tượng, thì lúc ấy Diệt đế hiện hữu. Bởi vậy, Diệt đế có chi pháp là Niết bàn và Niết bàn này là đối tượng bên ngoài, là pháp diệt tận phiền não và khổ đau (xem thêm bài 12 – Niết bàn).

### IV. MAGGASACCA – ĐẠO ĐẾ

Pháp đưa đến sự diệt khổ hay pháp dẫn dắt chúng sinh thoát khỏi mọi khổ ách gọi là *Đạo đế (Maggasacca)*. Đạo đế là đạo lộ, là con đường mà hành giả thực hành theo sẽ đạt đáo Niết bàn, thoát khỏi khổ não luân hồi. Con đường đưa đến Niết bàn này chính là Thánh Đạo tám ngành hay có 8 chi phần và còn được gọi là Bát Chánh Đạo. Về mặt thực tính pháp, Thánh Đạo (Ariyamagga) có 8 chi là:

Chánh Kiến	Sammādiṭṭhi	}	PAÑÑĀ - TUỆ
Chánh Tư Duy	Sammāsaṅkappa		
Chánh Ngữ	Sammāvāca	}	SĪLA - GIỚI
Chánh Nghiệp	Sammākammanta		
Chánh Mạng	Sammājīva		
Chánh Tinh Tấn	Sammāvāyāma	}	SAMĀDHI - ĐỊNH
Chánh Niệm	Sammāsati		
Chánh Định	Sammāsamādhi		

Đức Phật đã chứng ngộ Tứ Thánh Đế và đem ra truyền dạy cho chư thiên cùng nhân loại đúng như những gì Ngài đã chứng ngộ nhằm mục đích cho người nghe thấy đúng với sự thật, chứng đắc giống như Ngài, tức là làm cho thanh tịnh, thoát khỏi khổ ách, đoạn tận phiền não,...

## V. PHẬN SỰ CỦA TỨ THÁNH ĐẾ

Đối với Tứ Thánh Đế, những phận sự cần phải làm của hành giả trong quá trình tu tập và chứng đắc Đạo, Quả và Niết bàn là:

- \* Khổ đế (Dukkhasacca): là pháp cần nhận biết (Pariññāhicca).
- \* Tập đế (Samudayasacca): là pháp cần đoạn trừ (Pahātabbāhicca).
- \* Diệt đế (Nirodhasacca): là pháp cần làm thấu rõ (Sacchikātabbāhicca).
- \* Đạo đế (Maggasacca): là pháp cần tu tiến (Bhāvetābbāhicca).

Cả 4 phận sự này cần được tiến hành đồng thời trong lúc tu tập Tứ niệm xứ, nghĩa là:

Tại thời điểm quán sát danh-sắc là đối tượng của việc tu tập Tứ niệm xứ, được gọi là làm phận sự trong việc nhận biết *Khổ đế*.

Trong lúc quán sát danh-sắc đang hiện hữu, là đối tượng hiện tại đó, thì abhijjā (tham ái) và domanassa (sân hận) không thể sinh khởi được, đây chính là phận sự trong việc đoạn trừ *Tập đế*.

Khi đang quán sát danh-sắc tiếp diễn liên tục như thế, việc nhận biết khổ đế nhiều lên bao nhiêu thì việc đoạn trừ tập đế cũng mạnh lên bấy nhiêu. Chính việc đoạn trừ Tập đế ấy được gọi là có phận sự trong việc làm thấu rõ *Diệt đế*.

Và cũng chính việc nhận biết Khổ đế đang được tiến hành đó gọi là đồng thời tu tiến Đạo đế. Lúc ấy *giới, định và tuệ* cùng được tiến hành đồng nhau trên đối tượng của Tứ niệm xứ và được gọi là việc thực hành *giới, định và tuệ* đồng thời.



## BÀI MƯỜI HAI

# PHÁP THỰC HÀNH

Việc thực hành theo lời dạy của Đức Đạo Sư là pháp hành trên phương diện tâm linh; đó là việc làm cho thanh tịnh tâm ý, đoạn trừ phiền não, cấu uế của nội tâm nhằm giải thoát mọi trói buộc, trầm luân, đưa người thực hành đến giác ngộ, giải thoát. Như chúng ta đã biết phiền não, cấu uế có 3 cấp độ để đoạn trừ:

- \* Phiền não thô thiển được đoạn trừ bởi *sīla – giới*.
- \* Phiền não hạng trung được đoạn trừ bởi *samādhi – định*.
- \* Phiền não vi tế được đoạn trừ bởi *paññā – tuệ*.

Như vậy, pháp thực hành trong Phật giáo chính là pháp hành trên 3 phương diện: giới, định và tuệ.

### I. SĪLA – GIỚI

*Sīla – Giới* là sự thu thúc, sự cẩn trọng về thân và khẩu để tránh vi phạm vào các điều răn, điều ngăn cấm mà Đức Phật đã chế định trong tạng Luật (Vinayaṭṭaka), nhằm giúp cho người thực hành theo lời Phật dạy không làm các điều cấm trong các thân ác hành (kāyaducarita) và khẩu ác hành (vacīducarita).

#### 1, Thành tựu giới:

Giới được thành tựu dựa trên: thu thúc, tâm sở, tác ý nguyện giới và không vi phạm điều học.

a, *Thu thúc*: đây chính là sự thúc liễm, cẩn trọng để không cho tội lỗi sinh khởi nơi thân và khẩu. Hành giả thực hành thông qua sự thu thúc các học giới (pāṭimokkhasaṅvara), thu thúc niệm (satisaṅvara), thu thúc trí (nāṇasaṅvara), thu thúc nhẫn (khantisaṅvara), thu thúc tấn (viriyasaṅvara).

b, *Tâm sở*: bao gồm 3 tiết chế tâm sở (*viratīcetasika*), tâm sở vô tham (*alobhacetasika*), tâm sở vô sân (*adosacetasika*), tâm sở tuệ (*paññācetasika*), v.v...

Đó chính là không làm khẩu ác hành, thân ác hành và tà mạng (*micchāājīva*) tại thời điểm chạm mặt với các đối tượng làm nhân tố cho các ác hành bằng sự hiện hữu thích hợp của tâm sở chánh ngữ (*sammāvācacetāsika*), tâm sở chánh nghiệp (*sammākammantacetāsika*), tâm sở chánh mạng (*sammāājīvacetasika*). Hoặc là lúc đang làm phước sự như: bố thí, cúng dường, trì giới, tụng kinh, lạy Phật, v.v... có sự tham gia của các tâm sở vô tham (*alobhacetasika*), tâm sở vô sân (*adosacetasika*) trong các tâm đại thiện (*mahākusalacitta*); chính các phước sự này sẽ là rào ngăn cản không cho các ác nghiệp khởi lên.

c, *Tác ý nguyện giới*: việc tránh xa các thân ác hành và khẩu ác hành với tác ý khởi lên trước rằng sẽ không làm các điều tội lỗi, ác hạnh như: sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu và chất say, v.v... dựa trên năng lực của tâm sở tác ý (*cetanācetasika*) mà bản thân quyết tâm sẽ tránh khỏi, đây gọi là nguyện giới (*samādāna*).

d, *Không vi phạm điều học*: là quyết tâm không để vi phạm các điều học (*sikkhāpada*), còn gọi là học giới mà bản thân hành giả hay đệ tử Phật đã phát nguyện thọ trì rồi.

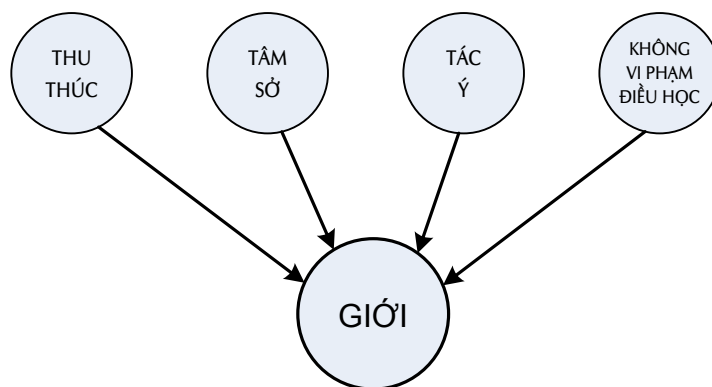
## 2, *Hành trì giới*:

Việc giữ giới hay còn gọi là trì giới chính là việc người thực hành không vi phạm các học giới mình đã thọ nguyện, tức là việc không làm các điều ác, tội lỗi trên thân và khẩu.

Trong giữ giới có cả giữ giới thanh tịnh và giữ giới không thanh tịnh:

\* Nếu như người nào giữ giới mà nương theo lợi lộc, danh tiếng, khen ngợi, lạc thú, hoặc đề cập đến sự đẹp đẽ, không bệnh tật và tăng tuổi thọ thì sự giữ giới này là không thanh tịnh, bởi vì đó là nơi mà phiền não, cấu uế có thể bám víu vào để phát triển.

\* Nếu như người nào giữ giới mà dựa vào đó để thoát khỏi khổ não, để đoạn trừ cấu bẩn của nội tâm, để thấu rõ Niết bàn thì việc giữ giới ấy là thanh tịnh và được bậc trí tán thán. Giữ giới thanh tịnh chính là hành trì theo *Tứ thanh tịnh giới* (*Catupārisuddhisīla*) mà Đức Phật đã chế định trong tạng Luật.



### 3, Lợi ích của giữ giới:

Người hành trì theo giới luật, luôn có được tài sản, danh tiếng lan tỏa khắp nơi. Khi người đó đi vào hội chúng đang tụ họp sẽ không ngại ngùng, sợ hãi; lúc gần chết luôn tỉnh táo, đầu óc sẽ không lẫn lộn và khi chết đi sẽ tái sinh vào cảnh giới an lạc. Nếu giới chính là các *đạo chi* trong Bát Thánh Đạo sẽ dẫn dắt đến Niết bàn, do bởi *giới* đồng hành cùng *định* và *tuệ*.

Ngoài việc giúp cho người thực hành đoạn trừ được phiền não loại thô thiển, không vi phạm các điều học, không làm các thân ác hành và khẩu ác hành, giới còn là nền tảng giúp cho *định* luôn được vững chãi, ổn cố trên đề mục (đối tượng) dựa vào sự thu thúc thân và khẩu một cách tốt đẹp của *giới*.

### 4, Tứ thanh tịnh giới:

Với mục đích giác ngộ, giải thoát khỏi khổ não, luân hồi hành giả cần phải trì giới một cách nghiêm ngặt hơn với những học giới (*sikkhāpada*) mà giúp cho người thực hành thanh tịnh thân tâm, đoạn trừ phiền não, tận diệt cấu uế của nội tâm. Đó chính là *Tứ thanh tịnh giới* (*Catupārisuddhisīla*).

Tứ thanh tịnh giới có 4 loại như sau:

a, *Biệt giải thoát thu thúc giới* (*Pāṭimokkhasaṅgavarasīla*): thu thúc, cẩn trọng, giữ gìn để không vi phạm các điều học, các học giới mà Đức Phật đã chế định ra trong tạng Luật.

b, *Lục căn thu thúc giới* (*Indriyasaṅgavarasīla*): thu thúc, phòng hộ, giữ gìn 6 căn, không để cho các bất thiện pháp xâm nhập mọi lúc, mọi nơi.

c, *Dưỡng mạng thanh tịnh giới* (*Ājīvapārisuddhisīla*): nuôi mạng bằng hành động chân chánh, không tà mạng nuôi thân, không làm các nghề nghiệp bất chánh mà Đức Thế Tôn đã cấm chế, ...

d, *Liên hệ vật dụng giới (Paccayasannisitasīla)*: là sự quán tưởng bốn món vật dụng (y phục, vật thực, chỗ cư ngụ, thuốc chữa bệnh) trước khi thọ dụng, trong lúc thọ dụng và sau khi đã thọ dụng trong ngày rồi, nhằm ngăn chặn tham ái phát sinh.

Trong Tứ thanh tịnh giới này, Lục căn thu thúc giới (Indriyaśaṅkharasīla) dẫn đầu và bao quát tất cả các giới còn lại, phù hợp với hàng tại gia cư sĩ muốn giữ giới cho được trong sạch. Đây là yếu tố quan trọng và là một nền tảng tương đồng với việc tu tiến niệm xứ (satipaṭṭhāna), một khi tu tập niệm xứ lớn mạnh hơn lên thì cũng có nghĩa là làm cho các căn được hộ trì (indriyaśaṅkharasīla) tốt hơn lên.

Do vậy, *sīla – giới* có đối tượng là các niệm xứ (satipaṭṭhāna) tức là có danh-sắc làm đối tượng thì giới này được gọi là *adhisīla – giới cao thượng*.

## II. SAMĀDHI – ĐỊNH

*Samādhi – Định* là trạng thái tâm ổn cố, trụ vững trên một đối tượng duy nhất dưới năng lực của ekaggatācetasika – tâm sở nhất tâm.

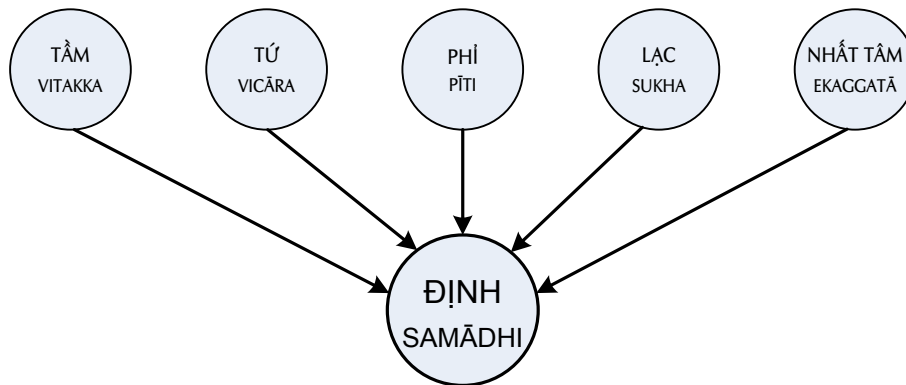
Nếu tâm an trú trên đối tượng trong một thời gian ngắn gọi là *khaṇika-samādhi – sát-na định*, hay còn gọi là *upacārasamādhi – cận định*.

Nếu tâm an trú trên đối tượng một cách vững chãi hơn lên, không chuyển đổi sang đối tượng khác và các thiền chi hiển lộ rõ ràng cùng với việc đè nén được các triền cái (nivarāṇa) chắc chắn thì gọi là *appanāsamādhi – an chỉ định*.

### 1, *Phận sự của định*:

Phận sự của *định* chính là đè nén không cho các pháp chướng ngại hay còn gọi là triền cái (nivarāṇa) sinh khởi ở trong nội tâm. Chính sự phát sinh của các thiền chi: tầm, tứ, phi, lạc và nhất tâm đã đè nén không cho các triền cái: hôn trầm thụy miên, hoài nghi, sân hận, trạo hối, tham dục sinh khởi lên được, cụ thể như sau:

- |                       |        |                                   |
|-----------------------|--------|-----------------------------------|
| * Vitakka - Tầm       | đè nén | Thīnamiddha - Hôn trầm thụy miên. |
| * Vicāra - Tứ         | đè nén | Vicikicchā - Hoài nghi.           |
| * Pīti - Phi          | đè nén | Byāpāda - Sân hận.                |
| * Sukha - Lạc         | đè nén | Uddhaccakukkucca - Trạo hối.      |
| * Ekaggatā - Nhất tâm | đè nén | Kāmachanda - Tham dục.            |



### 2, Lợi ích của định:

Hành giả thực hành định tốt đẹp rồi sẽ nhận được an lạc cả thân lẫn tâm khi nhập thiền. Định là nền tảng của tuệ, của thiền minh sát (*vipassanā*), là nhân để phát sinh thân thông (*abhiññā*) và nhập định. Những vị đã đắc thiền khi mãn kiếp sống sẽ tái sinh vào các cảnh giới an lạc của phạm thiên hữu sắc hoặc vô sắc phù hợp với cấp độ thiền mà mình đã chứng đắc.

### 3, Thiền định (thiền chỉ):

Thuật ngữ Pāli để chỉ cho thiền định là *samathakammaṭṭhāna*, là một dạng tu tiến nội tâm, làm cho tâm được yên tịnh, ổn cố và an trú trên một đối tượng; có thể dập tắt, đè nén các pháp chướng ngại (còn gọi là triền cái – *nivaraṇa*) và đạt đến trạng thái *an chỉ định* (*appanāsamādhi*), vững chãi trên một đối tượng duy nhất, lúc đó tâm hành giả được gọi là *tâm thiền* (*jhānacitta*) hay tâm đại hành (*mahaggatacitta*).

### 4, Đối tượng của thiền định:

Tâm thiền muốn khởi sinh được cần dựa vào việc chú tâm vào đối tượng cho đến lúc các chi thiền có sức mạnh làm cho tâm ổn cố và trụ vững trên một đối tượng duy nhất. Đối tượng hay đề mục mà hành giả cần chú tâm vào trong việc tu tập thiền định có tất cả 40 đề mục, cụ thể như sau:

#### a, 10 Kasiṇa – Biến xứ:

Biến xứ đất	Biến xứ nước
Biến xứ lửa	Biến xứ gió
Biến xứ màu xanh	Biến xứ màu vàng
Biến xứ màu đỏ	Biến xứ màu trắng
Biến xứ chân không	Biến xứ ánh sáng

b, 10 *Asubha* – *Bất tịnh*: (quán tử thi)

Thây phình trướng	Thây bầm xanh
Thây máu mủ	Thây nứt nẻ
Thây thú ăn	Thây phân lìa
Thây rã rời	Thây máu chảy
Thây sâu đục	Xương xẩu lung tung

c, 10 *Anussati* – *Tùy niệm*:

Niệm Phật	Niệm Pháp
Niệm Tăng	Niệm giới
Niệm thí	Niệm Thiên
Niệm hơi thở	Niệm chết
Niệm thân hành (32 thể trước)	Niệm tịch tịnh

d, 1 *Āhārepaṭikūlasaññā* – *Quán vật thực bất tịnh*

e, 1 *Catudhātuvavaṭṭhāna* – *Phân tích tứ đại*

f, 4 *Brahmavihāra* – *Vô lượng tâm (Phạm trú)*:

Từ	Bi
Tùy hỷ	Xả

g, 4 *Arūpakammaṭṭhāna* – *Vô sắc thiền*:

\* *Ākāśānañcāyatana* – Không vô biên xứ: lấy *hư không vô tận* làm đối tượng.

\* *Viññāṇañcāyatana* – Thức vô biên xứ: lấy *không vô biên xứ tâm* làm đối tượng.

\* *Ākiñcaññāyatana* – Vô sở hữu xứ: lấy *không có gì cả* làm đối tượng.

\* *Nevasaññānāsaññāyatana* – Phi tướng phi phi tướng xứ: lấy *vô sở hữu xứ tâm* làm đối tượng.

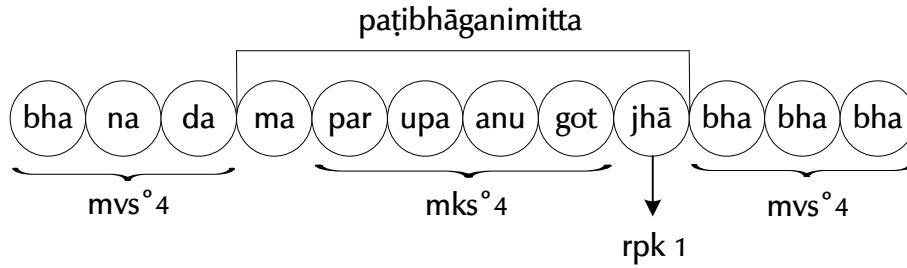
*Sắc giới thiện tâm* là những tâm phát sinh do quá trình tu tập thiền định (*samathabhāvanā*) về Sắc giới. Hành giả cần sử dụng đề mục là các pháp chế định (*paññatti*) như đã nêu ở trên để tiến hành tu tập.

Bước đầu hành giả chú tâm vào đề mục, rồi niệm thầm (*parikamma*), tại thời điểm này tốc hành tâm là các tâm đại thiện, hành giả trải qua các trạng thái ở cấp độ sơ định (*parikammasamādhi*) rồi cận định (*upacārasamādhi*). Khi hành giả tiếp tục phát triển tu tập, tăng cường định hơn nữa, vững chắc hơn, vi tế hơn, đến cấp độ an



chỉ định (appanāsamādhi); lúc này tâm của hành giả sẽ chuyển từ tâm đại thiện thành sắc giới thiện tâm. Đệ nhất thiền thiện tâm lần đầu tiên khởi sinh với hành giả cùng với 5 thiền chi. Đây là thiện tâm cho quả paṭisandhi (tục sinh) ở các cõi trời phạm thiên.

LỘ TRÌNH ĐỆ NHẤT THIỀN THIỆN TÂM



- bha = bhavaṅgacitta - hộ kiếp tâm
  - na = bhavaṅgacalanacitta - hộ kiếp tâm rung động
  - da = bhavaṅguppacchedacitta - hộ kiếp tâm bị cắt
  - ma = manodvārāvajjanacitta - ý môn hướng tâm
  - par = parikamma - chuẩn bị
  - upa = upacāra - cận hành
  - anu = anuloma - thuận thứ
  - got = gotrabhū - chuyển tánh
  - jhā = jhānacitta - thiền tâm
- } mvs°4 = mahāvīpāka  
 } ñāṇasampayutta 4  
 } mks°4 = mahākusalañāṇasampayutta 4  
 → rpk 1 = 1 rūpāvacara paṭhamajjhānakusala

Đây là lộ trình tâm phát sinh thiền lần đầu tiên của hành giả tu tập thiền định và được chứng đắc sơ thiền.

Các Vô sắc giới thiện tâm sẽ sinh khởi trong quá trình tu tập thiền định vô sắc với các đối tượng và các bậc thiền như đã nói ở trên.

5, Sát-na định:

Đối với định (samādhi) có đối tượng là các niệm xứ (satipaṭṭhāna) hay nói cách khác, đối tượng là danh-sắc thì định này gọi là *khaṇikasamādhi – sát-na định*. Đây là loại định có tâm an trụ trên đối tượng hiện tại là danh pháp hoặc sắc pháp đó, định này sẽ thanh tịnh và vắng lặng khỏi các phiền não, cấu uế nên được gọi là *adhisamādhi – định tối thượng* hay *adhicitta – tâm tối thượng*, trong 7 Thanh tịnh (Visuddhi) thì đây là Tâm thanh tịnh (Cittavisuddhi).

### III. PAÑÑĀ – TUỆ

*Paññā – Tuệ* là pháp thấy biết nhân quả của các thực tính pháp (sabhāva-dhamma) đúng như chân, như thật. Tuệ có nhiều tên gọi khác nhau, chẳng hạn như: *vô si (amoha)*, *trí (ñāṇa)*, *chánh kiến (sammāṭṭhi)*,...

Riêng nói về chánh kiến thì có cả thấy 6 loại chánh kiến như sau:

1, *Kammasakatasammādiṭṭhi*: sự thấy biết đúng đắn về nghiệp và quả của nghiệp. Thấy rằng chúng sinh có nghiệp riêng của mình và nhận lãnh quả của nghiệp đó, làm nghiệp thiện sẽ được quả lạc, làm nghiệp ác sẽ nhận quả khổ. Nghiệp chính là hành động, việc làm của chính mình qua thân, khẩu và ý.

2, *Jhānasammādiṭṭhi*: là trí tuệ thấy rõ nhân quả trong khi thực hành thiền định để cho tâm vắng lặng, định tĩnh trước các triền cái, chướng ngại. Cụ thể là tâm của hành giả an tịnh, yên lặng, không tham đắm, không chối đẩy, bực bội trước các đối tượng thuộc về ngũ trần (kāmaguṇārammaṇa) và thọ hưởng niềm an lạc (sukha) do thiên pháp sinh đó. Ngoài ra còn thấy rõ quả báu của việc đắc thiền là thiền định này làm nền tảng cho phép luyện thần thông (abhiññā) và là nền tảng để tu tiến thiền minh sát (vipassanābhāvanā); hiển nhiên khi hành giả đã đắc thiền định rồi, nếu thiền định đó không bị suy thoái thì lúc mạng chung sẽ được tái sinh vào các tầng trời phạm thiên, phù hợp với bậc thiền mà mình đã chứng đắc.

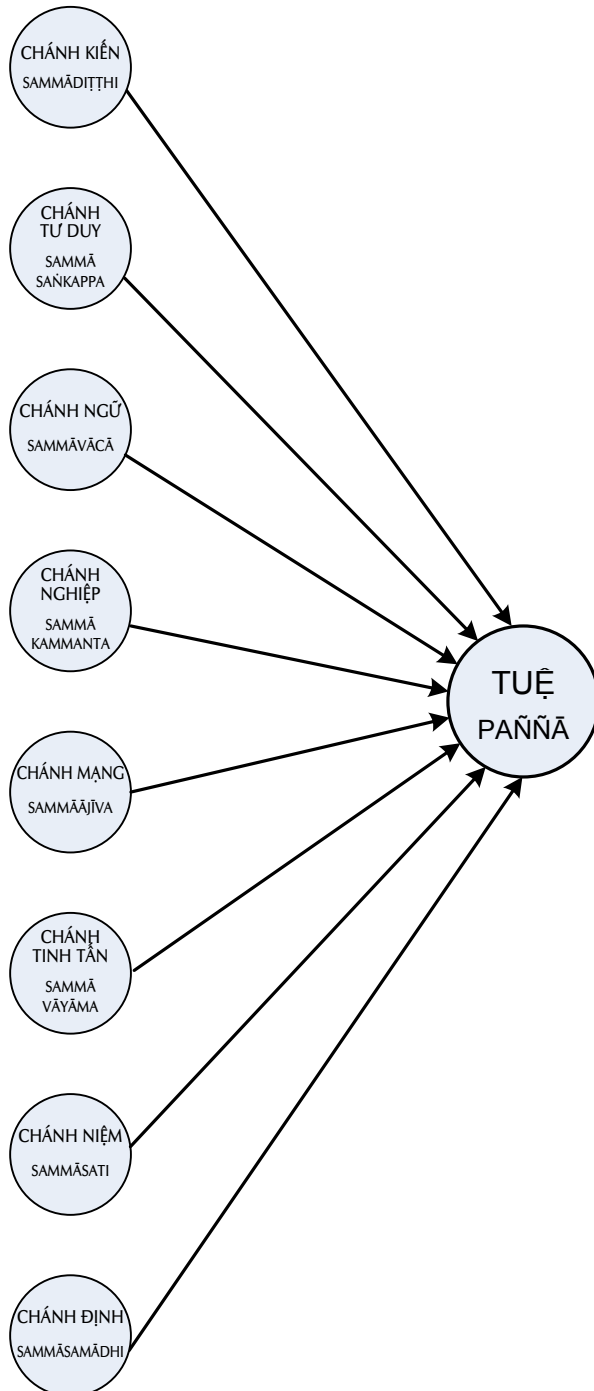
3, *Vipassanāsammādiṭṭhi*: trí tuệ thấu biết bản chất thực tại của đối tượng đúng với sự thật, như chân, như thật rằng 6 trần cảnh chỉ là danh pháp và sắc pháp mà thôi và danh, sắc này luôn sinh diệt và trong quá trình tu tập sẽ phát sinh trí tuệ thấy biết danh, sắc đó có trạng thái vô thường (luôn biến đổi), khổ (khó chịu đựng được) và vô ngã (không phải là ta, của ta, không thể điều khiển được). Do vậy, *vipassanā* là tên gọi của trí tuệ thấy danh - sắc là vô thường (aniccam), khổ (dukkham) và vô ngã (anattā), ba trạng thái này có tên gọi là *tam tướng (tilakkhaṇa)*.

4, *Maggasammādiṭṭhi*: là trí tuệ sinh khởi tiếp sau khi tu tiến vipassanā để thấy rõ tam tướng rồi đạo tâm (maggacitta) phát sinh, có đối tượng là Niết bàn (Nibbāna). Lúc hành giả thấu rõ Niết bàn thì cũng là lúc các phiền não ngủ ngầm (anusayakilesa) cũng được đoạn tận tuyệt đối (samucchedapahāna).

5, *Phalasammādiṭṭhi*: là trí tuệ nhận Niết bàn làm đối tượng, sau khi tuệ trong đạo tâm làm nhiệm vụ đoạn trừ phiền não ngủ ngầm xong thì tuệ này thực hiện phận sự thọ hưởng an lạc nội tâm do việc nhận Niết bàn làm đối tượng. Đây là an lạc tuyệt

hảo và tối thượng, bởi vì hành giả đã giác ngộ, giải thoát nên gọi là *vimuttisukha* – *giải thoát lạc*.

6, *Paccavekkhaṇasammādiṭṭhi*: là trí tuệ quán xét đạo tâm (maggacitta), quả tâm (phalacitta), Niết bàn (nibbāna), các phiền não (kilesa) đã đoạn tận và các phiền não còn sót lại trong quá trình chứng ngộ Niết bàn.



*Paññā* – Tuệ có công năng đoạn tận phiền não tuyệt đối (samucchedapahāna), đồng hành với giới (sīla) và định (samādhi) trong quá trình tu tiến thiền tuệ (vipassanākammaṭṭhāna) đến khi đắc đạo quả, được gọi là *sammādiṭṭhi* – *chánh kiến*, đây cũng là 1 trong 8 đạo chi.

Paññā – Tuệ trong việc tu tiên niệm xứ, tu tiên minh sát, tu tiên Bát Thánh Đạo hoặc Trung đạo là nói đến *vipassanāsammādiṭṭhi* và *maggasammādiṭṭhi*. Để làm cho hai loại chánh kiến này phát sinh được thì cần có 2 yếu tố sau:

- \* Được nghe chánh pháp từ bậc thức giả (parato ca ghoso saccānusandhi).
- \* Tạo sự hiểu biết về chánh pháp đã sinh khởi nơi tâm mình (ajjhatta ca yonisomanasikāra).

Một khi hành giả đã có được đầy đủ 2 yếu tố này thì có thể đạt được *vipassanāsammādiṭṭhi* và nếu như hành giả có công hạnh ba-la-mật tròn đủ, nhất là trí tuệ ba-la-mật thì hành giả sẽ đạo đáo *maggasammādiṭṭhi*, đây là sự viên mãn của tuệ (paññā) mà hội tụ đầy đủ 8 chi đạo, gọi là *maggasamaṅgī*.

Giới, định và tuệ trong pháp hành cần tiến hành đồng thời với nhau trong việc tu tiên niệm xứ; nghĩa là giới, định và tuệ phải có cùng một đối tượng là danh hoặc sắc như nhau. Chẳng hạn như lúc đang quán sát *sắc ngò* là đối tượng của thiền tuệ thì việc biết rõ *sắc ngò* ấy là cái biết của *satisampajañña* (chánh niệm - tỉnh giác) với sự nỗ lực của *viriyacetasika* (tâm sở tấn), cũng chính là *ātāpī* (tinh tấn).

#### IV. SATIPATṬHĀNA – NIỆM XỨ

*Satipatṭhāna – Niệm xứ* là bước đầu của việc thực hành thiền tuệ để đạt đạo Đạo, Quả, Niết bàn.

Từ “*satipatṭhāna*” phân thành 2 chữ là: “*sati*” và “*patṭhāna*”.

\* *Sati – Niệm*: pháp ghi nhận, ghi nhớ đối tượng. Chi pháp chính là *saticetasika* – niệm tâm sở.

\* *Patṭhāna – Xứ*: nền tảng, vị trí, là nơi chôn đặt để (của niệm).

Ở đây, *sati* – niệm là sự ghi nhận đối tượng, cần phải đi với *sampajañña* – tỉnh giác, tức là có *paññā* – tuệ để ghi nhận đối tượng đúng như chân, như thật, đúng pháp tự nhiên và phải nương tựa trên sự nỗ lực, cần mẫn của *viriya* – tinh tấn một cách đều đặn, thường xuyên.

Riêng về *patṭhāna* – xứ, là nơi đặt để của niệm, theo kinh “Đại Niệm Xứ” (*Mahāsatiṭṭhānasutta*) thì có 4 xứ là: *kāya* – thân, *vedanā* – thọ, *citta* – tâm và *dhamma* – pháp. Nếu nói tóm lại thì đây chính là: *rūpadhamma* – sắc pháp và *nāmadhamma* – danh pháp.

Việc tu tiên niệm xứ là việc ghi nhận đối tượng danh pháp hoặc sắc pháp đang hiện hữu trước 6 môn, là đối tượng hiện tại và phải diễn tiến đồng thời với tinh cần và trí tuệ, gọi là: ātāpī (tinh tấn), sampajāno (tỉnh thức) và satimā (chánh niệm). Cả 3 pháp này chính là chi phần của vipassanā – minh sát, là pháp, là hành giả đang nắm bắt và nhận thức đối tượng.

Do vậy, satipaṭṭhāna – niệm chính là nhân làm cho tuệ minh sát (vipassanā -ñāṇa), thanh tịnh (visuddhi) và giải thoát (vimutti) sinh khởi tạo quả.

## V. VIPASSANĀKAMMAṬṬHĀNA – THIỀN MINH SÁT

*Vipassanā – Minh sát* là tên gọi của trí tuệ thấy rõ danh-sắc là vô thường, khổ và vô ngã. Thiền minh sát còn gọi là *thiền tuệ*.

### 1, Ích lợi của thiền minh sát:

Bước đầu, thiền minh sát sẽ phá hủy được các vọng tưởng điên đảo (vipalāsa), tà kiến và ái dục đã cho rằng danh-sắc là có cốt lõi, tốt đẹp, an lạc và là có cái tôi (ngã), mong cầu cho danh-sắc luôn trường tồn. Ngoài ra, thiền minh sát còn mang lợi ích tối thượng là làm thấu rõ Niết bàn, đưa đến sự thoát khỏi khổ ách luân hồi.

### 2, Đối tượng của thiền minh sát:

Đối tượng của thiền minh sát là danh pháp và sắc pháp hiện tại. Do vậy, trong việc thực hành thiền minh sát cần phải học hiểu về danh-sắc; tức là phải học hiểu về tâm, tâm sở, sắc pháp đang sinh khởi ở 6 môn một cách thấu đáo nhằm đem ra tiến hành thiền tập theo như kinh “Đại niệm Xứ”. Cụ thể là:

* Khi thấy	hình sắc và mắt (nhãn căn) cái thấy hay nhãn thức tâm	là sắc, là danh.
* Khi nghe	âm thanh và tai (nhĩ căn) cái nghe hay nhĩ thức tâm	là sắc, là danh.
* Khi ngửi	mùi hương và mũi (tỷ căn) cái biết mùi hay tỷ thức tâm	là sắc, là danh.
* Khi nếm	vị và lưỡi (thiệt căn) cái biết vị hay thiệt thức tâm	là sắc, là danh.
* Khi xúc chạm	đất, lửa, gió và thân (thân căn)	là sắc,

	cái biết xúc chạm hay thân thức tâm	là danh.
* Khi nghĩ suy	trạng thái đi, đứng, ngồi, nằm cái biết sự đi, đứng, ngồi, nằm ấy	là sắc, là danh.
hoặc là	trạng thái buồn ngủ, yên ắng, phóng tâm,... cái biết sự buồn ngủ, sự yên ắng, phóng tâm,...	là danh, là danh.

Một khi đã hiểu rõ danh-sắc theo 6 môn rồi tiếp đến sẽ tu tiến niệm xứ thì cần phải quán sát danh hoặc sắc mà cấu uế là tà kiến (ditṭhikilesa) đang núp bóng nơi đối tượng ấy. Chẳng hạn như:

- \* Khi thấy           quán sát rằng *danh thấy* bởi vì tà kiến sẽ nhầm tưởng và chấp thủ *danh thấy* thành *ta thấy*.
- \* Khi nghe           quán sát rằng *danh nghe* bởi vì tà kiến sẽ nhầm tưởng và chấp thủ *danh nghe* thành *ta nghe*.
- \* Khi ngửi           quán sát rằng *sắc mùi* bởi vì tà kiến sẽ nhầm tưởng và chấp thủ *sắc mùi* thành *ta thơm, ta thối*.
- \* Khi nếm           quán sát rằng *sắc vị* bởi vì tà kiến sẽ nhầm tưởng và chấp thủ *sắc vị* thành *ta ngon, ta dở*.
- \* Khi xúc chạm      quán sát rằng *sắc cứng-mềm, nóng-lạnh, căng-chùng* bởi vì tà kiến sẽ nhầm tưởng và chấp thủ thành *ta nóng, ta lạnh,...*
- \* Khi nghĩ suy      quán sát cả danh lẫn sắc, tùy vào tà kiến sẽ chấp thủ vào đối tượng nào mà quán sát theo sự thật của đối tượng đó. Ví dụ lúc đi, đứng, ngồi, nằm thì quán sát sắc đi, sắc đứng, sắc ngồi, sắc nằm.  
hoặc là           lúc buồn ngủ, yên ắng, phóng tâm,... thì quán sát là danh buồn ngủ, danh yên ắng, danh phóng tâm,...

### 3, *Đối tượng hiện tại:*

Danh, sắc là đối tượng tu tập niệm xứ và các đối tượng này phải là đối tượng hiện tại, nghĩa là chúng là những đối tượng đang hiện hữu trước mặt hành giả, gọi là: “ārammaṇapaccuppanna”. Người thực hành cần phải nắm bắt đối tượng hiện tại một cách thường xuyên với sự nhận thức chính mình (biết mình) mọi lúc, mọi nơi.

### 4, *Như lý tác ý (Yonisomanasikāra):*

Trong lúc thực hành thiền minh sát, hành giả cần phải quán sát đối tượng luôn

khi với trí tuệ thấu rõ nhân quả rằng bản thân chỉ có nhiệm vụ quán sát danh-sắc mà thôi, và một khi sẽ thay đổi đối tượng hoặc thay đổi oai nghi thì cần phải biết lý do phải thay đổi, tức là thay đổi vì lẽ gì.

#### 5, *Chú ý lúc hành thiền:*

Trong lúc đang quán sát danh-sắc là đối tượng hiện tại ấy, hành giả cần có sự chú ý rằng đang quán sát sắc gì, đang quán sát danh gì; đồng thời sự quán sát đó càng được tiến hành một cách tự nhiên, bình thường, không phải tạo ra đối tượng để quán sát. Chẳng hạn tạo tư thế ngồi để quán sát sắc ngồi hoặc tư thế nằm để xem sắc nằm; bên cạnh đó cũng không cần phải chòng chọc vào đối tượng để thấy đối tượng rõ ràng hơn, hay là bỏ quán sát để tâm yên tịnh hoặc quá chú ý vào đối tượng để tâm không bị phóng đi, tất cả như thế này gọi là sai tự nhiên, không bình thường.

Khi danh-sắc hiển hiện ở cửa (dvāra-môn) nào thì chỉ quán sát danh-sắc ấy nơi căn môn đó mà thôi.

Điều quan trọng là đối tượng tu tập phải là đối tượng hiện tại với sự biết mình luôn luôn. Khi tu tiến niệm xứ đến lúc biết danh, biết sắc đang luôn hiển hiện qua sáu môn rồi thì trí tuệ thanh tịnh sẽ thấy chỉ có danh-sắc đang hiện hữu mà thôi, như thế gọi là nhận được “đối tượng hiện tại”, lúc đó trí tuệ sẽ phá vỡ sự chấp thủ cho rằng *là ta* được ngay.

Trí tuệ thấu biết được như thế gọi là *ditṭhivissuddhi – tri kiến thanh tịnh*, là trí tuệ thấy biết thanh tịnh, trong sáng, thoát khỏi tà kiến cho rằng danh sắc, ngũ uẩn là ta, là bản ngã.

Khi tiếp tục quán sát danh-sắc như thế, sẽ thấy biết nhân duyên (paccaya) làm cho sắc sinh khởi hoặc danh sinh khởi. Rồi lại quán sát tiếp đối tượng danh-sắc hiện tại liên tục sẽ thấy rõ sự diệt đi của danh-sắc mà có cả sự sinh khởi và sự diệt tận là lẽ thường.

Tuệ minh sát (Vipassanāñāṇa) là trí tuệ thấy rõ danh-sắc vô thường (aniccam), danh-sắc là khổ (dukkham) và danh-sắc là vô ngã (anattā) hiển hiện, gọi là trí tuệ thấy rõ tam tướng (tilakkhaṇa), tức là thấy rõ đặc tính chung (sāmañña-lakkhaṇa) của danh pháp và sắc pháp.

Chính tuệ minh sát thấy rõ danh-sắc vô thường, khổ và vô ngã này làm cho phát sinh sự nhàm chán trước các pháp hữu vi (saṅkhāradhamma), và đây cũng là đường lối giúp cho đoạn diệt phiền não, thấu rõ Niết bàn, thoát khỏi tử sinh luân hồi.

## VI. CĂN BẢN CỦA THIỀN ĐỊNH VÀ THIỀN TUỆ

\* Căn bản của thiền định (*samatha*) là làm cho tâm yên tịnh trên đối tượng (đề mục) mà hành giả cần chú tâm, tâm hành giả không dao động, chạy đi tìm kiếm đối tượng khác do năng lực sai khiến của các phiền não chướng ngại (*nivaraṇa*).

Về phần hành giả thấu biết cái gì hay không thì không phải là chuyện quan trọng khi thực hành thiền định, chỉ cần tâm ổn cố, an trụ trên đối tượng mà hành giả đang chú mục là được rồi.

Đối với thiền định, nếu sự thấu biết về nhân quả, bản chất hay thực tính pháp càng ít bao nhiêu thì định (*samādhi*) càng có năng lực mạnh mẽ bấy nhiêu. Đây chính là căn bản của thiền định.

\* Căn bản của thiền tuệ lại cần phải dùng trí tuệ thấu biết nhân quả đúng như chân như thật của thực tính pháp. Tức là không cần làm cho yên ắng, tịnh lặng, hoặc an lạc, thoải mái mà cần phải thấu biết, thấy rõ sự thật của pháp tự nhiên đang là đối tượng hiển hiện trước mắt hành giả mà thôi.

Do vậy, *vipassanā* – *thiền minh sát* chính là tên gọi của *paññā* – *tuệ* thấu rõ sự thật, đoạn trừ lậu hoặc, cấu uế, phiền não nội tâm một cách thanh tịnh, trong sạch, đây chính là nền tảng của *vipassanā*.

## VII. LIÊN HỆ GIỮA THIỀN ĐỊNH VÀ THIỀN TUỆ

Thiền định (*samatha*) là phương cách luyện tập để cho tâm được thanh tịnh, yên lặng, tạm thời không bị các pháp chướng ngại (*nivaraṇa*) che chắn. Đây không phải là con đường thực hành để thoát khỏi mọi khổ ách, đoạn tận phiền não, và cũng chẳng phải là nhân tố để vào đến Tứ Thánh Đế. Như đã biết, đạo sĩ Ālāra Kālāma đã đắc tam thiền vô sắc giới là Vô sở hữu xứ thiền (*Akiñcaññāyatana*) và đạo sĩ Udaka Rāmaputta đã đắc tứ thiền vô sắc giới là Phi tướng phi phi tướng xứ thiền (*Nevasaññānāsaññāyatana*) và từng dạy cho Đức Bồ Tát nhưng cũng không thể đắc được Đạo, Quả, Niết bàn, bởi vì thiền định (*samatha*) không thể thấu rõ thực tính pháp của danh-sắc đúng như chân, như thật và cũng không có khả năng đoạn tận lậu hoặc, diệt trừ phiền não được.

Một khi không thấu biết danh-sắc (*nāmarūpa*) thì sẽ không thấy được tam tướng (*tilakkhaṇa*), bởi lẽ tam tướng chính là: vô thường, khổ và vô ngã có ở trong



danh-sắc. Tuy nhiên, Đức Thế Tôn muốn độ cho các vị đã đắc thiền định, đã thuần thực trong việc xuất nhập các tầng thiền nên Ngài đã đưa các thiền chi là: tâm, tứ, phi, lạc (vedanā) và nhất tâm (samādhi), (đây chính là các thực tính pháp của danh pháp) ra làm đối tượng của thiền tuệ (vipassanā). Các danh pháp là các thiền chi này, có thực tính pháp đúng như sự thật nên mới có thể làm cho tam tướng hiển lộ được.

Lại nữa, hành giả từng tu tập thiền định đến mức làm tâm tịch lặng, đè nén được các triền cái (nivarana) nhưng chưa đắc thiền, chưa thuần thực trong thiền nhưng tâm đã được yên tĩnh trước các pháp triền cái thì cũng là môi duyên hệ để giúp cho việc hành thiền minh sát thuận lợi hơn lên. Thật vậy, dựa trên sự tịch lặng của tâm thức do hành giả đè nén được các triền cái đã giúp cho tuệ thấy biết danh-sắc dễ dàng hơn lên.

Trong bộ Thanh Tịnh Đạo, có nói rằng thiền định là cơ sở, nền tảng cho việc tu tiến thiền tuệ. Nghĩa là, sau khi tu tập thiền định đến mức tâm yên tĩnh rồi thì tiếp tục tu tiến thiền tuệ, và đối với các vị hành giả này thì thuật ngữ Pāli gọi là: *“samathayānikka”*. Nhưng nội dung ở đây không có nghĩa là nếu không thực hành thiền định trước thì không thể tiến hành thiền tuệ tiếp sau, không bắt buộc phải nhất nhất tu tập thiền định xong mới tu tập thiền tuệ; hiểu như thế là cách hiểu không đúng đắn, bởi lẽ có những trường hợp tu tiến trực tiếp vào thiền tuệ, quán sát danh-sắc là vô thường, khổ, vô ngã mà không qua thiền định vẫn được. Những hành giả khi đã học tập danh-sắc theo pháp học, biết rõ danh-sắc rồi đem danh-sắc ra làm đối tượng để tu tiến thiền tuệ, thực hành đơn thuần minh sát mà thôi thì Pāli gọi là: *“vipassanāyānikka”*.

Thiền định có liên quan đến thiền tuệ mà muốn nói đến ở đây chính là thiền định đặt trên nền tảng là đối tượng của tuệ (paññā), tức là chỉ tại thời điểm tu tiến niệm xứ (satipaṭṭhāna) mà thôi. Định (samadhi) này chính là *sammāsamādhi – chánh định* trong Bát Thánh Đạo, là một trong tám Đạo chi.

Về phần những thiền định (samatha) nào không đặt trên nền tảng là đối tượng của tuệ hoặc là đối tượng của niệm xứ, tức là danh-sắc thì thiền định ấy không liên quan đến thiền tuệ (vipassanā) và có thể gọi là thiền định ngoài Phật giáo.

Do vậy, chỉ có thiền định (samatha) đặt nền tảng trên đối tượng của tuệ, là danh-sắc thôi, mới liên quan đến thiền minh sát (vipassanā) nên có thể gọi là thiền định trong Phật giáo.

## VIII. SỰ KHÁC NHAU GIỮA THIỀN ĐỊNH VÀ THIỀN TUỆ

### 1, Về mặt kết quả:

- \* Thiền định: làm cho tâm yên tĩnh, chú tâm trên một đề mục duy nhất.
- \* Thiền tuệ: quán sát đối tượng để thấu biết đúng với sự thật.

### 2, Về mặt đối tượng:

- \* Thiền định: có đối tượng là Pháp Chế Định (Paññatti).
- \* Thiền tuệ: có đối tượng là danh-sắc, là Pháp Chân Đế (Paramattha).

### 3, Về mặt thực tính pháp:

- \* Thiền định: có định (samādhi) là tâm sở nhất tâm (ekaggatā), làm cho tâm an trụ trên đối tượng.
- \* Thiền tuệ: có tuệ (paññā) là tâm sở tuệ (paññindriya), thấu rõ danh-sắc, là vô thường, khổ, vô ngã.

### 4, Về mặt đoạn trừ phiền não:

- \* Thiền định: đoạn trừ phiền não hạng trung (pariyutṭhānakilesa).
- \* Thiền tuệ: đoạn trừ phiền não hạng vi tế (anusayakilesa).

### 5, Về mặt trạng thái đoạn trừ phiền não:

- \* Thiền định: đoạn trừ phiền não bằng cách đè nén, (vikkhambhanapahāna).
- \* Thiền tuệ: đoạn trừ phiền não bằng cách khử trừ nhất thời, theo từng giai đoạn (tadaṅgapahāna).

### 6, Về mặt lợi ích:

- \* Thiền định: luôn được an lạc do đè nén, áp chế được phiền não và tái sinh trong các cảnh giới phạm thiên.
- \* Thiền tuệ: nhằm đoạn trừ các vọng tưởng, đưa đến sự thoát khổ, chứng đạt Niết bàn, thoát khỏi luân hồi.



## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### TIẾNG THÁI

1. ปรมัตถโชติกะ ชั้นจุฬารักษมิกะตรี พระสังฆมโฆติกะ ฆัมมาจริยะ
2. คู่มือการฟังพระอภิธรรม เล่ม ๑ มุลนิชิตถานที่ไม่ตั้งอยู่ในความประมาท
3. คู่มือการศึกษาพระอภิธรรมัตถสังคหะ ปริจเฉทที่ ๖ รูปสังคหะวิภาคและนิพพานปรมัตถ์ โดย อาจารย์ บุญมี เมฆางกูร อาจารย์บุษกร เมฆางกูร
4. คู่มือการศึกษาพระอภิธรรมัตถสังคหะ ปริจเฉทที่ ๖ รูปสังคหะวิภาคและนิพพานปรมัตถ์ โดยนายวรรณ สิทธิ ไวทยะเสวี
5. คัมภีร์อัญญาสาธิตี พระพุทธโฆสาจารย์ รจนา พระคันธศาลาภิวังศ์ แปล
6. คัมภีร์อภิธานวรรณนา พระมหาสมปอง มุกีโต แปลและเรียบเรียง
7. อภิธรรมัตถสังคหะ และปรมัตถทีปนี พระคันธศาลาภิวังศ์ แปล
8. อภิธรรมมวตาร พระคันธศาลาภิวังศ์ แปล
9. คัมภีร์วิสุทธิมรรค สมเด็จพระพุฒาจารย์ (อาจ อาสภมหาเถร) แปล

### TIẾNG VIỆT

1. Thắng Pháp Tập Yếu Luận, tập I, tập II, từ khư Thích Minh Châu, Tu thư Viện Đại Học Vạn Hạnh, 1973.
2. Vi Diệu Pháp Hiện Thực Trong Cuộc Sống, từ khư Hộ Pháp, NXB Tôn Giáo, 2014.
3. Tìm Hiểu Pháp Hành Thiền Tuệ, từ khư Hộ Pháp, NXB Tôn Giáo, 2002.
4. Thanh Tịnh Đạo, Thích Nữ Trí Hải chuyển dịch, Chùa Pháp Vân ấn hành.
5. Thanh Tịnh Đạo, từ khư Ngô Đạo dịch, NXB Tổng Hợp Hồ Chí Minh, 2012.
6. Vi Diệu Pháp Toát Yếu, Venerable Nārada Mahāthera, Phạm Kim Khánh dịch.
7. Đức Phật và Phật Pháp, Venerable Nārada Mahāthera, Phạm Kim Khánh dịch.
8. Vi Diệu Pháp Toát Yếu, tập I, Tường Nhân Sư, NXB Hồng Đức, 2015.
9. Vi Diệu Pháp Toát Yếu, tập II, Tường Nhân Sư, NXB Tôn Giáo, 2016.
10. Vi Diệu Pháp Toát Yếu, tập III, Tường Nhân Sư, NXB Thuận Hóa, 2018.

# PHẬT PHÁP CĂN BẢN

Tường Nhân Sư

## NHÀ XUẤT BẢN THUẬN HÓA

33 Chu Văn An - Huế

ĐT: 0234 3823847 - 3821228

Fax: 0234 3848345

Email: [nxbthuanhoa@yahoo.com.vn](mailto:nxbthuanhoa@yahoo.com.vn)

Chịu trách nhiệm xuất bản

**Ts. Nguyễn Duy Tờ**

Biên tập:	Phan Lê Hạnh Nhơn
Bìa và trình bày:	Mahākāruṇiko
Sửa bản in:	Khemācittā
Đơn vị liên kết:	Nguyễn Mai Liên
Địa chỉ:	Nhà B, phố Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Tp. Hà Nội.

---

*Số lượng in: 1000 bản, khổ: 21 x 29,7*

*In tại Công ty TNHH In Huế, 51A Minh Mạng, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế.*

*Số đăng ký KHXB: 904-2018/CXBIPH/2-32/thuH*

*Quyết định xuất bản số: 24/QĐ-NXBTH*

*Mã ISBN: 978-604-959-076-4*

*In xong và nộp lưu chiểu tháng 03 năm 2018*



**SÁCH BIẾU TẶNG**

**DO TẬP THỂ LỚP PHẬT PHÁP CĂN BẢN  
VÀ LỚP VI DIỆU PHÁP HÀ NỘI ẨM TỔNG**